



Đây là cuốn ebook được dành tặng bạn!

CÙNG MỘT TÁC GIẢ
(đã xuất bản phiên bản tiếng Việt)

CUỘC CÁCH MẠNG MỘT-CỘNG-RƠM
Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh

Quê màu trên sàn mặt

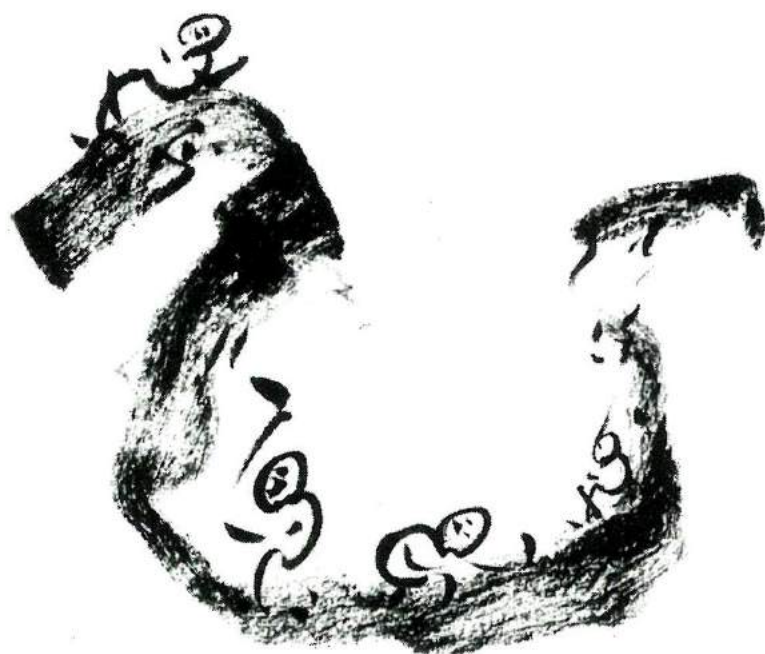
Masanobu Fukuoka
XanhShop biên dịch



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Cánh chuồn sẽ là đấng cứu thế

無
智
無
酒
無
名



GIEO MẦM TRÊN SA MẠC

Làm nông tự nhiên, Phục hồi sự sống
trên phạm vi toàn cầu và Giải quyết căn bản
vấn đề An ninh lương thực



Masanobu Fukuoka

Biên dịch
XanhShop



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GIEO MẦM TRÊN SA MẠC

Bản quyền tiếng Việt © Công ty TNHH TA XANH, Việt Nam 2016.

Xuất bản theo hợp đồng bản quyền giữa MICHIO SHIBUYA và Công ty TNHH TA XANH thông qua UNI Agency, Japan.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn, văn bản điện tử hay phát tán trên mạng internet mà chưa có sự đồng ý bằng văn bản của đơn vị giữ bản quyền đều là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả.

わら一本の革命総括編粘土団子の旅

WARA IPPON NO KAKUMEISOUKATSU-HEN NENDO
DANGO NO TABI

Published by Shunjusha Publishing Company

Copyright © 2010 Masanobu Fukuoka

Vietnamese translation rights arranged with Michio Shibuya through Japan UNI Agency, Inc., Tokyo

Mọi góp ý về bản dịch xin vui lòng gửi về: Tủ sách Xanh

489 Cộng Hoà, P.15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Email: books@xanhshop.com

Tham gia đóng góp các ý kiến của bạn online tại đây:

<https://www.facebook.com/groups/cachmangrom/>

*Dành cho những ai sẽ gieo những hạt mầm
trên sa mạc.*

Masanobu Fukuoka

Tháng 12, 1992



Mục Lục

Lời Giới Thiệu.....	i
Ghi Chú Của Người Biên Tập (Bản Tiếng Anh).....	xxiv
Về Hình Minh Họa.....	xxvii
CHƯƠNG MỘT: TIẾNG GỌI ĐẾN VỚI NÔNG NGHIỆP TỰ NHIÊN.....	1
Tôi trở về với việc làm nông.....	6
Những thử thách thời chiến tranh loạn lạc.....	8
Ý nghĩa thực sự của Tự Nhiên.....	10
Những sai lầm của tư tưởng loài người.....	12
Sẽ không có Chúa hay Phật nào ra tay cứu lấy loài người.....	17
Cánh chuồn sẽ là Đấng cứu thế.....	18
Cuộc sống thuận tự nhiên.....	20
CHƯƠNG HAI: XÉT LẠI TRI THỨC CỦA CON NGƯỜI..	24
Sự khởi sinh của tri thức phân biệt.....	25
Thuyết chọn lọc tự nhiên của Darwin.....	27
Hiểu về thời gian và không gian chân thực.....	30
Gien trội và gen lặn.....	32
Một cách nhìn khác về tiến hóa.....	34
Những giống lai xuất hiện một cách tự nhiên trong ruộng lúa của tôi.....	37
Từ bỏ những gì chúng ta nghĩ là mình biết.....	42
CHƯƠNG BA: CHỮA LÀNH CHO MỘT THẾ GIỚI TRONG CÒN KHỦNG HOẢNG.....	47
Hồi phục lại trái đất và con người của nó.....	48

Trong tự nhiên, không có những con côn trùng có ích hay gây hại.....	50
Đông y và Tây y.....	51
Nỗi sợ chết.....	56
Câu hỏi về linh hồn.....	57
Nền kinh tế bạch tuộc hút tiền.....	59
Ảo tưởng về luật nhân quả.....	68
Cách tiếp cận hiện tại của các phương thức đối phó với sự sa mạc hóa.....	73
CHƯƠNG BỐN: SỰ SA MẠC HÓA TOÀN CẦU.....	82
Những bài học từ các cảnh quan ở châu Âu và Hoa Kỳ.....	84
Bi kịch của châu Phi.....	90
Gieo những hạt giống trong một trại tị nạn ở châu Phi.....	95
CHƯƠNG NĂM: TÁI PHỦ CÂY CHO TRÁI ĐẤT THÔNG QUA NHỮNG PHƯƠNG PHÁP TỰ NHIÊN.....	102
“Sản xuất” nông nghiệp thực chất ra là tiêu xuất.....	106
Trại chăn nuôi thương mại sẽ tàn phá đất đai, tôm cá nuôi lồng thì phá biển.....	110
Gieo những hạt mầm trên sa mạc.....	112
Tạo nên những vành đai xanh.....	116
Tái phủ cây cho đất nước Ấn Độ.....	121
Những ghi chép từ một hội nghị thượng đỉnh quốc tế về môi trường.....	141
CHƯƠNG SÁU: NHỮNG CHUYẾN DU HÀNH TRÊN BỜ TÂY NƯỚC MỸ.....	147
Các khu chợ nông dân.....	151

Các nông trại tự nhiên ở thành thị.....	156
Người gieo và Chim muông gieo.....	158
Trồng lúa ở thung lũng Sacramento.....	164
Từ làm nông hữu cơ tới làm nông tự nhiên.....	167
Hai hội nghị quốc tế.....	174
Những cây tuyết tùng Nhật Bản ở Trung tâm Thiền.....	179
PHỤ LỤC A: TẠO LẬP MỘT TRANG TRẠI TỰ NHIÊN Ở CÁC VÙNG ÔN ĐỚI VÀ CẬN NHIỆT ĐỚI.....	186
Những cánh rừng phòng hộ tự nhiên.....	187
Gây rừng phòng hộ.....	189
Cây chắn gió.....	191
Tạo lập vườn cây ăn trái.....	191
Tạo các “cánh đồng” ở trong vườn cây ăn trái.....	194
Tạo lập một cánh đồng truyền thống.....	195
Tạo lập những cánh đồng lúa.....	196
PHỤ LỤC B: LÀM CÁC VIÊN ĐẤT CHỨA HẠT GIỐNG DÙNG ĐỂ TÁI LẬP THẨM THỰC VẬT.....	199
Mục đích.....	199
Vật liệu.....	199
Phương pháp gieo hạt từ trên không.....	200
Phương pháp sản xuất viên đất.....	201
Các đặc tính của viên đất.....	201
PHỤ LỤC C: SẢN XUẤT MÔI TRƯỜNG NUÔI CẤY TỰ NHIÊN TOÀN DIỆN.....	204



Lời Giới Thiệu

MASANOBU FUKUOKA (1913 - 2008) là một nông dân và triết gia người Nhật đến từ đảo Shikoku. Kỹ thuật làm nông tự nhiên của ông không cần đến máy móc hay nhiên liệu hóa thạch, không cần tới hóa chất, chẳng cần ủ phân, và rất ít phải làm cỏ. Trong những ruộng lúa của mình, ông Fukuoka đã không cày đất hay giữ nước lại suốt vụ - như cách người nông dân vẫn làm từ hàng thế kỷ ở châu Á và trên khắp thế giới. Ấy vậy mà ông Fukuoka vẫn thu được sản lượng ngang bằng hoặc hơn so với hầu hết các nông trại có năng suất cao ở Nhật. Phương pháp của ông không gây ô nhiễm, và sự màu mỡ trên những cánh đồng của ông được cải thiện cùng với mỗi mùa trồng trọt.

Kỹ thuật này thể hiện triết lý quay-trở-về-với-tự-nhiên của ông Fukuoka. Thông điệp của ông là thông điệp của tầm nhìn và của hy vọng. Nó chỉ ra con đường đi tới một tương lai tươi sáng cho nhân loại, một tương lai nơi mà con người, tự nhiên và vạn vật chung sống bình yên trong sự phong phú đa dạng.

Cuốn đầu tiên trong số các cuốn sách được chuyển ngữ sang tiếng Anh của ông Fukuoka là cuốn *Cuộc cách mạng*

một-cộng-rơm: Giới thiệu về làm nông tự nhiên do Nhà xuất bản Rodale phát hành năm 1978. Như phần tựa đề phụ gợi ý, cuốn sách này dành để giới thiệu thế giới quan và các phương pháp làm nông mà ông đã phát triển phù hợp với thế giới quan ấy. Trong cuốn sách, ông đã kể về hành trình làm nông, trình bày khái quát về triết lý và các kỹ thuật làm nông của mình. Ông cũng đã đưa ra quan điểm về những thứ như chế độ ăn, nền kinh tế, chính trị và con đường đáng buồn mà nhân loại đã chọn đi theo - bằng cách tách bản thân nó ra khỏi tự nhiên.

Trong cuốn sách chuyển ngữ sang tiếng Anh tiếp theo của mình, *Cách thức làm nông tự nhiên* (Nhà xuất bản Nhật Bản, 1985), ông Fukuoka đưa ra chi tiết về việc các kỹ thuật làm nông của mình đã tiến triển như thế nào qua nhiều năm. Cuốn sách này chủ yếu là về thực hành, và dù đã không có được lượng độc giả rộng khắp như cuốn *Cuộc cách mạng một-cộng-rơm*, nó vẫn rất đáng đọc, đặc biệt là với những ai quan tâm tới việc đưa những phương pháp làm nông tự nhiên của ông Fukuoka vào thực hành trên mảnh đất của chính mình.

Trong cuốn sách hiện tại, *Gieo mầm trên sa mạc*, ông Fukuoka trình bày triết lý của mình dưới dạng chi tiết và đưa ra kế hoạch sử dụng cách làm nông tự nhiên để tái lập thảm thực vật cho các sa mạc trên thế giới. Đây là công

trình cuối cùng của ông, và xét về nhiều mặt, nó là công trình quan trọng nhất.

Tôi không chắc chắn mình mong chờ gì khi lần đầu tiên tới thăm nông trại của ông Fukuoka vào một ngày hè năm 1973, nhưng điều tôi tìm thấy vượt xa bất cứ những gì mà tôi có thể tưởng tượng được. Hồi đó tôi đã sống ở Nhật nhiều năm, làm việc trong các cộng đồng quay-về-với-đất-đai và làm các công việc nông nghiệp theo thời vụ khi có thể. Những câu chuyện người ta kể về ông Fukuoka mà tôi nghe được luôn kèm theo một sự kính trọng đối với những lời chỉ dạy về mặt tâm linh của ông, nhưng không một ai trong những người mà tôi chuyện trò cùng từng ở tại nông trại của ông hay đã học được bất kỳ kỹ thuật làm nông cụ thể nào của ông cả, vì thế tôi đã quyết định đi tới đó và tự mình xem lấy.

Lúa trên những cánh đồng của ông lùn hơn lúa của nhà hàng xóm, và có màu xanh thẫm gần như là màu ô-liu. Trên mỗi nhánh có nhiều hạt hơn, còn bề mặt của đất thì phủ kín cỏ ba lá và rơm. Côn trùng bay tứ tung; ruộng không ngập nước mà để khô ráo. Thật là tương phản hoàn toàn với những khu ruộng bên cạnh: ngăn nắp và thẳng thớm, những hàng lúa được trồng trong ruộng ngập, chẳng hề thấy bất kỳ loại cỏ hay côn trùng nào. Ông Fukuoka tới chào tôi và hỏi, liệu tôi đã từng bao giờ thấy ruộng lúa nào như của ông ấy

chưa. Tôi bảo với ông là chưa. Ông nói, “Lý do mà những cây lúa và cánh đồng trông như thế này là bởi vì đất đã không bị cày xới trên hai mươi lăm năm rồi”.

Tôi đã từng nghe được rằng ông Fukuoka hoan nghênh các học viên tới sống và làm việc trên nông trại, vì thế tôi hỏi ông liệu tôi có thể ở lại một thời gian không. Ông nói, “Tất nhiên rồi, nếu anh sẵn lòng làm việc và học hỏi một cái gì đó hơi khác lạ. Cứ đi theo con đường dẫn lên trên vườn kia, sẽ có người đưa anh đi thăm thú”. Tôi đi theo con đường ngoằn ngoèo lên tới khu vườn trên đồi trông xuống những cánh đồng lúa bên dưới, và sửng sốt bởi những gì trông thấy ở trên đó. Có đủ các loại cây với đủ loại kích cỡ, những cây bụi, cây leo, cây rau mọc ở khoảng trống giữa những cây lớn, còn lũ gà thì chạy khắp mọi nơi. Anh Hi-de, một trong những học viên ở đây, đã đón và chỉ tôi tới căn chòi quê mùa mà tôi sẽ sống cùng với hai người khác nữa. Tôi đã dành hai năm sau đó sống trong khu vườn thiên đường này để học các kỹ thuật làm nông tự nhiên của ông Fukuoka và cái triết lý mà từ đó những kỹ thuật này nảy sinh.

Vào thời điểm tôi tới sống và làm việc ở nông trại của ông Fukuoka, ông đã thực hành việc làm nông tự nhiên nhiều năm rồi. Câu chuyện về việc ông đã đi đến cách làm nông kiểu đấy như thế nào vừa thú vị vừa là một bài học.

Masanobu Fukuoka lớn lên ở một ngôi làng nhỏ trên đảo Shikoku, nơi gia tộc của ông đã sinh sống hàng trăm năm. Hồi nhỏ ông làm lụng trên ruộng lúa và vườn cam của nông trại gia đình. Ông Fukuoka đã theo học trường Cao đẳng Nông nghiệp Gifu gần Nagoya, ở đó ông nghiên cứu về bệnh học cây trồng dưới sự truyền dạy của nhà khoa học Makato Hiura lỗi lạc, và cuối cùng thì nhận việc tại Văn phòng Hải quan Nông nghiệp ở Yokohama. Nhiệm vụ chính yếu của ông là thẩm duyệt những cây trồng được nhập vào Nhật Bản xem có bệnh hay mang theo côn trùng gì không. Vào những lúc không kiểm tra cây, ông dành thời giờ để làm nghiên cứu, và như sau này nhớ lại, ông “đã thấy rất sửng sốt trước thế giới của tự nhiên được hiển lộ qua kính hiển vi”.

Sau ba năm làm việc tại đó, ông phát bệnh viêm phổi và suýt chết. Ngay cả sau khi đã hồi phục, ông vẫn bỏ ra hàng giờ liền đi lang thang trên những triền đồi suy ngẫm về ý nghĩa của sự sống và cái chết. Sau một trong những đêm đơn độc, đi lang thang suốt cả đêm như thế, ông ngã quy xuống gần một cái cây trên đỉnh con dốc nhìn xuống bến tàu. Ông tỉnh giấc khi nghe thấy tiếng kêu của một con diệc, và đã có một mặc khải làm thay đổi cuộc đời ông mãi mãi. Theo như cách ông miêu tả, “Chỉ trong một khoảnh khắc, toàn bộ những nghi ngờ và cơn mù mịt ảm đạm của tôi đã tiêu biến. Mọi điều mà tôi đã từng tin chắc, mà tôi vẫn

thường dựa vào đã bị quét đi cùng với gió... Tôi cảm thấy đây đích thực là thiên đường trên trái đất, và cái gì đấy có thể gọi là ‘bản lai diện mục’¹ đã hiển lộ”.

Ông đã thấy rằng tự nhiên đang ở trạng thái cân bằng và phong phú một cách hoàn hảo y như nó là. Con người, với hiểu biết hạn hẹp của mình, cố cải tiến tự nhiên, nghĩ rằng kết quả đạt được sẽ tốt hơn cho loài người, nhưng những hiệu ứng phụ bất lợi không thể tránh được cũng sẽ xuất hiện. Rồi người ta lại đưa ra những phương sách để kháng lại những tác dụng phụ này, và thế là những hiệu ứng phụ lớn hơn lại nảy sinh. Cho đến giờ, hầu hết mọi sự mà loài người đang làm thì chỉ là để giảm nhẹ những vấn đề gây ra bởi những hành động sai lầm trước đó.

Ông Fukuoka đã cố gắng giải thích những ý tưởng của mình cho các đồng nghiệp và thậm chí là cả những người ông gặp ở trên đường, nhưng đều bị gạt đi, bị coi là kẻ lập dị. Đây là vào những năm 1930, khi mà khoa học và công nghệ đang trên đà kiến tạo một xã hội thừa mứa và rảnh rang. Và vì thế, ông quyết định bỏ việc và quay trở về nông trại gia đình để áp dụng hiểu biết của mình vào nông nghiệp. Mục đích của ông là tạo nên một ví dụ thể hiện cách nghĩ của ông, và qua đó, cho thế giới thấy giá trị tiềm tàng của nó.

1 Bản chất thực (ND).

Nông trại bao gồm ruộng lúa rộng khoảng một mẫu Anh² nơi cây lúa được trồng cấy trong ruộng ngập nước, và một khu vườn cam rộng mười mẫu. Nhà thì ở trong làng với một khoảnh sân và một vườn rau hữu cơ nho nhỏ bên ngoài cửa bếp. Ông Fukuoka chuyển ra sống trong một cái chòi nhỏ trên vườn, dành vài năm tiếp theo quan sát tình trạng của đất trồng và ghi chép lại sự tương tác giữa cây cối và động vật sống ở đó. Nhớ lại khoảng thời gian này, ông Fukuoka nói, “Tôi chỉ đơn giản làm cho tâm trí rộng rang và cố gắng hấp thụ những gì có thể từ tự nhiên”.

Ông Fukuoka muốn tạo dựng một môi trường đem lại lợi ích cho con người - nơi mà tự nhiên được tùy nghi phát triển. Nhưng phải bắt đầu từ đâu? Ông không biết ai từng thử làm việc này trước kia, vì thế không có người nào đi trước để chỉ đường cho ông cả. Ông để ý thấy rằng số cây cối hiện diện trong vườn chỉ giới hạn ở cam quýt và vài loại cây bụi, và dù có một số loài cỏ dại mọc lộn xộn đây đó, đất tro ra đã bị xói mòn đến tận lớp đất đỏ và cứng ở bên dưới. Trong tình trạng như thế, nếu ông chỉ đơn thuần là không làm gì, tự nhiên sẽ tiếp tục đi theo vòng xoáy đi xuống mà thôi. Bởi vì chính con người đã tạo ra tình trạng phi tự nhiên này, ông cảm thấy mình có trách nhiệm phải sửa chữa sự hư hại đó.

2 Một mẫu Anh tương đương với 4046,86 mét vuông. Sau này trong cuốn sách, mỗi khi nhắc tới đơn vị mẫu, xin hãy hiểu là mẫu Anh (chú thích của người dịch - ND).

Để đất bớt cứng, ông đã đem vãi hạt giống của những cây rau có rễ ăn sâu, chẳng hạn như cải củ daikon, ngưi bâng, bồ công anh và cây hoa chuông. Để làm sạch và làm giàu cho đất, ông đã trồng thêm những loại cây có bộ rễ chắc, tạo thành thớ, bao gồm cải mù-tạt, củ cải, kiều mạch (tam giác mạch), cỏ linh lăng, cỏ thi và cây cải ngựa. Ông cũng biết rằng mình cần những cây phân xanh cố định đạm, nhưng mà phải dùng loại nào? Ông đã thử ba mươi loài khác nhau trước khi kết luận rằng cỏ ba lá hoa trắng và cây đậu tằm là lý tưởng trong điều kiện của mình. Rễ của cỏ ba lá hoa trắng tạo thành một lớp dệt chùng vài tấc đất trồng phía trên cùng, thế nên chúng rất hiệu quả trong việc kiềm chế cỏ dại. Đậu tằm mọc tốt trong mùa đông, lúc mà cỏ ba lá hoa trắng không dễ mọc cho lắm.

Cần ghi nhớ một điều quan trọng là, khi ông Fukuoka thực hiện những thử nghiệm như thế này, mục đích của ông là để giải những bài toán thực tiễn cụ thể. Ông không làm thí nghiệm chỉ để thỏa chí tò mò hay để tìm hiểu tự nhiên, ông chờ câu trả lời từ tự nhiên cho những vấn đề thiết thực.

Để cải thiện những tầng đất sâu hơn, lúc đầu ông đã cố gắng đem chôn những vật liệu hữu cơ như thân cây và cành nhánh đã phân hủy một phần mà ông nhặt nhanh được từ những vùng rừng xung quanh. Cuối cùng ông kết luận rằng cách làm này cho quá ít lợi ích so với công sức phải bỏ ra.

Bên cạnh đó, mục đích của ông vốn là tạo ra một hệ thống tự vận hành, mà một khi đã được thiết lập, sẽ tự chăm lo được cho chính nó. Ông quyết định để cho cây cối làm công việc này, thay vì con người phải nai lưng ra làm.

Ông đã trồng những cây keo cố định đâm xen kẽ đây đó giữa những cây cam quýt, cũng như trồng các loại cây lớn và cây bụi khác có rễ đủ cứng đâm xuyên và cải tạo được tầng đất sâu bên dưới. Những cây keo mọc khá nhanh, sau tám hay chín năm ông sẽ hạ chúng xuống và dùng gỗ để làm củi hoặc làm vật liệu cất nhà, để lại bộ rễ cây trong đất tự mọc đi theo thời gian. Khi đốn hạ những cái cây đó, ông lại trồng các cây khác ở những vị trí khác, vì thế quá trình tái tạo đất vẫn luôn tiếp diễn.

Cuối cùng thì lớp đất trồng đã sâu hơn và trở nên màu mỡ, còn cơ cấu của khu vườn thành ra giống như của một khu rừng tự nhiên, với những cây cao che tán, những cây ăn trái cỡ vừa, những cây bụi, dây leo và một lớp mọc sát mặt đất gồm cỏ dại, những cây thường xuân, cây thảo dược, cải mù-tạt, kiệu mạch và rau. Cỏ ba lá hoa trắng mọc khắp nơi có tác dụng như một lớp cố định phủ đất, giúp cho đất được màu mỡ. Vào thời điểm tôi đến nông trại, có hơn ba mươi loại cây ăn trái và cho hạt cứng ở trong vườn, cũng như đủ loại quả mọng, cùng rau và các cây bản địa ở mỗi tầng tán khác nhau của “vườn rừng”. Cũng có cả gà và ngỗng chạy

đó đây, một vài con dê, mấy con thỏ và những tổ ong. Chim chóc, côn trùng và các sinh vật hoang dã khác thì chỗ nào cũng có, còn nấm hương (nấm đông cô) mọc đầy trên những khúc gỗ mục được xếp chồng trong bóng râm dưới những tán cây.

Một nguyên tắc mà ông Fukuoka tuân theo khi đi vào các chi tiết kỹ thuật làm nông của mình là tìm cách làm càng ít càng tốt. Không phải vì ông lười biếng, mà bởi vì ông có niềm tin rằng nếu tự nhiên được cho cơ hội, nó sẽ tự làm được mọi chuyện. Như ông đã viết ở trong cuốn *Cuộc cách mạng một-cộng-rơm*, “Khi phát triển một phương pháp mới người ta thường đặt câu hỏi ‘Làm cái này thì sao?’ hoặc ‘Làm cái kia thì thế nào?’, dẫn tới một loạt những kỹ thuật, cái này chồng chất lên cái kia. Đây là nông nghiệp hiện đại và kết quả duy nhất của nó là làm cho người nông dân bận rộn hơn.”

“Cách của tôi thì chính xác là điều ngược lại,” ông viết tiếp. “Tôi đang nhắm tới một cách làm nông thoải mái, tự nhiên³, kết quả là khiến cho công việc trở nên dễ dàng hơn, thay vì làm nó khó khăn thêm. Không làm cái này thì sao? Không làm cái kia thì sao? - đây là cách nghĩ của tôi. Cuối cùng, tôi đi đến kết luận là không cần tới cày xới, không cần

3 Làm nông đơn giản hết mức có thể, trong phạm vi trật tự tự nhiên và hợp tác với nó, thay vì theo cách tiếp cận hiện đại càng ngày càng đưa vào nhiều hơn những kỹ thuật phức tạp để biến đổi hoàn toàn tự nhiên phục vụ cho lợi ích của con người (Các chú thích trong sách đều là của Larry Korn, ngoại trừ các chú thích ghi rõ là của người dịch).

phải bón phân, cũng không cần ủ phân mùn hay dùng tới thuốc trừ sâu. Khi đi tới tận cùng của nó, chẳng có mấy thao tác thực hành trong nông nghiệp là thực sự cần thiết.”

Tuy nhiên, ban đầu khi ông Fukuoka thừa kế khu vườn, hầu hết các hệ thống tự nhiên đều đã bị tổn hại rất nhiều, nên ông buộc phải tự mình làm những nhiệm vụ mà sau này không còn cần thiết nữa. Chẳng hạn, một khi thiết lập được sự phối hợp bền vững của các loại cây tái tạo đất, ông không cần phải bón phân nữa. Trong những năm đầu chờ cho tới khi thiết lập được sự đa dạng các loại cây và môi trường sống cho côn trùng, ông đã phải trồng những cây hoa cúc để chiết xuất ra nước trừ sâu tự nhiên. Ông dùng nó để kiểm soát rệp vừng và sâu bướm trên rau. Một khi đất đã được cải thiện và cân bằng tự nhiên giữa các loài côn trùng đã được hồi phục thì ngay cả nước trừ sâu kiểu này nữa cũng trở nên thừa. Đến cuối cùng, ông Fukuoka còn phải làm rất ít việc. Ông vãi hạt giống và trải rơm, cắt bớt lớp phủ đất một lần vào mùa hè và để nguyên tại chỗ, thỉnh thoảng thay thế một số cây gỗ và cây bụi, rồi chờ tới mùa thu hoạch.

Một ngày nọ, đi ngang qua ruộng lúa vừa gặt xong, một ý tưởng mới cho việc trồng lúa đã nảy ra trong đầu ông. Cái ông trông thấy là những mầm lúa tự mọc lên giữa đám cỏ dại và rơm rạ. Ông Fukuoka vốn đã thôi việc cày đất trong các ruộng lúa của mình rồi, nhưng kể từ lần đó trở đi, ông

ngừng luôn cả việc cho nước chảy vào ngập ruộng. Ông không gieo thóc vào mùa xuân rồi sau đó cấy mạ non vào ruộng chính nữa. Thay vào đó, ông vãi thẳng hạt giống lên mặt ruộng vào mùa thu, là thời điểm mà trong tự nhiên chúng tự rơi xuống đất. Và thay vì cày đất để loại bỏ cỏ dại, ông học cách kiểm soát chúng bằng cách rải rơm và trồng cố định một lớp phủ đất bằng cỏ ba lá hoa trắng. Rốt cuộc, cũng giống với vườn cây ăn trái, cách trồng lúa của ông Fukuoka đã loại bỏ đi hết, chỉ còn giữ lại những công đoạn đơn giản nhất - gieo hạt, rải rơm, và thu hoạch. Các công đoạn khác thì ông để cho tự nhiên làm tất.

Khi ông Fukuoka quay trở về nông trại của gia đình và bắt đầu thực hành nông nghiệp tự nhiên, ông muốn chứng minh cách suy nghĩ của mình có thể giúp ích cho đời. Sau hai mươi lăm năm, sản lượng của những cánh đồng lúa không giữ cho ngập nước của ông Fukuoka đã bằng hoặc vượt các nông trại hàng đầu về năng suất của Nhật Bản. Ông cũng trồng một vụ lúa mạch vào mùa đông trên cùng những cánh đồng trồng lúa gạo, và gửi bán gần chín mươi tấn quýt mỗi năm, chủ yếu là tới Tokyo, nơi mà nhiều người trước đó chưa từng được nếm thực phẩm trồng tự nhiên.

Không sử dụng đến bất kỳ sản phẩm nào của công nghệ hiện đại mà vẫn cho sản lượng cao, làm nông tự nhiên còn không gây ô nhiễm, và mỗi năm qua đi đất trồng lại tốt lên.

Nếu như ông Fukuoka có thể thu được sản lượng tương đương với các nông dân khác ở Nhật, trong khi họ sử dụng hết thảy các công cụ khoa học công nghệ mới nhất, gây ô nhiễm, trồng ra những cái cây ốm yếu, và phá hoại đất trồng, vậy thử hỏi đâu là lợi ích của những hiểu biết và công nghệ mà con người tạo ra đây? Chỉ sau có hai mươi lăm năm, ông đã chứng minh được luận điểm của mình.

Khu vườn cây trái của ông không sử dụng bất cứ tiện ích hiện đại nào. Nước uống được mang về từ suối, đồ ăn được nấu trên bếp củi, còn ánh sáng thì lấy từ nến và đèn dầu. Ông Fukuoka cấp cho các nhân công học việc của mình ba mươi lăm đô-la mỗi tháng để chi dùng cho cuộc sống. Hầu hết số tiền đó được dùng để mua nước tương và dầu ăn, là những thứ mà sản xuất ở quy mô nhỏ thì không bỏ công. Với những nhu cầu còn lại, học viên đều dựa vào lượng thực phẩm trồng được trên đồng ruộng và ở trong vườn, các sản vật kiếm được tại chỗ, và dựa vào sự khéo léo của chính họ.

Ông Fukuoka cố tình để cho các học viên sống theo lối bán khai như thế này, bởi ông tin nó sẽ giúp đem đến cho họ sự nhạy cảm cần thiết khi làm nông theo phương thức tự nhiên của ông. Ông không trả công cho các học viên làm việc ở đó, nhưng chẳng ai phản đối. Họ cảm thấy việc sống trong cảnh điền viên như thế và nhận lãnh sự chỉ giáo của

ông Fukuoka - bản thân nó miễn phí và hào phóng - là giá trị nhiều hơn số tiền công rồi. Kể từ hồi tôi sống ở nông trại đó tính tới nay đã được ba mươi lăm năm. Mọi công việc sau này tôi thực hiện để thúc đẩy việc làm nông tự nhiên đều là để đáp đền ông Fukuoka, cho những gì tôi đã học được từ ông.

Lúc tôi ở đó, chúng tôi có khoảng năm hay sáu người sống trong nhiều năm liên tục tại trang trại. Những người khác thì đến và ở lại chỉ một vài tuần hay vài tháng rồi lại xuống núi. Tình bằng hữu ở đó thật là tuyệt vời. Chúng tôi tụ họp cùng nhau mỗi sáng và lên kế hoạch làm việc trong ngày. Anh Hi-de đã ở đó lâu nhất và có hiểu biết sâu sắc nhất về công việc ở nông trại, vì thế được mọi người mặc định coi là trưởng nhóm. Các công việc nhà nông như tưới thừa cây ăn trái, cắt thấp lớp cỏ phủ vườn và thu hoạch, có thể kéo dài vài tuần hoặc vài tháng. Công việc thường ngày bao gồm gánh nước, nấu nướng, chăm nom vật nuôi và tổ ong, đi nhặt củi và chặt củi, làm mi-sô (tương đậu nành lên men) và đậu hũ (sữa đông của đậu nành), và chuẩn bị nước nóng để tắm. Thi thoảng các căn chòi cũng cần phải được sửa chữa hoặc thay thế nữa.

Ông Fukuoka thường làm cùng với chúng tôi, chỉ dẫn các kỹ thuật và thao tác cụ thể, như cách vo những viên đất chứa hạt giống, trồng rau theo lối bán hoang, cách sử dụng

đúng và chăm chút cho nông cụ. Ông khá là thân thiện và kiên nhẫn, nhưng sự kiên nhẫn của ông tắt rất nhanh khi phải trông thấy những thứ mà ông cho là làm không tới nơi tới chốn. Ông Fukuoka thật không biết mỏi mệt. Ngay cả khi đã sáu mươi lăm tuổi, ông vẫn leo lên leo xuống các sườn đồi của vườn cây trái như một con sơn dương. Tất cả chúng tôi đều chẳng theo kịp.

Thỉnh thoảng, thường là chủ nhật hoặc những khi mưa nặng hạt, ông Fukuoka tập hợp chúng tôi lại để thảo luận các triết lý của ông. Những buổi như thế đối với tôi thật khó nhằn. Mặc dù có thể nói tiếng Nhật lưu loát, nhưng tôi chỉ thạo thứ ngôn ngữ sử dụng hằng ngày. Cách diễn đạt mang tính triết học và tâm linh mà ông dùng trong các buổi thảo luận thì tôi không tài nào hiểu nổi. Ông Fukuoka còn luôn miệng bảo chúng tôi rằng triết lý là tất cả, còn làm nông thì chỉ là sự minh họa cho triết lý ấy thôi. Ông nói, “Nếu các cậu không hiểu triết lý thì tất cả những thứ khác sẽ trở thành những hành động vô nghĩa”. Vậy nên mỗi ngày tôi phải cố gắng hết sức, và tự nhủ rằng tới một lúc nào đó mình sẽ lĩnh hội được.

Một buổi chiều, trong lúc chúng tôi đang tuốt lúa trên sân nhà ông ở trong làng, ông Fukuoka xuất hiện từ nhà đi ra, khuôn mặt rạng rỡ. Ông đang cầm trên tay cuốn *Cuộc cách mạng một-cộng-rơm* phiên bản tiếng Nhật do nhà xuất bản

gửi tới. Ông Fukuoka vốn đã viết nhiều sách, nhưng buộc phải tự xuất bản vì không thể tìm được một nhà xuất bản sẵn lòng đặt cược vào những ý tưởng quá khác lạ so với tư tưởng chính thống như thế. Và rồi cuộc khủng hoảng dầu mỏ đầu tiên diễn ra vào đầu những năm 1970. Nhật Bản, một nước công nghiệp hầu như không có nguồn nhiên liệu nội địa nào, bị ảnh hưởng trầm trọng. Đột nhiên nhà nhà đều chuyển sang tìm kiếm các phương thức thay thế cho nền sản xuất dựa trên xăng dầu. Cuối cùng thì một nhà xuất bản liên hệ với ông Fukuoka và yêu cầu ông viết một cuốn sách giới thiệu về phương pháp làm nông tự nhiên của ông và về việc làm thế nào mà ông lại đi đến cách làm nông đó. Ông đã viết quyển sách ấy trong vòng có ba tháng.

Sau khi đã đọc cuốn sách, các học viên khác và tôi quyết định rằng bọn tôi sẽ dịch nó ra tiếng Anh và cố gắng xuất bản nó ở nước Mỹ. Triết lý và các kỹ thuật của ông Fukuoka đơn giản là quá quan trọng để bị mai một đi ở nước Nhật, nơi mà tương đối ít người biết đến công việc của ông. Tôi đã nghiên cứu khoa đất trồng và dinh dưỡng cây trồng tại Đại học California ở Berkeley, và biết về rất nhiều vấn đề gây ra bởi việc cày xới đất. Có nhiều nông dân và nhà nghiên cứu, thậm chí thuộc trường phái nông nghiệp chính thống, cũng đang cố gắng phát triển một hệ thống không cày xới cho việc trồng hạt cốc và các cây trồng khác, nhờ đó sẽ tránh được các vấn đề như sử dụng quá nhiều

năng lượng, gây ra xói mòn đất và cạn kiệt vật chất hữu cơ trong đất; nhưng không ai tìm được cách để làm chuyện đó thành công, ít nhất là thoát khỏi việc không làm cho ruộng đồng ngập trong thuốc diệt cỏ. Thế nên, ngoài sức lôi cuốn nội tại trong triết lý của ông Fukuoka, tôi còn biết rằng câu chuyện hai mươi lăm năm thu hoạch sản lượng cao, không dùng tới hóa chất và không cày xới của ông sẽ được chào đón trong giới nông nghiệp.

Không ai trong chúng tôi có kinh nghiệm trong việc viết lách, biên tập hay dịch thuật gì cả, nhưng chúng tôi đã không để cho điều đó làm mình nhụt chí. Hồi đó chưa có máy vi tính cá nhân hay phần mềm xử lý văn bản, thế nên việc đầu tiên cần làm là sửa lại chiếc máy đánh chữ cũ kỹ đang để lăn lóc trong một căn chòi. Nó không có ruy băng, các phím chữ *d* và *e* bị mất, con trượt thì hay có kiểu bị kẹt khi quay trở về đầu hàng rất bức mình. Tôi đáp tàu đi thành phố Matsuyama nhiều lần để sửa nó cho xong, tiện thể tới thăm lâu đài Matsuyama và ghé qua tắm ở các suối nước nóng công cộng trên đường đi.

Chris Pearce là một người bạn tôi đã gặp được trong khoảng thời gian sống ở các công xã nông thôn. Anh ấy lớn lên ở Nhật Bản và có thể nói trôi chảy cả hai thứ tiếng Nhật và Anh. Anh ấy đưa cho chúng tôi bản dịch đầu tiên. Nhưng Chris chưa bao giờ tới nông trại của ông Fukuoka, anh cũng

không có kinh nghiệm làm nông, vì thế một số đoạn của bản thảo có vẻ tối nghĩa hay rất khó hiểu.

Trong số các học viên khác sống ở nông trại vào thời điểm đó có anh Kurosawa mới quay về sau một năm đi thăm các nông trại hữu cơ ở Mỹ. Ba hay bốn lần mỗi tuần, sau khi làm lụng cả ngày, hai chúng tôi ngồi cùng ông Fukuoka chỉnh sửa những đoạn bản thảo tối nghĩa và khó hiểu. Cuối cùng, khi có được một bản thảo mà chúng tôi thấy là ổn rồi, tôi được tin tưởng phái đi Mỹ để tìm nhà xuất bản. Đây là vào năm 1976.

Tôi tìm cách gửi được bản thảo tới tay Wendell Berry, người đang sống và làm nông ở Kentucky. Dù bản dịch nháp còn khá thô và chưa chuyên nghiệp, nhưng ông Berry thấy thích nội dung của nó và nhận làm công việc hỗ trợ xuất bản. Ông khuyên chúng tôi dùng dịch vụ của Rodale Press, một phần là vì ông không muốn cuốn sách và triết lý của ông Fukuoka bị xem như một tác phẩm thuộc dòng “new age”⁴. Ông muốn đảm bảo rằng cuốn sách sẽ đến được tay của những nông dân thực thụ, bởi ông nghĩ thông điệp của nó sẽ có ích lợi cho họ và có khả năng giúp đảo ngược cách làm nông phi tự nhiên của nền nông nghiệp thời hiện đại. Rodale Press là đơn vị xuất bản tạp chí *Organic Gardening* (Làm vườn hữu cơ), vào thời gian đó có số ấn bản lưu hành trên một triệu bản, và sở hữu một câu lạc bộ

4 Thời đại mới, để phân biệt với các tri thức và triết lý cổ xưa truyền lại (ND).

sách vườn tói được hàng chục ngàn nông dân ở miền Trung nước Mỹ.

Trong chừng một năm tiếp sau đó, ông Berry và tôi cùng làm công việc sửa cho bản thảo trôi chảy hơn và làm rõ những đoạn có thể sẽ khó hiểu đối với người Mỹ. Cuốn sách được xuất bản trong năm 1978 và thành công ngay lập tức. Kể từ đó, *Cuộc cách mạng một-cộng-rơm* đã được dịch sang hơn hai mươi lăm thứ tiếng (chẳng ai biết chính xác là bao nhiêu), tất cả đều dịch từ bản tiếng Anh của chúng tôi.

Việc xuất bản cuốn *Cuộc cách mạng một-cộng-rơm* tạo nên một lần ranh trong cuộc đời ông Fukuoka. Ba mươi năm trước đó, ông làm lụng trong ngôi làng nhỏ của mình, gần như là không ai biết tới. Sau khi cuốn sách được xuất bản, ông trở nên nổi tiếng và được kính trọng trên toàn thế giới, và bắt đầu nhận được lời mời đi thăm từ những người ủng hộ ở khắp mọi nơi.

Lời mời đầu tiên là vào năm 1979, từ Herman và Cornelia Aihara, hai người đó tài trợ cho một trại hè thực dưỡng ở French Meadows, Sierra Nevada. Đây là lần đầu tiên ông Fukuoka và Ayako, vợ ông, đi ra khỏi nước Nhật, cũng là lần đầu tiên hai người đi máy bay. Trong sáu tuần tiếp sau đó, ông đi khắp các bang California, New York và Massachusetts. Bảy năm sau, ông quay trở lại nước Mỹ cho chuyến đi sáu tuần nữa, lần này có ghé thăm bang Oregon và

bang Washington. Trong vòng ba mươi năm cuối cuộc đời mình, ông còn tới thăm Ấn Độ (năm lần), Thái Lan (nhiều lần), Philippines, châu Phi (bao gồm Somalia, Ethiopia và Tanzania), châu Âu (hai lần) - trong đó có một chuyến đi đáng nhớ tới Hy Lạp, và Trung Quốc.

Khi lần đầu tiên trông thấy tình trạng đất đai ở California, ông đã sốc vì độ cằn cỗi của nó. Ông để ý thấy rằng, một phần tình trạng đó là do khí hậu, khi không có được lượng mưa mùa hè như ở Nhật Bản, nhưng hầu hết có nguyên nhân từ cách thực hành nông nghiệp bất cẩn, quản lý nước yếu kém, chặn thả quá độ, khai thác gỗ quá mức. Cuối cùng, ông gọi đó là “thảm họa sinh thái của California”. Sau khi thăm Ấn Độ và châu Phi, ông biết được mức độ nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng sinh thái trên phạm vi toàn thế giới là như thế nào. Kể từ đó trở đi, ông dành hết mọi năng lượng của mình sử dụng cách làm nông tự nhiên để tháo gỡ vấn đề sa mạc hóa.

Ông Fukuoka tin rằng hầu hết các sa mạc trên thế giới được tạo ra do hoạt động của con người. Những hành động kém hiểu biết này đều dựa trên sự hiểu biết không đầy đủ của loài người. Ông cảm thấy rằng các sa mạc có thể được phủ cây trở lại bằng việc gieo hạt giống trên diện rộng, phát tán càng nhiều loài cây và vi sinh vật cùng với nhau càng tốt. Do các điều kiện đã bị biến đổi quá trầm trọng, việc cố đưa

mọi thứ trở về y như trạng thái ban đầu sẽ không thể làm được nữa. Bằng việc cung cấp nhiều loại hạt giống cây và vi sinh vật khác nhau, tự nhiên sẽ có thể tái tạo theo con đường phù hợp nhất với các điều kiện thổ nhưỡng hiện tại. Ông gọi đây là lần Sáng Thế thứ hai. Điều quan trọng nhất là định kiến của con người phải được loại bỏ khỏi tiến trình đưa ra quyết định. Ông tin rằng để phủ cây trên sa mạc, con người cần chấm dứt việc cách ly kiểm dịch thực vật và bắt tay xây dựng những ngân hàng hạt giống quy mô lớn.

Kế hoạch chặn đứng sa mạc hóa của ông Fukuoka và tư tưởng của ông về những thứ như kinh tế, chính trị, chế độ ăn, giáo dục chính thống, nghệ thuật, chăm sóc sức khỏe và khoa học - tất cả những điều được bàn luận trong cuốn sách này - đều xuất phát trực tiếp từ triết lý cốt lõi của ông, cái đã đến với ông một cách bất ngờ ở Yokohama vào buổi sáng hôm đó, lúc ông mới 25 tuổi. Ông đã thấy được tự nhiên như là một thực tại đơn nhất, liền mạch, không hề có các đặc tính thường tại. Ông thấy thời gian như một khoảnh khắc liên tục của hiện tại, bao gồm cả quá khứ và tương lai.

Trong nỗ lực vô ích để hiểu tự nhiên và thiết lập một khung tham chiếu, người ta áp lên tự nhiên những khái niệm như bắc và nam, trên và dưới, tốt và xấu, phân loại tạo vật như các thực thể khác biệt, và chế ra một thứ “thời gian của con người” không dựa trên cái họ trải nghiệm mà dựa

trên đồng hồ và lịch. Làm như thế, con người tạo ra một thế giới của các ý niệm rồi sống luôn trong đó, vì vậy ngăn cách bản thân ra khỏi tự nhiên. Trong thế giới khởi thủy tuyệt đối, theo như ông Fukuoka, các khái niệm và cách đánh giá của con người là không hề hiện hữu.

Trong nhiều năm trời, điểm cốt lõi trong thế giới quan của ông Fukuoka vẫn thật khó hiểu đối với tôi, nhưng tới một ngày, tất cả đã trở nên rõ ràng. Khi ấy tôi đang đi bộ trong rừng cây gỗ đỏ ở bờ bắc bang California. Lúc ngồi xuống nghỉ cạnh một con lạch nhỏ, tôi nhìn lên và thấy cái gì đó chưa từng bao giờ nhìn thấy trước kia... sự yên bình và vẻ đẹp của chính bản thân tự nhiên. Vì một lý do nào đó, tôi không còn bị chia cắt khỏi tự nhiên bởi bộ lọc được làm từ ý niệm của riêng tôi nữa. Thay vì nhìn *vào* tự nhiên, giờ tôi ở trong nó. Tự nhiên chẳng hề thay đổi, nhưng nhận thức của tôi đã khác đi. Tôi không dừng được mà cười phá lên. Suốt bấy lâu tôi gian nan vật lộn với triết lý của ông Fukuoka, trong khi cái mà ông nói tới đó thực tế ra lại quá đơn giản và vẫn luôn ở ngay trước mắt tôi.

Khi tôi đi cùng với ông Fukuoka trong các chuyến đi tới nước Mỹ, người ta thường hỏi ông liệu có thể phối hợp cách làm nông tự nhiên với cách làm chính thống hoặc hữu cơ hay không. Ông cương quyết bảo rằng ta không thể làm thế. Và giờ, cuối cùng thì tôi cũng hiểu được vì sao. Người ta

hoặc là sống trong thế giới tuyệt đối của tự nhiên, hoặc là trong thế giới được làm bằng ý niệm của con người. Chẳng hề có thế giới nào là nửa nọ nửa kia cả.

Với thế giới quan của ông Fukuoka như thế, chẳng có gì ngạc nhiên khi cách làm nông tự nhiên của ông và kế hoạch mà ông cổ vũ nhằm phủ cây cho các sa mạc trên thế giới lại có vẻ đi ngược lại kiến thức chính thống và cách suy nghĩ khoa học hiện nay đến vậy. Đây là một kế sách thực sự có tầm nhìn và sáng tạo mà ông tin rằng sẽ trả loài người về mối quan hệ đúng đắn với tự nhiên và chữa lành sự hoang mang đau khổ trong trái tim con người. Mục tiêu của ông không gì khác hơn là tái tạo vườn Địa đàng, nơi người ta sống cùng nhau trong thịnh vượng, tự do và an bình.

Larry Korn

Ashland, bang Oregon, 2012

Ghi Chú Của Người Biên Tập (Bản Tiếng Anh)

PHIÊN BẢN TIẾNG NHẬT của cuốn sách *Gieo mầm trên sa mạc* được xuất bản lần đầu vào giữa những năm 1990. Phiên bản thứ hai, có sửa chữa đôi chút ra đời vài năm sau đó. Ông Fukuoka đặc biệt yêu thích cuốn sách này bởi lẽ nó giải thích được trọng tâm triết lý của ông và bàn đến điều đã trở thành niềm đam mê trong ba mươi năm cuối đời ông - áp dụng cách làm nông tự nhiên để ngăn chặn sự lan rộng của sa mạc, và phủ lại cây cho trái đất. Chúng tôi rất vui khi đem lại cho các bạn đọc tiếng Anh tác phẩm quan trọng này⁵.

Việc dịch từng chữ theo nguyên văn từ một ngôn ngữ này sang một ngôn ngữ khác có những thách thức xuất phát từ khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa. Dịch thuật từ tiếng Nhật sang tiếng Anh mang những khó khăn đặc trưng thuộc cả hai dạng trên.

5 Tên tiếng Anh là “Sowing seeds on the desert” (ND).

Một vấn đề chính về ngôn ngữ cần chú ý là câu trong tiếng Nhật thường ở dạng bị động, trong khi với tiếng Anh, các thể chủ động lại chiếm ưu thế hơn. Việc dịch từng chữ theo nguyên văn từ tiếng Nhật sang sẽ có xu hướng tạo ra một tông biểu đạt trang trọng và gián tiếp ở bản tiếng Anh, điều không xảy ra đối với người đọc tiếng Nhật. Khi sửa bản dịch gốc, tôi phải diễn đạt lại nhiều đoạn từ giọng bị động sang giọng chủ động sao cho chúng vẫn giữ lại được phong cách thân thiện và trực tiếp của tác giả.

Cái dễ thấy nhất của những khó khăn mang tính văn hóa là cách người Nhật kể một câu chuyện hoặc phát triển một luận điểm phức tạp rất khác so với người nói tiếng Anh. Trong tiếng Nhật, tác giả thường bắt đầu với chủ đề hay điểm cốt yếu mà ông ta muốn đưa ra, rồi sau đó mới đưa ra một câu chuyện hoặc một luận điểm giúp kể câu chuyện đó hay ủng hộ điểm cốt yếu đó, trước khi quay trở về với chủ đề, tức là kết luận lại. Tác giả sẽ tiếp tục một vòng kể chuyện và luận điểm khác, xong rồi lại trở về chủ đề chính. Người ta có thể nói rằng các câu chuyện bên lề hay các luận điểm này tạo nên những cánh hoa của một bông hoa, với chủ đề nằm ở đài hoa. Việc này giúp tạo lập độ thành thật và tính thuyết phục của vị tác giả đó trong tâm trí độc giả Nhật. Tuy nhiên, phong cách vòng quanh này chẳng mấy chốc sẽ trở nên tẻ ngắt đối với độc giả Anh ngữ, vốn đã quen với cách tiếp cận trực tiếp hơn. Bởi vì thế, một số

đoạn của cuốn sách này đã được tái cấu trúc sao cho thứ tự trình bày các ý tưởng của ông Fukuoka đem lại cảm giác tự nhiên hơn đối với độc giả nói tiếng Anh.

Trong cả hai trường hợp - cách xây dựng câu chủ động so với bị động, và cách tiếp cận vòng tròn so với tiếp cận trực tiếp trong việc kể một câu chuyện hoặc đưa ra điểm chính yếu - thì mục đích đều là làm cho cuốn sách được đọc một cách vừa trôi chảy vừa rõ ý đối với độc giả Anh ngữ, giống như bản gốc làm được với độc giả người Nhật vậy.

Ở một số chỗ, ông Fukuoka có sử dụng các thuật ngữ hay các kiểu diễn đạt đòi hỏi một ngữ cảnh thuộc về văn hóa mà những độc giả Anh ngữ có thể không thấy quen thuộc. Trong những trường hợp đó, sẽ có giải thích thêm ở trong phần ghi chú. Các phần lấy từ các tác phẩm khác của ông Fukuoka, cũng như những phần (chúng tôi) trao đổi cùng với ông, cũng đã được đưa vào.

Nhà xuất bản và biên tập viên xin được cảm ơn Michiyo Shibuya và Wayne Olson vì sự trợ giúp của họ trong việc chuẩn bị cho cuốn sách này.

L. K.

Về Hình Minh Họa

TẤT CẢ HÌNH MINH HỌA trong cuốn sách này đều do Masanobu Fukuoka vẽ tay, sử dụng kỹ thuật dùng cọ và mực gọi là *sumi-e*. Một số bức được làm ra dưới dạng chữ viết tay trong các bản in của cuốn *Cuộc cách mạng một-cộng-rơm*. Các bức khác được tạo ra ngẫu hứng và đem cho. Đi tới đâu ông cũng mang theo bộ đồ vẽ của mình.

Mỗi bức vẽ đều có dụng ý giải thích triết lý của ông theo cách này hay cách khác. Chúng cũng thể hiện tính cách khôi hài và hồn nhiên của ông Fukuoka.

HÌNH VẼ ĐỐI DIỆN BÌA TRONG

Bức vẽ này thể hiện “cái hang trí năng”, được mô tả ở trang 16.

Vô vi, vô tưởng, vô tri.

TRANG NHAN ĐỀ

Hết thảy chỉ một bầu trời.

TRANG ĐỀ TỪ

Đức Phật ngồi bế một đứa bé và một sợi dây buộc vào quả bóng bay. Quả bóng đại diện cho thế giới suy tưởng tương đối của con người. Đức Phật và đứa bé, những người không ở bên trong quả bóng, đại diện cho thế giới tuyệt đối của tự nhiên.

Tất cả mọi thứ đều ở bên trong quả bóng.

PHẦN LỜI GIỚI THIỆU

Hai người đang ngồi cạnh đồng lửa bên trong một cái nồi đất. Chiếc nồi đại diện cho thế giới được tạo ra bởi tư tưởng của con người. Ba con chữ xung quanh hai người đó là *phong* (gió), *quang* (ánh sáng) và *hỏa* (lửa). Con chữ ở trong đám khói, tìm cách thoát ra khỏi cái nồi là *Vô* (*Mu*), hay cái rỗng rang. Người thứ ba, không ở bên trong cái nồi, đang thư giãn và vui thú một mình.

Cái lò là vũ trụ/

vũ trụ này cũng chỉ là một giấc mơ trưa.

HÌNH ẢNH LẶP LẠI ĐẶT Ở ĐẦU MỖI CHƯƠNG

Hình ảnh được lặp lại ở đầu mỗi chương này thể hiện một cái nồi nấu đang treo trên một đồng lửa.

CHƯƠNG 1

Ở bên phải, người ta đang tự vui thú với tự nhiên. Ở bên trái, họ làm việc mệt nhọc trong “cái hang trí năng”. Sự tương phản này là cố ý và nổi bật.

Cái lò là vũ trụ

Người ta không cày cấy đất đai/

họ nuôi dưỡng tri thức của cái hang.

CHƯƠNG 2

Dưới mặt đất này chẳng hề có rộng hẹp/

Trên bầu trời kia không có chậm nhanh.

CHƯƠNG 3

Bức vẽ này lấy cảm hứng từ trải nghiệm của ông Fukuoka tại trại hè ở French Meadows, vùng núi Sierra Nevada. Trong tranh người ta đang cắm trại ngoài trời, vui sướng với rừng, với sông và không khí trong lành miền sơn cước. Cái nồi nấu bên trên bếp lửa được treo bằng mặt trăng lưỡi liềm.

Ở nơi không có gì, mọi thứ đều hiện hữu.

CHƯƠNG 4

Ở đây, người ta đang thực hiện nhiều kiểu hoạt động khác nhau của con người, với ý tưởng rằng mình đang hoàn thành một cái gì đấy. Dòng chữ cuối nói tới hình ảnh một người ở phía bên trái, đang thực hiện sứ mệnh riêng - sửa chữa những hư hại gây ra bởi hoạt động con người.

*Khởi thủy chẳng hề có đông/tây, cao/thấp,
nhanh/chậm, dễ/khó, yêu/ghét.*

Người này đang gieo hạt trong sa mạc.

CHƯƠNG 5

*Hãy nói đi, ông đế, nhà của ông ở bên trong trái dừa leo/
nhà tôi thì ở tận trời xanh. Ánh sáng của tôi tới từ mặt
trắng và các vì tinh tú,
nên tôi thực chả cần tới ngọn đèn.*

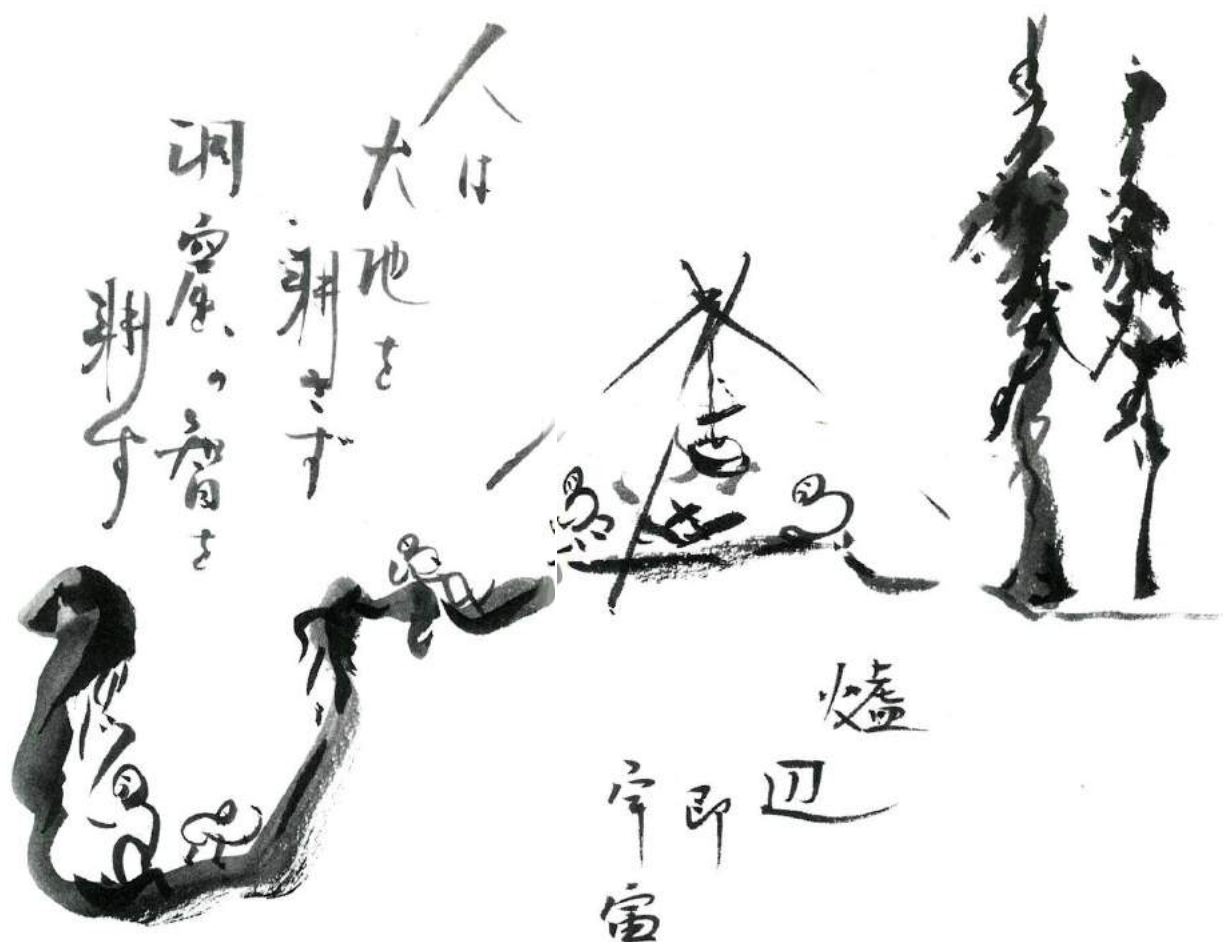
CHƯƠNG 6

Ý nghĩa tranh này được miêu tả ở phần “Hai hội nghị quốc tế” thuộc chương 6, trang 177.

MỞ ĐẦU PHẦN PHỤ LỤC

Hai người đang nằm, ngồi bên cạnh một cái nồi nấu ngoại cỡ. Nếu dịch nguyên văn thì dòng chữ đầu ám chỉ một dạng lao dịch, nhưng ý nghĩa trong tiếng Nhật thì tươi sáng hơn nhiều. Một cuộc đời đơn giản với những hoạt động thường ngày mang tới niềm vui mà tự nó là sự tưởng thưởng.

Ăn, ngủ, ăn rồi lại ngủ/ cả trăm năm cũng chẳng có việc gì làm.



CHƯƠNG MỘT

Tiếng Gọi Đến Với Nông Nghiệp Tự Nhiên



NĂM MUỐI NĂM TRƯỚC, tôi đã có một trải nghiệm làm thay đổi cuộc đời tôi mãi mãi. Lúc ấy tôi mới 25 tuổi. Sau khi tốt nghiệp trường Cao đẳng Nông nghiệp Gifu ngành bệnh học cây trồng, tôi nhận việc ở bộ phận Thanh tra cây trồng thuộc Cục Hải quan của chính phủ, thực hiện thanh tra những loại cây được nhập vào hoặc xuất đi khỏi nước Nhật. Là một người tin vào khoa học, tôi đã dành hầu hết thời gian của mình với chiếc kính hiển vi trong phòng thí nghiệm, bên cạnh một công viên nhỏ ở vùng Yamate của Yokohama.

Sau khoảng ba năm ở đó, không có gì báo trước, tôi mắc chứng viêm phổi cấp, thứ đưa tôi mặt đối mặt với nỗi sợ chết. Sau khi hồi phục, tôi bắt đầu đặt dấu hỏi về ý nghĩa sự tồn tại của con người. Chìm đắm trong buồn bã, tôi lang thang qua những ngọn đồi, ngày lẫn đêm.

Sau nguyên một đêm lang thang vô định, tôi sụp xuống, kiệt sức, dưới một gốc cây chỗ con dốc nhìn xuống bến cảng. Tôi ngồi đó mê mụ, ngủ thức lơ mơ cho tới hừng đông. Đột nhiên có tiếng kêu chói tai của một con diệc ăn đêm đánh thức tôi, như thể từ một giấc mơ. Mọi hoang mang, mọi thống khổ từng ám ảnh tôi biến mất cùng với làn sương buổi sớm. Một cái gì đó mà tôi gọi là “bản chất thực” được hiển bày. Tôi đã biến đổi, cả cơ thể lẫn tâm hồn. Những lời đầu tiên thốt ra từ môi tôi là, “Thực sự chẳng có gì sai”. Tôi nhìn quanh trong niềm sùng sốt đầy vui sướng.

Vẻ đẹp bình an của thế gian đối với tôi trở nên thật hiển nhiên sống động. Tôi vượt qua được cơn xúc cảm và chuyển sang cơn run rẩy. Tôi đã ngờ nghệch kiếm tìm một thứ gì đó trong khi nó vẫn luôn ở đấy, ngay trước mắt tôi suốt bấy lâu.

Ánh long lanh của giọt sương mai, màu xanh của những cái cây tắm trong nắng sớm, tiếng rộn rã líu lo của lũ chim tụ tập lúc trời hừng... thật kỳ diệu là cả tôi nữa cũng có thể

dành cho mình một chỗ trong cái địa hạt của tự do này, thế giới của sự ngất ngây này.

Tôi đã thấy tự nhiên một cách trực tiếp. Nó thanh khiết và rực rỡ, y như tưởng tượng của tôi về chốn thiên đường.

Tôi thấy núi, thấy sông, cỏ và cây, những đóa hoa, những con chim nhỏ và những cánh bướm như thể mới lần đầu. Tôi cảm thấy nhịp đập rộn ràng của sự sống, sướng vui khi nghe thấy tiếng chim hót và âm thanh của lá cây xào xạc. Tôi trở nên nhẹ bẫng như cánh chuồn, và cảm thấy như thể mình đang bay tạt trên những đỉnh núi cao.

Câu hỏi ở đây là, tại sao, chỉ riêng trong cái lần ấy, thế gian mà tôi vẫn thường nhìn thấy mỗi ngày lại hiện ra tươi mới và làm tôi cảm động đến thế? Nói thực lòng, tâm trí tôi vào thời điểm đó không ở trong trạng thái bình thường. Tôi đã đạt tới điểm kiệt quệ về thần kinh và tinh thần sau cơn bạo bệnh, và chẳng còn chút sức lực nào trong tôi nữa. Trong không khí mềm mại, yên tĩnh của ngày mới, tôi không chờ đợi bình minh cũng chẳng mong chờ bất cứ điều gì đặc biệt cả. Thế mà đột nhiên, với độc một tiếng kêu của con chim diệc đó, tôi bừng tỉnh. Trái tim tôi mở toang, và tôi chẳng thể nào chặn lại dòng nước mắt cứ tuôn không dứt.

Chỉ trong một phiến lá, một nhành hoa, tôi rung động nhận thức rõ mọi hình tướng xinh đẹp của thế gian này. Cái

tôi đã trông thấy đó đơn giản chỉ là màu xanh của lá cây lấp lánh trong nắng. Tôi không thấy vị thần linh nào ngoài bản thân đám cây, tôi cũng không nhìn ra một linh hồn thực vật nào ẩn trong đám cây cả. Khi nhìn thế gian với một tâm trí rỗng rang⁶, tôi đã có thể nhận thấy rằng thế giới ở trước mắt tôi kia là hình tướng thật của tự nhiên, và là vị thần duy nhất tôi thờ phụng.

Trải nghiệm mà tôi có được vào buổi sáng hôm ấy tạo ấn tượng không thể xóa được trong tâm trí tôi, sự tươi mới của nó cho tới tận ngày hôm nay vẫn chưa bị lu mờ. Nhưng thực tế mà nói, tôi chẳng thể mong chờ những cảm xúc này kéo dài mãi mãi được.

Tôi tràn đầy tự tin, tin chắc rằng mình đã có được trong tay sự thông thái mang tính chân lý. Tôi cảm thấy rằng mình có thể giải quyết được mọi vấn đề của thế gian. Nhưng khi ngày trôi qua, cơn lốc xoáy cảm xúc đã suy yếu đi, và hình tướng thực của tự nhiên, cái đã trở nên sáng sủa đối với tôi ấy cũng dần lùi xa. Mặc dù cách nhìn của tôi có thể đã đổi khác, nhưng như thế không có nghĩa là con người tôi đã thay đổi hoàn toàn.

Phải mất vài năm để cho hiểu biết mới này hòa nhập vào cuộc sống hằng ngày của tôi, nhưng điều đầu tiên mà tôi đã làm là bỏ việc ở Cục Hải quan. Tôi xuất phát từ bán đảo

⁶ Cách diễn đạt này nói về một trạng thái vô ngã, trong đó không có sự tách biệt giữa cá nhân và toàn thể sự hiện hữu.

Boso thuộc tỉnh Chiba và lang thang về phía Tây, trong tầm một, hai tháng gì đó, trên đường đi có dừng lại ở chỗ nọ chỗ kia. Tôi nhảy múa trong vẻ đẹp của tự nhiên trong lúc du hành, tới được Kyushu khi mùa đông đang đến gần.

Suốt cuộc du hành của mình, tôi đã nói chuyện với nhiều người về điều tôi nhận ra. Trong các cuộc thảo luận này, tôi có thể thấy rằng các ý tưởng của tôi là kỳ quặc so với cách nghĩ đương thời của xã hội. Khi tôi nói rằng nhân loại đang sống trong một thế giới phi thực tách rời khỏi tự nhiên, tôi được bảo là đơn giản tôi đang tự đánh lừa mình. Rốt cuộc, do tôi chẳng thể tìm được lời lẽ đủ để diễn đạt điều mà tôi thấy được buổi sáng hôm ấy, tôi học được một điều rằng, tốt nhất là nên giữ im lặng. Thời gian trôi đi, cảnh tượng thanh khiết của tự nhiên mà tôi đã trải nghiệm được ấy ngày càng mờ dần.

Giả như tôi là dạng người có xu hướng khép mình trong một kỷ luật tôn giáo nào đó, hẳn là tôi đã làm lễ tái thế nguyện. Nhưng tận trong tâm, là một kẻ vô tư lự, tôi đã chọn đi theo cuộc đời làm nông, tách biệt bản thân khỏi sự náo nhiệt của xã hội hiện đại.

Tôi trở về với việc làm nông

Sau một thời gian sống ở căn chòi ven hồ ngoại vi thị trấn Beppu, tôi quay trở về nông trang của cha mẹ mình ở tỉnh Ehime trên đảo Shikoku⁷. Đây là vào mùa xuân năm 1938. Tôi bắt đầu sống một mình trong một căn chòi ở vườn cam, và quyết định bắt tay vào làm nông tự nhiên để biểu đạt dưới dạng vật chất điều mà tôi đã thấy vào buổi sáng hôm ấy. Quan trọng hơn cả, tôi muốn cho người ta thấy những ý tưởng của tôi có ích cho đời như thế nào.

Lúc đầu, tôi không chắc phải làm sao, nhưng tôi đã quyết chí biến khu vườn trên đỉnh đồi thành chốn thiên đường. Ý tưởng của tôi là để cho tự nhiên rảnh tay làm mọi chuyện. Vào lúc đó, các cây cam cha tôi trồng đã được tạo hình cẩn thận, nhưng bởi tôi không cắt tỉa chúng - với ý tưởng rằng chúng sẽ quay trở về hình dáng tự nhiên - nên các cành cây mọc ra tứ tung, côn trùng và bệnh hại xuất hiện, và trước khi kịp định thần, tôi đã làm chết sạch hơn hai trăm cây.

Thử nghiệm đầu tiên này, đơn thuần là chẳng làm gì, là một thất bại nặng nề. Đây đâu phải là làm nông tự nhiên; mà đây là bỏ mặc. Nhưng tôi vẫn lấy làm vui vì ít nhất tôi đã học được từ thảm họa đó sự khác nhau giữa việc không

⁷ Ông Fukuoka lớn lên ở một ngôi làng nhỏ làm nghề nông cách thành phố Matsuyama 16 dặm. Gia tộc Fukuoka đã định cư ở đó vài trăm năm rồi. Nông trang bao gồm khoảng một mẫu ruộng lúa và lúa mạch, cùng với một vườn cam quýt rộng 10 mẫu nằm trên một con đồi nhìn ra vịnh Matsuyama. Mất khoảng hai mươi phút để đi bộ từ ruộng lên vườn. Là con cả trong gia đình, cuối cùng ông Fukuoka đã được thừa kế nông trại, và cùng với vợ mình, bà Ayako, nuôi lớn năm người con ở đó.

can thiệp và việc nhận lãnh những trách nhiệm thuộc về con người.

Cha tôi lo lắng cho tôi, nhưng tôi vẫn kiên trì. Tuy nhiên, thật không may là ngọn triều lịch sử loài người đã kéo tôi theo một hướng không mong muốn và không ngờ tới. Bầu trời Á châu trở nên tối tăm và nguy hiểm. Những người lính lên đường ra trận, tiếng trống dồn càng ngày càng lớn. Quanh tôi không còn sóng yên biển lặng nữa. Việc quay lưng lại với thế gian, sống một mình và vô tư lự trong căn chòi trên đồi trở nên không khả thi.

Cha tôi, vào lúc đó đang làm trưởng làng, thúc giục tôi đi tìm việc ở đâu đó, bất kỳ đâu, thậm chí là ở một trạm thí nghiệm nông nghiệp cũng được. Đây là quãng thời gian khi mà chính phủ và người nông dân đang dốc hết nỗ lực vào việc gia tăng sản lượng lương thực, thế nên tôi quyết định, sau khi vắng mặt năm năm, trở lại làm việc cho chính phủ với tư cách một nhà bệnh học cây trồng. Tôi đã tuân theo ước nguyện của cha và rời khỏi nông trại.

Đây là những điều mà tôi đã nguệch ngoạc viết trong căn chòi vào lúc ấy.

*Ước vọng chuyên tâm với đất,
Óc suy xét là cái ta dưỡng nuôi.
Ta vung cuốc và mài sắc lưỡi hái
Mà chẳng ăn thua gì.*

*Đất đai tiêu tụy, cỏ cây héo rũ,
Nhìn trời nhìn đất buông một tiếng thở dài,
Trong ta nhuộm đầy thất vọng.
Khi nào đây
Khu vườn Địa đàng ấy
Mới từng bừng trở lại?*

Chốn ẩn dật nho nhỏ ấy, Musoan⁸, là kỷ niệm nơi sinh ra nông nghiệp tự nhiên, nhưng tới giờ thì chẳng còn dấu vết nào của nó. Căn chòi đơn sơ tường trát bùn ấy, theo thời gian, đơn giản là đã trở về với đất.

Những thử thách thời chiến tranh loạn lạc

Và thế là vào những năm chiến tranh thế giới thứ hai tôi làm việc tại trạm thí nghiệm nông nghiệp ở tỉnh Kochi trên đảo Shikoku. Nhìn lại, tôi đã hoàn toàn vô trách nhiệm trong thời gian công tác tại đó. Thay vì tập trung nghiên cứu về bệnh rụi và tổn hại do côn trùng gây ra ở cây cối, tôi lại đi tranh cãi với các đồng nghiệp, bắt họ xem xét những ý kiến phủ nhận tính hợp lệ của khoa học. Hoặc không thì, giả đồ đi thanh tra bệnh hại trên cây trồng và côn trùng gây hại, tôi ngao du khắp các vùng núi thuộc địa phận tỉnh Kochi để làm những nghiên cứu về tự nhiên của riêng mình. Tôi đặt

⁸ Được dịch ra thành “chốn ẩn dật của Vô Tướng”.

một chân trong nông nghiệp tự nhiên còn chân kia trong thế giới của khoa học. Cuộc đời tôi đầy rẫy những mâu thuẫn.

Do chính sách của Nhật Bản đang dẫn cả đất nước vào cuộc chiến, tôi tiếc nuối sâu sắc vì mình chẳng thể làm gì để ngăn chặn nó. Một chủ nhật nọ, có năm hay sáu người lính trẻ từ lực lượng không quân đóng quân gần đấy tới thăm vì là ngày nghỉ của họ. Tất nhiên tôi chào đón các chàng lính trẻ ấy. Tôi muốn mời họ thứ gì đó, nhưng lại chẳng có đồ nào ăn được. Thế là họ dành cả ngày nằm nghỉ ngơi trong căn phòng tầng trên của tôi rồi quay trở về căn cứ. Sáng hôm sau, họ biến mất vào bầu trời phương nam. Đến giờ tôi vẫn cảm thấy nhói lòng khi nhớ lại gương mặt búng ra sữa của những người lính năm nào.

Khi nước Nhật bước vào năm cuối của cuộc chiến, cả tôi cũng bị gọi đi quân dịch. Thật may mắn là chiến tranh kết thúc ngay sau đó và tôi thoát. Tôi nhận được lệnh xuất ngũ và trở về nhà trong niềm biết ơn. Cuối cùng, tôi cũng được quay trở về với ruộng đồng, thưởng thức niềm vui của việc đơn giản là được sống. Tôi đặc biệt nhớ tiếng động vui vẻ phát ra từ chiếc máy đập lúa khi tôi quay nó lần đầu tiên sau khoảng thời gian dài vắng mặt.

Kể từ đó, tôi đã trở thành một nông dân, và không bao giờ chệch ra khỏi con đường làm nông tự nhiên nữa. Tôi đã trải qua biết bao thất bại khi phát triển phương pháp tự nhiên

trồng lúa gạo và các loại ngũ cốc mùa đông trên những cánh đồng không cày xới, vãi hạt giống ngay lên mặt ruộng, thế nhưng tôi vẫn cứ kiên trì. Tôi cũng chú tâm tạo lập một vườn cây ăn trái tự nhiên mà không xới đất, không sử dụng hóa chất hay làm cỏ bằng tay. Ngoảnh đi ngoảnh lại, thế mà bốn mươi năm đã trôi qua. Nói thế này không phải là để bảo rằng tôi là một nông dân đặc biệt cần cù. Thực ra, tôi nhắm tới một phương pháp làm nông không-làm-gì-cả⁹.

Phải, nhiều năm đã trôi qua kể từ trải nghiệm tâm linh thời tuổi trẻ của tôi. Giờ tôi đã là một ông già tóc bạc. Khi nhìn lại giai đoạn sau chiến tranh đó, có vẻ như nó đã xảy ra lâu lắm rồi, thế nhưng lại có cảm tưởng như là mới đây thôi. Khi xét tới vài năm cuối đời còn lại, tôi tự hỏi, liệu tôi đã làm mọi điều mà mình có thể làm được chưa.

Con đường mà tôi đã chọn là con đường độc đạo. Điểm khởi đầu của cuộc hành trình ấy, hóa ra cũng là điểm kết thúc của nó.

Ý nghĩa thực sự của Tự Nhiên

Tôi đã bỏ ra nhiều năm tuổi trẻ ngốc nghếch kiếm tìm thứ mà mình “phải” làm. Thay vào đó, đáng lẽ ra tôi phải đặt tất

⁹ Với cách nói này, ông Fukuoka ám chỉ tính chất nhàn hạ một cách tương đối trong phương pháp của ông ấy. Thực ra, cách làm nông tự nhiên vẫn cần tới việc nặng, nhất là vào thời điểm thu hoạch, nhưng ít hơn nhiều so với các phương pháp khác. Mục tiêu ông nhắm tới là tránh làm công việc không cần thiết, đặc biệt là những công việc phát sinh do hậu quả của các hoạt động trước đó.

cả niềm tin vào những đóa hoa đang nở trên đồng cỏ mới phải. Ngay cả khi con người chẳng làm gì sắt, cỏ, cây và những chú sơn ca vẫn hồn nhiên sống đó thôi.

Nhà thơ Basho đã sáng tác một bài Haiku thế này,

A thật thần thánh

Giọt nắng trời

Trên những cái lá xanh

Đúng ra, tôi có thể chấp tay kính phục và quỳ rạp trước bông hoa cải củ. Dù tôi không thể làm được thơ hay như Basho, trái tim tôi vẫn đang hát lên, “Ôi, màu trắng tinh của hoa cải củ/ Rực rỡ, huy hoàng!”

Sự thật đáng buồn là hầu hết quãng đời thanh xuân, chính tôi cũng cảm thấy xa lạ với tự nhiên. Nhưng giờ đây tôi chỉ cần cầm một bông hoa trong tay thôi, tôi còn có thể chuyện trò cùng nó nữa. Cuối cùng thì tôi cũng nhận ra rằng, mặc dầu tự nhiên không chủ động tìm đến con người, thì con người luôn có thể vươn tới tự nhiên và qua đó cứu rỗi chính mình.

Tôi thường nghĩ rằng, vào thời xa xưa, người ta hẳn đã biết mục đích tối thượng của đời người là đến thật gần tự nhiên.

Có một lần đã lâu lắm rồi, khi sống ở trên núi, tôi đã vô thức viết, “Núi, sông, cỏ cây đều là Phật” lên một mảnh gỗ. Cũng có lúc tôi cho rằng “Chúa” là cái tên để nói về chân lý tuyệt đối vượt không gian và thời gian. Đôi khi tôi nghĩ, có lẽ cách gọi “Vô danh” của Lão Tử¹⁰ là đúng hơn cả. Thực ra tôi vẫn đang vật lộn với những con chữ. Cuối cùng, tôi nghĩ, hoàn toàn không có ngôn từ thì tốt hơn cho con người.

Những sai lầm của tư tưởng loài người

Bởi sự phát triển nhanh chóng của khoa học hiện đại, xu hướng sống lạng lẽ và nhìn thế giới như là cõi tạm của người châu Á đang dần biến mất. Ngày nay người ta tôn thờ nền văn minh hiện đại và cho rằng chủ nghĩa vật chất là toàn năng.

Trong lịch sử phát triển của khoa học phương Tây, những khám phá mang tính lịch sử có ảnh hưởng to lớn đối với loài người gồm (1) thuyết tiến hóa sinh học, được đưa ra trong cuốn *Nguồn gốc muôn loài* của Darwin, (2) thuyết vạn vật hấp dẫn của Newton và thuyết nhật tâm của Galileo, và (3) thuyết tương đối về vũ trụ của Einstein.

Darwin đã bắt đầu từ sự tiến triển của loài người trên trái đất, lần theo dấu về sự khởi nguồn và phát triển của các sinh

¹⁰ Một nhà triết học thời Trung Hoa cổ đại, Lão Tử được nhân loại biết đến như là người sáng lập ra Đạo Lão.

vật, cuối cùng kết luận rằng các sinh vật đã và đang tiến hóa. Cái ý tưởng cho rằng loài người bắt buộc phải tiếp tục phát triển đã trở nên ăn sâu bắt rễ trong tâm trí người ta.

Newton, quan sát quả táo rơi, đã khám phá ra định luật vạn vật hấp dẫn và đặt nền móng cho vật lý hiện đại. Galileo hiểu rằng trái đất là tròn và khi bị giáo hội đem ra xét xử, đã không nao núng giải thích cặn kẽ thuyết của mình, rằng trái đất quay quanh mặt trời. Ông phủ định điều sai lầm - rằng bầu trời quay quanh trái đất, và đánh một đòn chí mạng vào thuyết sáng tạo bởi bàn tay thần thánh.

Với thuyết tương đối về vũ trụ, Einstein đã đẩy loài người vào kỷ nguyên không gian. Trước sự sững sốt của tất cả mọi người, ông đã kết luận rằng không có tốc độ nào nhanh hơn tốc độ của ánh sáng, lật lại niềm tin thường được chấp nhận là quãng đường ngắn nhất mà ánh sáng đi qua là theo đường thẳng, và đề xuất một lý thuyết mới rằng ánh sáng bị bẻ cong.

Thêm vào đó, Einstein nói rằng các sóng ánh sáng, sóng radio, sóng điện từ - bất chấp bước sóng của chúng - tất cả đều giống nhau và di chuyển trong không gian ở một tốc độ cố định, không có chuyện tăng tốc. Từ công thức của ông, rằng khối lượng và năng lượng là tương đương nhau, con người đã hiện thực hóa được các vệ tinh nhân tạo và các phương tiện di chuyển trong không gian vũ trụ.

Tuy nhiên, Phật giáo phủ nhận tri thức có được qua trí năng của con người, coi đó chỉ là ảo ảnh. Một số thần thoại phương Tây cũng hoài nghi về tri thức của loài người và dạy rằng kể từ khi Adam và Eva ăn trái của Cây tri thức, loài người đã bị đuổi ra khỏi vườn Địa đàng.

Tuy vậy, triết học phương Tây bị chia rẽ trong vấn đề này. Socrates, chẳng hạn, đã bắt đầu bằng giả thiết rằng con người không biết gì cả. Descartes, trái lại, tuyên bố, “Tôi suy nghĩ, vì thế tôi tồn tại.”¹¹ Với niềm tin rằng người ta có thể biết và *đúng là có* biết về bản thân mình, ông biến sự phán xét của con người thành tiêu chuẩn, thiết lập các quy tắc cho thế giới vật chất, và bắt đầu phân tích các thuộc tính của nó.

Các khoa học gia, xét về mặt lịch sử, cho rằng việc sử dụng ý chí con người để điều khiển tự nhiên là có thể chấp nhận được. Tự nhiên được nhìn nhận như là “thế giới bên ngoài”, đối lập với loài người. Quan điểm này chính là nền tảng căn bản của văn minh khoa học hiện đại. Nhưng cái “Tôi” hư cấu của Descartes không bao giờ có thể thấu hiểu toàn bộ thực tại.

Loài người không hiểu chính bản thân mình, nên họ chẳng thể nào hiểu được kẻ khác. Con người có thể là con cái của “Mẹ Tự nhiên” thật đấy, nhưng họ không còn nhìn thấy

11 “Je pense, donc je suis” (ND).

hình tướng thực sự của mẹ mình nữa. Tìm kiếm cái toàn thể, nhưng họ chỉ trông thấy các bộ phận. Trông thấy bầu vú mẹ, bọn họ nhầm tưởng rằng đấy chính là người mẹ. Nếu ai đó không biết mẹ mình thì anh ta là đứa con không biết mình là con của ai. Anh ta giống như một con khỉ được con người nuôi ở trong vườn thú, cứ đinh ninh rằng người trông nom vườn thú là mẹ của mình.

Tương tự như vậy, tri thức mang tính phân biệt và phân tích của các nhà khoa học có thể giúp họ chia cắt tự nhiên và nghiên cứu từng bộ phận của nó, nhưng lại chẳng có tác dụng gì trong việc nắm bắt thực tại của tự nhiên thuần khiết. Sẽ có ngày các nhà khoa học nhận ra mình đã sai lầm như thế nào khi chia cắt tự nhiên thành từng mảnh nhỏ như thế.

Đôi khi tôi dùng một bức tranh vẽ bằng cọ và mực để minh họa cho điểm này. Tôi gọi nó là “cái hang trí năng”. Nó thể hiện hai người đàn ông đang đứng trong một cái hố, hay một cái hang, cần mẫn vun gốc chiếc cuốc chim để đào chỗ đất cứng. Cái cuốc tượng trưng cho trí năng của con người. Càng cuốc thì cái hố càng sâu thêm và họ càng khó lòng thoát khỏi nơi đó. Ở bên ngoài cái hố, tôi vẽ một người ung dung tự tại dưới ánh mặt trời. Người làm nông tự nhiên này vẫn lao động để đáp ứng nhu cầu hàng ngày, nhưng anh

ta không cố sức hiểu tự nhiên cho bằng được, và chỉ đơn giản là tận hưởng cuộc sống¹².

Mĩa mai thay, tự nhiên cũng bị phá hoại bởi những người tự đắc cho là họ đang đi con đường trung dung và đặt lợi ích của thiên nhiên lên trên hết.

Những người có ý định tốt đẹp này, được coi là có lòng nhiệt thành và đầu óc thực tế, thường phát biểu:

“Ngàn năm nay con người sống trong tự nhiên, khi vui sướng, lúc khổ đau. Chẳng phải đó là bản chất của mối quan hệ giữa con người với tự nhiên hay sao? Liệu chúng ta có quá ngây thơ khi cho rằng tự nhiên chỉ toàn là chân, thiện, mỹ còn loài người thì vô tâm và xuẩn ngốc?”

Mới nghe qua, quan điểm này có vẻ là hợp lý và khách quan. Tuy nhiên những người có tâm địa tốt này vẫn chưa thoát khỏi địa hạt của cách suy nghĩ tương đối.

Từ cách nhìn phi tương đối, tự nhiên vượt lên trên cả đẹp và xấu, thiện và ác. Nhìn thế giới đầy những mâu thuẫn hay hài hòa tuyệt hảo là phụ thuộc vào việc chúng ta sử dụng trí năng hay nắm bắt toàn thể tự nhiên với tâm không phân biệt. Chỉ với vế sau thì chúng ta mới thấy được hình tướng thực của tự nhiên.

¹² Bức vẽ này được sao lại làm trang đầu sách và cũng là một phần của hình minh họa ở trang ngay trước Chương một.

Sẽ không có Chúa hay Phật nào ra tay cứu lấy loài người

Sự hủy hoại của tự nhiên sẽ dẫn đến sự hủy hoại của loài người. Nhưng hình như có nhiều người tin rằng dù loài người biến mất thì Đấng tối cao sẽ cho họ tái sinh. Tuy vậy, ý tưởng này chỉ là tưởng tượng. Loài người sẽ không được sinh ra lần nữa. Khi con người trên trái đất này chết hết, sẽ chẳng có Chúa hay Phật nào tới để cứu họ đâu.

Người ta đôi khi cũng cảm nhận được sự thiêng liêng của tự nhiên, chẳng hạn như khi họ nhìn thật kỹ một bông hoa, trèo lên những đỉnh cao, hay đi vào sâu trong núi. Những cảm giác mang tính thẩm mỹ như thế, tình yêu, khả năng lĩnh hội và sự thấu hiểu là những bản năng căn bản nhất của con người - là bản tính thực của họ. Tuy nhiên, ngày nay, con người đang vội vàng lao theo một hướng hoàn toàn khác, nhắm tới cái đích mơ hồ.

Có lẽ những người dễ dàng nhận ra tự nhiên thật sự thiêng liêng chính là một vài người có đức tin, những nghệ sĩ đặc biệt nhạy cảm, và trẻ con. Ít nhất là cùng với yêu, họ biết rằng tự nhiên vượt trên khả năng sáng tạo của con người và phải được kính trọng. Nhà thơ viết về tự nhiên, người họa sĩ sáng tác những tác phẩm nghệ thuật, nhà soạn nhạc, nhà điêu khắc... tôi muốn tin rằng họ là những người đang theo đuổi cái thực sự có ý nghĩa.

Nhưng nếu người nghệ sĩ chưa thấu hiểu tự nhiên, thì dù độ nhạy cảm của anh ta có sắc bén tới đâu, năng lực biểu đạt của anh ta có ưu tú tới đâu, kỹ thuật của anh ta có tinh tế tới đâu, thì anh ta cuối cùng vẫn sẽ lạc lối.

Cánh chuồn sẽ là Đấng cứu thế

Chưa từng có một thế hệ nào mà trái tim con người bị thương tổn như thế hệ hiện tại. Điều này đúng cho mọi mặt của xã hội bao gồm chính trị, kinh tế, giáo dục và văn hóa. Nó được phản ánh trong sự xuống cấp của môi trường, hậu quả của con đường vật chất mà loài người đã chọn. Giờ đây chúng ta đang chứng kiến một cảnh tượng xấu xí, khi giới công nghiệp, chính phủ và quân đội đang hợp lực đấu tranh giành lấy quyền lực tối thượng.

Trong thời đại của sự tan rã này, đủ loại tôn giáo trên thế giới, cũ và mới, lớn và nhỏ, đang hoạt động ngày càng tích cực. Đúng thế, mỗi khi thế giới rơi vào tình trạng hỗn loạn, các phong trào tín ngưỡng lại nở rộ.

Để tôi đưa ra ví dụ về một tôn giáo hứa hẹn sự giàu sang và may mắn. Một người trẻ tuổi, giáo chủ sáng lập ra một tôn giáo mới ở Kobe, đã tới nông trại của tôi với chừng mười tín đồ. Anh chàng này bảo tôi rằng anh ta được đặc biệt truyền dạy để từ một người có tín ngưỡng bình thường

trở thành giáo chủ sáng lập ra tôn giáo mới này. Anh ta học được những thứ như xem tướng¹³, đọc tâm trí, thuật bói toán, đọc chỉ tay, xem tử vi, thôi miên chữa bệnh, trừ tà, và nhiều bí quyết giao tiếp với thánh thần, chẳng hạn như viết trên cát. Anh ta kể cho tôi rất chi tiết về các chiêu trò dùng để điều khiển tín đồ, bắt đầu với những mảnh khóc đoán định tính xấu hay những rắc rối của một tín đồ tiềm năng. Anh ta nói, điều này giúp anh ta thu hút được nhiều tín đồ mới.

Đây chỉ là một dạng trong rất nhiều những kẻ lừa đảo tôn giáo, bọn họ cầm tù cả thần thánh lẫn con người, chạy quanh để thu nạp tín đồ hòng kiếm chác tiền bạc và quyền lực. Nhưng nhiều kẻ trong số họ rất nổi tiếng và được coi trọng, bọn họ nhìn không giống hình ảnh quen thuộc của một kẻ lừa đảo. Sự ngược đời này khiến tôi suy ngẫm về việc con người không hơn gì những con vật đang nhảy múa theo điệu sáo được thổi bởi những ý tưởng của chính họ.

Tôi đang trông chờ tới cái ngày, khi mà con người không còn cần đến những kinh sách linh thiêng nữa. Cánh chuồn sẽ là Đấng cứu thế.

13 Thuật đánh giá tính cách một người qua các đặc điểm khuôn mặt.

Cuộc sống thuận tự nhiên

Khi tôi nói xã hội loài người đang đi sai đường, tôi thường nghe lời phản bác, “Thế thì ông hãy chỉ cho tôi một con đường tốt hơn đi”. Bởi vì nó vẫn chưa có một cái tên, nên tôi sẽ gọi nó là “văn hóa và cộng đồng thuận tự nhiên”. Văn hóa thuận tự nhiên là cách sống đơn giản trong đó con người, với trái tim đầy tự do, leo núi, chơi đùa trên đồng cỏ, tắm trong những tia nắng ấm áp, hít thở không khí trong lành, uống thứ nước trong vắt như pha lê, và trải nghiệm niềm vui sống thực sự. Xã hội mà tôi đang mô tả là một xã hội mà trong đó con người sẽ kiến tạo một cộng đồng tự do và hào phóng.

Tuy vậy, một khi ngọn nguồn nguyên thủy của tự nhiên đã bị phá hủy, tự nhiên sẽ không thể tự phục hồi, và hình ảnh về một nền văn hóa thuận tự nhiên sẽ lạc thời. Đúng vậy, nhiều loài động thực vật đang tuyệt chủng mỗi ngày, và ý nghĩa sự biến mất của một loài chim hay một loài cây không chỉ là cái chết của loài chim và loài cây đó mà thôi. Nó có tầm quan trọng sinh tử đối với tất cả chúng ta. Nó phá hỏng sự tồn tại hài hòa của mọi sinh vật.

Nếu loài người có thể tìm lại được quan hệ gốc gác nguyên thủy của nó với tự nhiên, chúng ta sẽ được sống trong hòa bình và thịnh vượng, không thể khác. Tuy thế, nhìn qua đôi mắt của nền văn minh hiện đại, sống theo

phong cách thuận tự nhiên này hẳn phải nhàm chán và sơ khai lắm, nhưng với tôi thì không phải vậy.

Có nhiều người khác nữa bên cạnh tôi cũng đang đặt dấu hỏi với con đường của xã hội hiện đại. Trong họ đầy những dự cảm, họ tự hỏi liệu rằng chúng ta có thể giải quyết được, hoặc bằng cách nào đó tránh khỏi thảm họa môi trường hiện nay hay không. Thậm chí có nhiều nhà khoa học tin rằng sự bền vững lâu dài của sự sống trên trái đất, nhìn từ quan điểm về môi trường tự nhiên và các nguồn lực của nó, sẽ được quyết định trong hai mươi hay ba mươi năm tới. Tôi nói là nói trực tiếp với những người này.

Chúng ta phải nhận ra rằng cả trong quá khứ lẫn hiện tại, chỉ có duy nhất một lối đi “bền vững” khả dĩ cho chúng ta. Chúng ta phải tìm đường quay về với tự nhiên. Chúng ta phải đặt cho mình nhiệm vụ tái sinh sự sống trên trái đất này. Tái phủ xanh trái đất, gieo những hạt mầm trong sa mạc - đấy là con đường mà xã hội phải đi theo. Những chuyến đi vòng quanh thế giới đã cho tôi niềm tin ấy.

大地に
広狹無
碧空に
遅速
無し



CHƯƠNG HAI

Xét Lại Tri Thức Của Con Người



LOÀI NGƯỜI lần đầu tiên xuất hiện trên trái đất khoảng vài triệu năm trước, và chúng ta bắt đầu sống một cách gọi là “văn minh” từ vài nghìn năm nay. Tuy nhiên, ở Nhật Bản, điều này chỉ xảy ra trong vài trăm năm qua mà thôi. Khoa học công nghệ phát triển như vũ bão, còn loài người thì không có thời gian để nhận định xem mình đang đi tới đâu, có vẻ như nền văn minh hiện đại đã lên tới đỉnh điểm và sự hỗn loạn đang lan tràn ở phạm vi toàn cầu. Nhưng liệu cái kết bất hạnh này của lịch sử loài người có phải là không thể tránh khỏi? Điều gì sẽ xảy đến cho thế giới trong tương lai?

Sự khởi sinh của tri thức phân biệt

Kể từ thời điểm một đứa trẻ trông thấy mặt trăng trôi trên bầu trời đêm và nói, “Con thấy mặt trăng kia”, cái biết của con người bắt đầu. Khi đứa trẻ thấy mặt trăng lần đầu, nó chỉ đơn giản là ngạc nhiên. Rồi sau một giai đoạn, nó biết phân biệt giữa một chủ thể, “tôi”, và một khách thể, “mặt trăng”. Đứa trẻ đi đến nhận thức cái được gọi là mặt trăng đó như là một “thứ khác”. Vậy đó, ngay cả trong cấu trúc ngôn ngữ, con người cũng được dạy để đặt mình tách khỏi tự nhiên. Con người và tự nhiên đã từng có quan hệ mật thiết và hài hòa, như có thể thấy ở sự ngạc nhiên mang tính bản năng của trẻ con. Nhưng rồi, mối quan hệ này đã trở nên lạnh lẽo và xa cách.

Khi chúng ta nói rằng mình biết màu xanh của tự nhiên, đấy đơn thuần chỉ là hiểu biết mang tính phân biệt màu này với màu khác. Nếu không nắm bắt được cái xanh lục *nội tại* của cỏ và của cây, là thứ bắt nguồn với sự sống trong bản thể của cỏ cây, thì chúng ta không thể nói rằng mình thực sự hiểu màu xanh. Người ta đơn giản tin là họ hiểu bằng cách phân biệt sự vật và hiện tượng dựa trên vẻ bên ngoài.

Nếu tri thức về cái toàn thể (cái Một) bị tách làm hai và đem ra giải thích, rồi tiếp tục bị phân chia thành ba và bốn xong đem phân tích, thì khi đó, chúng ta cũng không tới gần hơn với sự hiểu biết về cái toàn thể. Tuy nhiên, khi làm

chuyện phân chia này, chúng ta đi đến chỗ ảo tưởng rằng tri thức đã tăng tiến. Nhưng liệu chúng ta có thể nói rằng bằng cách lặp đi lặp lại sự phân chia và phân tích, rồi tập hợp tất cả những mảnh nhỏ lại, chúng ta đã làm cho tri thức của loài người tiến bộ lên một cách có ý nghĩa không?

Bất kể chúng ta tích lũy, tổng hợp và đưa ra phán xét như thế nào, nỗ lực này cũng chẳng có ích gì cho việc làm sáng rõ trạng thái thực sự của vạn vật. Hơn thế nữa, nó ném chúng ta vào trong sự mơ hồ. Một khi con người tạo ra hình ảnh trong tâm trí về “mặt trăng”, thì khi đó mặt trăng nhận lấy một hình tượng cụ thể, và chúng ta thì muốn “biết mặt trăng” là gì, và cứ thế khám phá nhiều hơn về nó. Ham muốn này cuối cùng sẽ dẫn tới việc con người du hành lên mặt trăng và lấy về trái đất những viên đá để nghiên cứu thêm. Tiếp theo là chúng ta đang cho xây dựng các trạm vũ trụ, và ai biết được là còn những gì có thể tiếp diễn đây.

Cùng với sự tăng lên của “tri thức” là ham muốn biết *nhiều hơn nữa*, và rồi người ta bỏ công và gắng sức mãi để sáng chế ra những loại máy móc giúp họ có được kiến thức thậm chí nhiều hơn. Nhưng ngay cả khi “chứng cứ” được tìm thấy, thì con người lại đặt thêm nhiều câu hỏi được gợi ra từ chính những chứng cứ đó. Cái ham muốn kiến thức ấy thành ra không có hồi kết, và chúng ta thì không biết mình đang ở đâu trong thế giới này. Rốt cuộc thì cái tinh túy của

mặt trăng được trông thấy còn rõ ràng hơn qua đôi mắt của một đứa bé con.

Thuyết chọn lọc tự nhiên của Darwin

Thuyết chọn lọc tự nhiên của Darwin cho ta một minh chứng là mặc dù tri thức khoa học mang tính phân biệt có thể là hữu ích cho việc tách nhỏ tự nhiên ra và phân tích từng mảnh nhỏ đó, thì nó chẳng có tác dụng gì trong việc nắm bắt sự chân thực của tự nhiên.

Thuyết tiến hóa của Darwin chia nhỏ bốn tỉ sáu trăm triệu năm kể từ lúc trái đất hình thành, quan sát các sinh vật tồn tại ở những quãng thời gian và những nơi chốn nhất định, rồi xem xét mối quan hệ qua lại của chúng. Dựa trên những điều này, ông phỏng đoán về quá trình đa dạng hóa và sự phát triển mang tính hệ thống của các sinh vật, tiến hành phân loại và từ đó phát triển thành thuyết tiến hóa.

Nói một cách khác, khi ôxi và nước được tạo thành trên trái đất - mà vào lúc ban đầu chỉ là một khối vô cơ - thì các dạng sống sơ khai bắt đầu xuất hiện. Chúng tiến hóa và các dạng sống mới ra đời. Lúc đầu, những vi sinh vật cực kỳ đơn giản, chẳng hạn như nấm mốc và vi khuẩn, được sinh ra; rồi chúng phát triển và phân nhánh, các sinh vật có hình thái khác nhau ra đời, dần dần các loại thực vật bậc cao,

phức tạp hơn và động vật bắt đầu sinh sôi nảy nở trên trái đất.

Ý tưởng ở đây là các dạng sống trên trái đất thành hình một cách tuần tự, theo sự phát triển của bản thân trái đất. Nhiều dạng sống khác nhau xuất hiện và tồn tại như là một phần của lưới thức ăn, nhưng chỉ có những dạng sống thích nghi thành công với môi trường sống của chúng thì mới sống sót. Điều này được biết đến như là thuyết chọn lọc tự nhiên, thuyết về loài có thể thích nghi cao nhất, và đôi khi được nhắc đến với tên: thuyết về sự sống sót của loài thích hợp nhất. Trong tất cả các dạng sống, những loại nào được chọn lọc bởi tự nhiên và sống sót qua cuộc đấu tranh sinh tồn thì sẽ có quyền sống tiếp và sinh sản.

Tôi có một câu hỏi về thuyết này như sau: người ta dựa vào đâu để xác định giống loài nào là cao hơn hay thấp hơn, và loài nào là mạnh, loài nào là yếu? Kết luận loài thích hợp nhất sống sót là ý định của tự nhiên và rằng con người đứng ở vị trí cao nhất là loài đã tiến hóa nhất thì có vẻ như phản ánh cái logic kẻ mạnh ở con người hơn là phản ánh trạng thái thực sự của tự nhiên. Thực ra, chẳng ai có thể nói loài nào là mạnh nhất, bởi lẽ tất cả mọi sinh vật đều dựa vào nhau mà tồn tại, sinh sản, và cuối cùng là phân rã, nhờ đó mà sự sống có thể tiếp diễn cho tất cả muôn loài.

Đúng là tất cả các dạng sống - vì sự cần thiết và vì thiết kế của tự nhiên - tiêu thụ lẫn nhau để sống, nhưng chúng không cố ý mang đến sự tuyệt chủng của loài khác, không làm cạn kiệt một cách có hệ thống nguồn thức ăn của các loài khác, hay kết bè kết phái và gây ra chiến tranh. Chúng ta không thể nói điều tương tự về con người.

Trong nhịp điệu theo chu kỳ của tự nhiên, không có chỗ cho cách nhìn phân biệt - vốn là cơ sở cho quan điểm của Darwin về sự ưu việt và thấp kém. Quan điểm này cho rằng các sinh vật đơn bào là thấp kém, còn các dạng sống phức tạp hơn là ưu việt. Sẽ thích hợp hơn nếu nói rằng tất cả chúng ta đều là một dạng sống liên tục.

Việc ta thấy có sự khác biệt hay không giữa những con bướm và con ngài, chuồn chuồn và đom đóm thì tùy thuộc vào việc ta đang nhìn vào tổng thể hay nhìn vào những bộ phận nhỏ hơn. Trong ánh mắt của trẻ con, ếch, cá, chim và sóc, dường như tất cả đều là bạn, nhưng con mắt của người lớn thì lại bị thu hút tới những dị biệt ở vẻ bề ngoài và hình tướng, và vì thế chúng dường như là các loài động vật khác nhau.

Nhìn thế giới này một cách vĩ mô hay vi mô thì đơn giản có nghĩa là chúng ta đang sử dụng các thang đo khác nhau. Tùy thuộc vào việc ta dùng thời gian của con người, đo bằng phút và giây, hay dùng thời gian vĩnh cửu của sông

Hằng - hoặc tùy vào góc nhìn của ta hẹp như ở bên trong một chiếc hộp hay rộng lớn như cả vũ trụ - vẻ ngoài của thế giới sẽ thay đổi một cách hoàn toàn.

Tương tự như thế, nhiều người tin là có sự khác biệt lớn giữa sinh vật sống và những thứ không có sự sống. Ngay cả sự phân biệt đó cũng chỉ nảy nòi do cách lĩnh hội của người ta mà ra.

Hiểu về thời gian và không gian chân thực

Hiểu biết thông thường cho rằng thời gian là một dòng chảy thẳng băng, tuyến tính từ quá khứ xuyên qua hiện tại đi về phía tương lai. Thuyết tiến hóa của Darwin dựa trên ý tưởng về thời gian này của xã hội loài người, thời gian mang tính lịch sử. Các sinh vật được phân vào các mảnh nhỏ thời gian - nơi chốn và được hệ thống hóa. Sự hệ thống hóa này nhấn mạnh vào những khác biệt giữa chúng. Các loài ban đầu là anh chị em của nhau, nhưng rồi được phân chia ra trong suy nghĩ của con người và biến thành những thứ khác biệt nhau một cách rõ rệt.

Thời gian siêu việt, hay thời gian như nó hiện hữu trong tự nhiên, là một khoảnh khắc liên tục của hiện tại. Khi một người thấy và vận hành trong thời gian và không gian đó, thì cái được lĩnh hội là *sự đơn nhất* của vận sự.

Ý niệm về thời gian mà người ta thường hay chấp nhận ra đời cùng với việc sáng chế ra lịch và đồng hồ. Nhưng một chiếc đồng hồ, với những cái kim chạy vòng quanh theo một dãy những con số, chỉ là một phương tiện để đo đếm mà thôi.

Thời gian không đơn giản chỉ trôi một cách máy móc theo một đường thẳng, theo một hướng cố định. Chúng ta có thể nghĩ về thời gian như trôi lên và trôi xuống, sang phải và sang trái, tiến lên hay giạt lùi. Khi thời gian tiến triển và trải ra, đa diện và ba chiều, quá khứ được giấu trong thời khắc hiện tại, và bên trong thời khắc này ẩn chứa cái vô tận của tương lai.

Thật dễ để ví dòng chảy của thời gian với dòng chảy của con sông. Nhưng ngay cả hiện tượng nước chảy trong một con sông cũng đặt ra thách thức cho sự lĩnh hội. Khi đứng trên bờ sông và nhìn xuống nước, ta có thể thấy rõ ràng rằng nước đang chảy theo một hướng. Nhưng nếu ta ở trên một chiếc thuyền chuyển động cùng tốc độ nước chảy, dòng sông không có vẻ gì đang trôi cả; thay vào đó, bờ sông dường như đang chuyển động ngược dòng. Như một vị thiền sư có lần đã nói, “Sông nào chảy. Cây cầu trôi”.

Gien trội và gien lặn

Nhiều năm trước, khi tôi còn là chàng trai trẻ làm việc với tư cách một nhà vi sinh học, thì các vi sinh vật thực khuẩn - là các loại vi-rút lây nhiễm và xói tái vi khuẩn - đã được khám phá ra. Chúng được coi là những vật không sự sống đầu tiên biết sinh sản. Tôi khá quan tâm tới chúng, như là dạng vật chất trung gian giữa những vật có sự sống và không có sự sống. (Tất nhiên, đến giờ thì nghiên cứu trên các loại vi-rút đã làm mờ nhạt thêm ranh giới giữa những vật có sự sống và không có sự sống rồi). Khi đứng từ điểm nhìn của các hạt cơ bản, sự phân biệt giữa có sinh khí và vô tri vô giác, những vật có sự sống và không có sự sống, thực vật, động vật, vi-rút, chất khí và khoáng chất không còn trở nên quan trọng nữa.

Thực tế thì cấu trúc của DNA, và mã di truyền mà nhờ nó vật liệu di truyền này được diễn dịch thành protein, là như nhau đối với mọi sinh vật. Điều đó chỉ ra cho tôi thấy rằng tất cả sinh vật về căn bản có liên hệ với nhau. Các protein này có thể được xem như là đơn vị liên lạc giữa những dạng sống và dạng không có sự sống, và vì thế đóng vai trò là những sợi chỉ buộc cái hữu sinh với cái vô sinh lại với nhau.

Vậy là, trong khi tưởng như có sự khác biệt lớn lao giữa thực vật và con người, vật chất di truyền của chúng lại giống nhau. Cái gì đó trở thành một cái cây hay thành một con

người phụ thuộc vào việc nhân tố di truyền tương ứng với cây là trội hay lặn mà thôi. Trong thực tế, chỉ một lượng nhỏ cách phối hợp của bốn thành tố di truyền biểu hiện ra một cách thành công, trong khi hầu hết những cách phối hợp khác bị mất đi hoặc nằm im không hoạt động.

Việc có quá ít các dạng sống trung gian giữa các loài, và việc chúng ta chẳng thể tìm ra hóa thạch của chúng thì không nhất thiết là bởi vì chúng không hề tồn tại. Thay vì nói rằng các gien tương ứng với các loài trung gian không hề hoạt động chút nào, chúng ta chỉ có thể giả định rằng ngay cả khi các loài trung gian *đã được* sinh ra, chúng cũng chết từ lúc sơ sinh và không lọt vào tầm chú ý của con người. Đó là lý do tại sao chỉ những giống, loài khác nhau và có vẻ như đứt đoạn như thế là còn lại.

Cũng giống như một cây keo sản sinh ra hàng triệu hạt giống, mỗi hạt có sự hình thành gien riêng có của nó. Một số ít thực sự nảy mầm và sống tốt. Sau khoảng mười năm, có lẽ là chỉ còn một hay hai cây sống sót như là những hậu duệ của cây mẹ, nhưng tất cả những cây con khác không sống sót được vẫn là những trường hợp khả dĩ.

Hãy lấy những hòn đảo ở Nội Hải Seto của Nhật Bản¹⁴ làm một ví dụ khác. Những hòn đảo nằm trong vùng biển này có nhiều hình dạng khác nhau, chúng được đặt cho

14 Vùng biển nhỏ nằm giữa các hòn đảo chính của Nhật Bản, gồm Honshu, Kyushu và Shikoku.

những cái tên khác nhau, và trông thì có vẻ chúng là những hòn đảo rời rạc, nhưng tất cả chúng đều nối kết với nhau ở dưới đáy biển, thế nên ta có thể xem tất cả chúng như là cùng một “hòn đảo Nhật Bản” duy nhất. Tất nhiên, mở rộng ra, người ta có thể nói rằng chúng được nối kết với tất cả các hòn đảo và lục địa của thế giới, do đều là một phần của vỏ trái đất. Tương tự như vậy, các động thực vật sinh sống trên trái đất trông thì có vẻ là khác nhau, nhưng chúng tất cả đều kết nối ở gốc rễ. Việc các gien sống sót, nổi lên như những hòn đảo ở Nội Hải, hay là không, chìm xuống bên dưới mặt nước, thì phụ thuộc vào sự sắp xếp của các gien và vào sự tái cấu trúc liên tục của các hạt hạ nguyên tử.

Một cách nhìn khác về tiến hóa

Có lẽ chuyện đã diễn biến như thế này: Đấng Tạo hóa đã vê hạt giống của mọi sinh vật vào trong các viên đất sét và trao cho các thiên sứ đem đi rải bừa khắp nơi. Một số hạt giống được lập trình để trở nên hoạt hóa ngay sau khi đất đai hình thành. Những hạt khác được lập trình để sống tốt ở trong nước. Một số thì thích hợp với núi non, một số lại thích hợp với sa mạc. Các hạt giống được chỉ định để trở thành con người thì được lập trình để chào đời trong các kỷ sau này của trái đất.

Hàng triệu hạt giống được tung ra vào cùng một lúc, và những sinh vật trên trái đất nhận lấy các hình dạng khác nhau. Một số trở thành các vi sinh vật, một số trở thành cây xanh, và một số trở thành các loài động vật biết chạy nhảy, đi lại.

Xét về mặt khoa học thì chúng ta có thể nói rằng những hạt giống này đã nảy mầm khi các điều kiện thích hợp cho sự nảy mầm của chúng hội tụ đủ, và chỉ những loài có kiểu dạng phù hợp với môi trường sống của chúng thì mới phát triển và sống sót. Những hạt này rơi xuống biển thì trở thành rong biển, san hô và quỳ thịt, số khác trở thành sò hến và tôm cua, và tất cả sống cùng với nhau.

Những hạt giống được rắc trên các vùng đầm lầy thì trở thành các loại cỏ đuôi mèo (cỏ nển), một số biến đổi thành cá da trơn hoặc lươn, và trong một số trường hợp, vẫn cùng các hạt giống đó trở thành ếch, rùa hay rắn. Các sinh vật sống mang các gien tương tự nhau nhưng biểu hiện ra ngoài một cách khác nhau trở thành những cây trong rừng, trong khi các sinh vật khác lại trở thành những con chim sống ở trên những cây rừng đó. Cùng giai đoạn mà thực vật sống trên đất liền gia tăng và những cái cây lớn sinh trưởng rất nhiều, những động vật to lớn như hổ và voi xuất hiện. Các vi sinh vật, cây cối và động vật hết thảy đều là anh chị em về

mặt di truyền, hiển nhiên rồi, nhưng mỗi loài xuất hiện trong một y phục khác nhau.

Theo nghĩa nào đó, cách nhìn này có vẻ giống như đã kịch tính hóa và làm méo mó thuyết tiến hóa của Darwin. Khác biệt lớn nằm ở chỗ chúng ta nghĩ về sự trôi qua của thời gian như thế nào. Trong tâm trí tôi, hàng triệu, hàng triệu năm cũng chỉ như một cú nháy trong khoảnh khắc. Do vậy, vô số giống loài sinh vật không khởi nguồn vào những thời điểm khác nhau ở những nơi khác nhau, mà vào cùng một lúc và ở cùng một nơi.

Tự nhiên là một cơ thể. Chúng ta có thể nói rằng, trong khi loài người và loài côn trùng là một phần của tự nhiên, chúng cũng đại diện cho tự nhiên với tư cách một tổng thể. Và nếu là như thế, khi chúng ta làm hại cây cối, các vi sinh vật và các con côn trùng thông qua nông nghiệp quy mô lớn kiểu chính thống (đây mới chỉ là một ví dụ thôi), nghĩa là chúng ta cũng đang làm hại cả nhân loại.

Tôi muốn đề xuất một thuyết pháp luân về sự phát triển sinh học thay thế cho thuyết chọn lọc tự nhiên đơn chiều của Darwin. Tôi sẽ gọi nó là thuyết Pháp luân về dòng chảy của vạn vật. Bánh xe pháp có thể được xem như là đại diện cho định luật tự nhiên. Tự nhiên trải ra theo mọi hướng trong không gian ba chiều, và cùng lúc đó, khi nó phát triển, lại hội tụ và thu nhỏ lại. Chúng ta có thể nhìn những thay

đôi giãn nở và co rút này như một dạng bánh xe. Cũng giống như vũ trụ vậy - ba chiều, luôn luôn giãn nở và co rút, xoay tròn trong không gian, và tiến về một hướng không ai biết.

Vào thời điểm hóa tạo, cùng với sự ra đời phần còn lại của vũ trụ thì trái đất và mọi sinh vật trên nó được sinh ra như một thể duy nhất, thống nhất, cùng chung một số mệnh. Mọi thứ liên quan tới vai trò, mục đích và hoạt động của mỗi loài được hình thành và quyết định vào cùng một lúc. Mọi thứ đều được thiết kế sao cho đơn cũng là đa, cá thể cũng là toàn thể, và cái tổng thể là hoàn hảo, không có sự phí phạm nào, không có gì là vô dụng, và tất cả vạn vật đều làm tốt nhất nhiệm vụ của mình.

Có một khía cạnh khác ở bánh xe pháp đa diện, ba chiều đang chuyển động, xoay tròn, giãn nở và co rút này. Tâm của nó, trục bánh xe, thì mãi mãi bất động và vĩnh viễn là một. Thay vì nhìn vào những dị biệt giữa vạn vật trên thế gian này, nếu chúng ta nhìn xuống đáy thì tất cả đều là một, và mục đích của hết thảy đều là như nhau.

Những giống lai xuất hiện một cách tự nhiên trong ruộng lúa của tôi

Khoảng mười năm trước, tôi đã cố lai tạo giống gạo tẻ (loại không dính) từ Miến Điện với giống lúa nếp của Nhật để

phát triển một giống mới phù hợp cho việc làm nông tự nhiên. Hai giống lúa này cực kỳ khác biệt về mặt đặc tính, nhưng các đặc tính di truyền của các giống cha mẹ đã được trộn lẫn lại, nhờ đó tôi thu được hai mươi, ba mươi, đôi khi là vài trăm giống lai khác nhau. Khi sắp xếp các giống lai thu được này, tôi để ý thấy rằng đặc tính của chúng tạo nên một dải liên tục.

Có loại lúa tẻ gần với lúa nếp, có các dạng trung gian, rồi lúa nếp gần với lúa tẻ, và một số loại thì ở trên cùng một nhánh lúa có lẫn lộn cả hạt nếp lẫn hạt tẻ. Một số cây lúa đạt tới chiều cao chỉ tầm hai mươi lăm tới ba mươi phân, trong khi các cây khác thì khổng lồ cao tận hơn mét rưỡi. Cũng có sự liên tiếp về màu sắc hạt gạo - trắng, đỏ và nâu ngả đen. Một số có hương thơm, một số thì không, một số hơi xộp, một số thì dính. Trong tình huống này, thật không thể nào phát biểu giống nào là tốt giống nào là xấu. Tôi cũng đi đến chỗ đặt dấu hỏi về giá trị của việc phân biệt giữa các giống gạo nếp và tẻ, thậm chí là giữa cách canh tác ruộng ngập và ruộng để khô ráo.

Tuy nhiên, sau nhiều năm lai tạo các giống lúa trên ruộng của mình, cuối cùng tôi cũng kết luận được rằng, ở nông trại tự nhiên, người ta chẳng cần phải tạo ra những giống mới bằng phương pháp lai nhân tạo làm gì, bởi bọn côn

trùng, mà hầu hết người ta xem như là gây hại ấy, đang tự chúng tạo ra những giống lúa mới.

Trong các cánh đồng lúa của mình, tôi để ý thấy rằng sau khi châu chấu và các con côn trùng khác đã cắn thành những lỗ tròn trên hạt lúa non đúng khi các nhánh lúa đang trở bông, thì ốc sên, sâu ngài và các sinh vật khác kéo đến, bò trườn lên các hạt lúa này vào ban đêm. Chúng ăn xuống tận phần nhị hoa trong những cái lỗ này, sau đó phấn hoa do gió thổi từ các cây lúa khác giống đến bám vào và thụ được phấn. Nói cách khác, lúa gạo, mà người ta nói rằng là tự thụ phấn, cũng có thể được thụ phấn từ các cây lúa khác; và theo cách này, các giống lúa mới xuất hiện một cách tự nhiên.

Trong một ruộng lúa nước canh tác theo kiểu chính thống, có phun xịt thuốc trừ sâu, các giống lai tự nhiên không xuất hiện. Tuy nhiên, trên một nông trại tự nhiên, chúng có thể dễ dàng sống sót và sẽ có nhiều cơ hội cho những giống mới xuất hiện. Rốt cuộc thì con người chẳng có lý do gì để phải tự mình lai tạo giống thay cho tự nhiên hết. Mọi việc đều được làm sẵn cho họ cả rồi.

Bên cạnh việc lai giống giữa lúa gạo với lúa gạo, tôi còn thử nghiệm lai giống giữa lúa gạo và cỏ dại, chẳng hạn như loại cỏ lồng vực cạn (*Echinochloa colona*) và cỏ đuôi cáo (hắc mạch hoang), và nghĩ rằng nếu chuyện này trôi chảy,

tôi sẽ thử kết hợp thêm với giống kê đuôi cáo và kê Trung Quốc, nhưng mục đích ban đầu của tôi không phải là nghiên cứu lúa gạo chỉ để nghiên cứu. Tôi tiêu khiển cho bản thân bằng cách đi ngược lại những gì được các nhà nông học thời bấy giờ khuyến nghị. Tôi đang làm cái trò lai tạo ngược để tìm ra sự lai giống: sự tái xuất hiện của các giống có thể có giá trị tiềm năng đã bị mất đi qua nhiều thế kỷ.

Với công nghệ ngày nay, tôi tin chắc là mình sẽ thành công nếu như đẩy mạnh nghiên cứu đó đi xa thêm, nhưng tôi đã không hề có một chút ý định nào đặt chân vào lĩnh vực của khoa sinh học. Tới điểm xác thực được khả năng ấy thì tôi dừng lại. Khi trông thấy những con côn trùng đang tạo ra một loạt các giống lúa mới trên những cánh đồng trong nông trại tự nhiên của mình, tôi đã nghĩ tốt hơn hết là cứ để những việc ấy cho chúng làm, và tôi lùi lại.

Tôi cũng đi đến một kết luận là việc phân loại cây cối, xếp chúng thành các bộ, họ, chi, loài không chỉ là một sự áp đặt lên cây cối, mà còn chẳng có ích lợi gì hết cho con người. Chi bằng chúng ta cứ đơn giản là trân trọng mọi hình thái đa dạng mà tự nhiên đã ban cho và đừng có can thiệp vào làm gì.

Với công nghệ trao đổi gen hiện tại, việc tạo ra các giống rau củ quả khác nhau đã trở nên thật dễ dàng. Tôi gọi đó là “chiều hướng điên rồ của kỹ thuật di truyền”. Sớm thôi, con

người sẽ đạt tới trình độ công nghệ để biến động vật thành thực vật, và thực vật thành động vật. Nhưng sự can thiệp của khoa học như thế không chỉ là không cần thiết mà nó còn nguy hiểm nữa. Nếu chúng ta đi theo cách suy nghĩ của Darwin, rằng chỉ một hình thái sự sống đã tiến hóa thành hàng triệu hình thái sự sống tồn tại ngày nay, thì nghe có vẻ cũng hợp lý khi thêm vào một vài chi hay loài mới ở chỗ này chỗ kia. Người ta có thể hy vọng rằng mình có thể tạo ra những sinh vật thậm chí còn tốt hơn và rằng những hình thái mới này sẽ đồng hóa và hòa hợp với các tạo vật của tự nhiên, nhưng kết quả sẽ là điều ngược lại.

Bằng việc tạo ra những sinh vật mới qua kỹ thuật sinh học, người ta đang mạo hiểm ném cái cốt truyện tự nhiên của vở kịch thế gian này vào trong sự hỗn độn. Ngay cả khi chúng ta hiểu rằng chức năng các gen của sinh vật sống được xác định bởi cách sắp đặt bốn gốc cơ bản của DNA, thì vẫn là quá lạc quan khi cho rằng các loại thực vật và động vật bị can thiệp về di truyền sẽ không lọt ra ngoài tầm kiểm soát.

Có quá nhiều thứ trên thế gian này chúng ta không hiểu, không chỉ về hình dạng và hình thái của các sinh vật mà còn về tính khí và linh hồn của chúng. Khi chúng ta thử một điều gì đó như việc tạo ra các hình thái sự sống mới rồi thả rông chúng ra môi trường, các tác dụng phụ mang tính thảm

họa là điều *chắc chắn* sẽ xảy ra - chỉ là chúng ta còn chưa biết chính xác những tác dụng phụ này sẽ là gì mà thôi.

Từ bỏ những gì chúng ta nghĩ là mình biết

Mười năm trước tôi có tới thăm người cháu gái của Albert Einstein, sống ở gần Central Park (công viên trung tâm), thành phố New York. Khi tôi hỏi liệu Einstein có nghĩ là thời gian và không gian thực sự tồn tại không, cô trả lời rằng, mặc dù thấy thời gian và không gian mang tính tương đối, ông ấy chắc cũng không thể đưa ra quan điểm gì về tính có thực của chúng cả. Đó có lẽ cũng sẽ là câu trả lời của ông, giả như tôi đang trò chuyện với chính Einstein, nhưng chúng ta chẳng bao giờ thực sự biết được.

Điều chúng ta *biết* là Einstein nói rằng khối lượng và vật chất là năng lượng. Chúng ta biết rằng việc mở rộng ý tưởng này dẫn đến những vụ nổ năng lượng kinh khiếp khi đem phân hạch nguyên tử. Các nhà vật lý hạt nhân đã nhận ra rằng nếu các nguyên tử có thể phân hạch thì chúng cũng có thể hợp hạch, và vì thế, gạt sang bên những cân nhắc của Einstein, họ tạo ra bom khinh khí¹⁵. Hẳn linh hồn Einstein vẫn đang vật vờ trong ăn năn hối hận, bị đè nặng bởi phần trách nhiệm của mình trong thảm họa này. Tôi không thể nói thay cho ông, hẳn nhiên là thế, nhưng tôi tưởng tượng là

15 Bom chế tạo từ khí hidro - H₂ (ND).

ông sẽ thích thú trò chuyện về những hạn chế của tri thức con người.

Một vài năm về trước, Fritjof Capra, một vị giáo sư vật lý lý thuyết tại Đại học California, người cũng giảng khoa học với tư cách một môn chính thể luận, đã tới thăm căn chòi trên sườn đồi của tôi. Ông phiên muộn chuyện các lý thuyết hiện tại về các hạt hạ nguyên tử có vẻ như không đầy đủ. Hẳn phải có nguyên lý cơ bản nào đấy, Capra nói, và ông muốn diễn đạt nó bằng toán học.

Trong quá trình tìm kiếm nguyên lý căn bản khó nắm bắt được ấy, ông đã tìm thấy một gợi ý trong khái niệm của Đạo Lão về âm và dương. Ông đã gọi nó là khoa học của Đạo, nhưng ông nói thêm rằng chỉ mỗi chuyện đó thì không giải quyết được nan đề này.

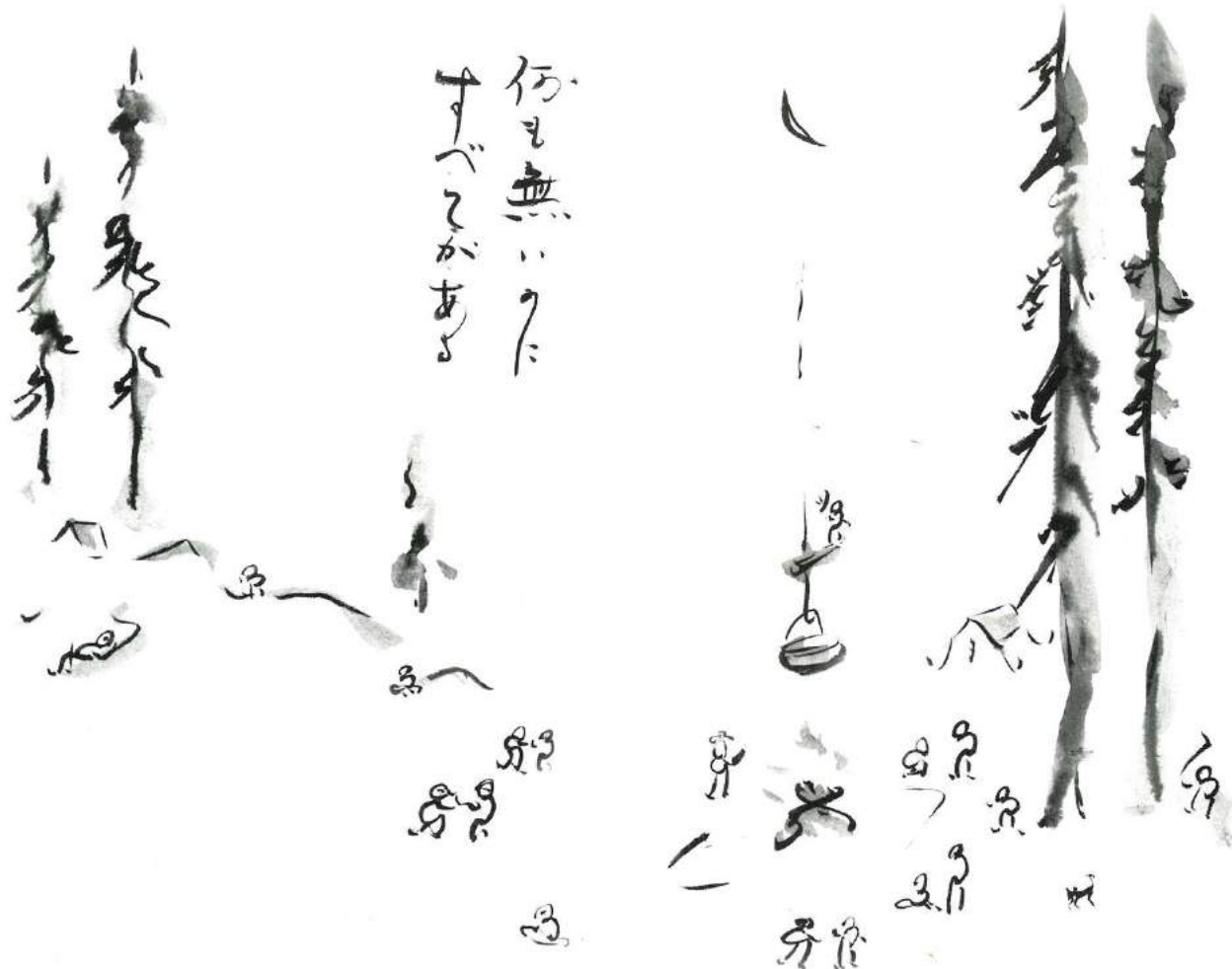
Capra đã ví điệu vũ sống động của các hạt hạ nguyên tử với điệu vũ thần Shiva của người Ấn, nhưng thật khó để biết các bước nhảy của điệu vũ là gì, hay giai điệu của ống sáo là gì. Tôi đã học được khái niệm về các hạt hạ nguyên tử từ ông, thế nên tất nhiên là tôi chẳng có lời nào khả dĩ có thể trực tiếp giải tỏa nỗi thất vọng trong ông.

Việc nghĩ rằng bên trong những thay đổi liên tục của sự vật và hiện tượng hẳn phải có những định luật cố định tương ứng nào đó là một chuyện, nhưng con người có vẻ như không thể thỏa mãn chừng nào họ chưa diễn đạt được

các định luật ấy dưới dạng toán học. Tôi tin rằng có một giới hạn cho khả năng hiểu biết tự nhiên dựa vào kiến thức của con người. Khi tôi đề cập rằng đây có thể là ngọn nguồn vấn đề của ông, Capra bác lại, nói rằng, “Tôi đã viết hơn mười cuốn sách, nhưng chẳng phải ông cũng viết sách vì nghĩ tri thức là hữu dụng đấy thôi?”

“Đúng là tôi có viết vài cuốn sách”, tôi trả lời, “nhưng có vẻ như ông viết ra những cuốn sách của mình, tin rằng chúng sẽ có ích lợi cho người khác. Còn tôi viết ra những cuốn sách của mình với ý tưởng rằng sách vở chẳng có lợi lạc gì cả. Có vẻ như cả hai chúng ta, một người tới từ phương Tây và một người tới từ phương Đông, đều đang thẩm xét tự nhiên và mong mỗi một sự trở về với tự nhiên nào đấy, nên chúng ta mới có thể ngồi lại cùng nhau và có một cuộc gặp gỡ mang tính trí tuệ thế này. Nhưng về điểm khẳng định hay phủ định tri thức của con người, chúng ta dường như đang đi theo hai hướng ngược nhau, do vậy đến cuối cùng chắc sẽ không đến được cùng một nơi”.

Sau cùng thì, để người ta từ bỏ cái mà họ nghĩ mình biết, đòi hỏi sự dũng cảm và có lẽ là lòng tin không cần tới bằng chứng.



CHƯƠNG BA

Chữa Lành Cho Một Thế Giới Trong Cơn Khủng Hoảng



GẦN ĐÂY TÔI CÓ ĐỌC VỀ MỘT VỊ GIÁO SƯ, người đã tiến hành một đề tài nghiên cứu cơ bản về các sa mạc thuộc Iran và Iraq. Tôi không còn nhớ tên ông nữa, nhưng ông có đi đến một kết luận rằng tốt hơn hết cứ để nguyên các sa mạc như thế, và thôi không can thiệp vào chúng nữa. Cũng có một lý thuyết rằng sẽ tốt hơn khi để cho các sa mạc ở châu Phi và các vấn đề phát sinh về sức khỏe cộng đồng đi theo con đường “tự nhiên” của chúng.

Khi xem xét những vấn đề này, chúng ta phải bắt đầu từ việc tự hỏi bản thân, cái gì là bình thường và cái gì là bất

bình thường. Nếu một sa mạc xảy ra theo cách tự nhiên, thế thì tốt hơn đừng can thiệp vào, nhưng nếu nó tồn tại như là một điều kiện bất thường, khi đó chúng ta không có lựa chọn nào khác ngoài việc giúp nó hồi phục lành mạnh như trước. Rất dễ thấy rằng ở nhiều khu vực sa mạc, tự nhiên bị bỏ mặc cho hoang phế và thực phẩm trở nên khan hiếm do hậu quả các hoạt động của con người. Giờ đây chúng ta phải trả giá và nhận lãnh trách nhiệm bằng cách sửa chữa lại những thiệt hại do mình gây ra.

Nếu thẩm xét một cách khoa học xem điều gì là đúng hay sai, lành mạnh hay tệ hại với sức khỏe của trái đất và con người, chúng ta có vẻ hiểu biết đấy, nhưng chẳng hề có các tiêu chuẩn tuyệt đối nào để đưa ra những đánh giá kiểu như vậy. Tốt hơn hết là hãy cân nhắc mọi thứ lại từ đầu với một tâm thế cởi mở.

Hồi phục lại trái đất và con người của nó

Với hệ thống quan sát và đánh giá hiện tại của mình, con người chẳng thể quyết định được liệu rằng sa mạc có phải là một dạng ung thư làm cho trái đất suy yếu đi hay không, hay đó là một hiện tượng tự dọn dẹp - một sự thay đổi mà nhờ đó trái đất lấy lại trạng thái cân bằng. Người ta thấy sự gia tăng dân số ở châu Phi, Trung Quốc và Ấn Độ là bi kịch,

nhưng ai đã gây ra sự biến mất của thảm thực vật và sự khan hiếm thực phẩm ở những nơi đó?

Trong quá khứ, hiện tại và tương lai, khuynh hướng thực sự của tự nhiên là đi về phía thịnh vượng cho con người lẫn muôn loài. Vì thế, câu hỏi đặt ra không nên là “Tại sao lại có quá nhiều người đến vậy?” mà đúng hơn phải là, “Ai đã tạo ra tình trạng khan hiếm mà trong đó người ta được sinh ra?” Và rồi, cuối cùng là, “Làm thế nào chúng ta có thể chữa lành trái đất để nó có thể nuôi sống được các thế hệ tương lai?” Sẽ là quá giản đơn khi mở đầu và kết thúc cuộc đàm luận với cách nhìn chỉ giới hạn trong vấn đề dân số quá đông. Sẽ tốt hơn khi hỏi: Tại sao người ta lại phải chịu đựng chuyện đó? Chúng ta đã làm tất cả những gì có thể để giảm nhẹ nỗi đau đớn của trái đất và của con người hay chưa?

Điều quan trọng là suy ngẫm những gì đã xảy ra có liên quan tới nông nghiệp và y tế trong lịch sử loài người. Chúng ta đã chứng kiến những bước tiến lớn lao trong y học hiện đại, nhưng tiến bộ của y học chẳng có mấy giá trị khi mà số lượng người mắc bệnh cứ tiếp tục tăng cao. Cũng như vậy đối với nông nghiệp hiện đại. Làm sao chúng ta có thể tự khen ngợi mình về sự tiến bộ trong nông nghiệp hiện đại, bao gồm việc tăng năng suất vượt bậc, nếu như tốc độ thiếu ăn, khan hiếm thực phẩm, kiệt quệ và bệnh tật thậm chí tăng còn nhanh hơn?

Trong tự nhiên, không có những con côn trùng có ích hay gây hại

Trong suốt những năm quan sát nông trại tự nhiên của mình phát triển, tôi thấy trái cây, rau củ và ngũ cốc không bị hư hại gì mấy. Cây trồng sinh trưởng mãnh liệt và phát triển tự nhiên, không thấy bị héo úa hay bị chết non. Thế không có nghĩa là không hề có sự tồn tại của sâu bọ. Nếu nhìn kỹ, ta sẽ quan sát thấy nhiều loại côn trùng hiện diện trên các cây ăn trái và có nhiều lá cây mắc bệnh. Thiệt hại mà chúng gây ra chiếm chưa tới năm phần trăm, nhưng số lượng ấy hiển nhiên phải được bỏ ra để cung cấp thức ăn cho chim chóc và côn trùng, và để loại bớt những cá thể cây yếu đuối nhất.

Cây cối, con người, bướm và chuồn chuồn có vẻ như là những sinh vật riêng biệt, tách rời, thế nhưng mỗi loài là một hợp phần quan trọng và bình đẳng trong tự nhiên. Chúng chia sẻ cùng một tâm ý và linh hồn của sự sống. Chúng hình thành nên một sinh thể duy nhất. Nói các sinh vật là côn trùng hữu ích, côn trùng gây hại, vi khuẩn gây bệnh hay những con chim gây phiền phức thì cũng giống như nói cánh tay phải là tốt còn cánh tay trái là xấu. Tự nhiên là một vòng tròn vô tận, trong đó vạn vật tham dự vào cùng một điệu vũ của sống và chết, sống cùng nhau và chết cùng với nhau.

Đông y và Tây y

Trong Tây y, trước tiên cơ thể được kiểm tra để xác định bộ phận nào đang bị bệnh, sau đó người ta sẽ nỗ lực chữa trị căn bệnh đó. Nghĩa là, từ bên ngoài, các bác sĩ sẽ áp dụng cách điều trị triệu chứng tại vị trí đã xác định. Nếu ta có một cơn đau ở đầu, các bác sĩ sẽ yêu cầu chụp CT¹⁶, phân tích các kết quả thu được, phẫu thuật để cắt bỏ phần “bất thường”, rồi cố gắng dùng mọi khả năng có thể để chữa lành vùng đầu đó.

Trong Đông y, các thầy thuốc bắt đầu bằng việc quan sát mắt và màu da, lắng nghe người đó nói và kiểm tra toàn bộ sức khỏe về thể xác và tinh thần của bệnh nhân. Mục tiêu chính là tìm ra cái gì hợp thành nên *sức khỏe* tổng quát của cá nhân đó.

Người ta nghĩ rằng, đến cuối cùng thì cả hai phương pháp đều sẽ có tác dụng trong việc chữa chạy, nhưng trong thực tế, chúng đi theo hai hướng trái ngược nhau. Cũng có thể nhìn nhận chúng như là hai thái cực, một cái có mục đích chữa căn bệnh còn cái kia có mục đích duy trì sức khỏe.

Khi sử dụng cách tiếp cận chuyên biệt hóa của Tây y, người ta lơ đi câu hỏi điều gì mang lại sự sống và sức khỏe cho toàn bộ cơ thể. Nói một cách khác, Tây y hiện đại đặt cơ thể con người lên trên tinh thần của họ. Sự chia cách này

16 Chụp cắt lớp vi tính (ND).

là điểm khởi đầu cho sự bất an trong đời sống của con người ngày nay.

Đông y thì trái lại, xem xét hình thái tự nhiên của một người, mức độ khỏe mạnh của tâm trí và cơ thể, rồi đặt ra câu hỏi làm thế nào để *giữ gìn* sức khỏe đó. Đánh giá thể xác và tinh thần lành mạnh thì phải dựa trên hình thái tự nhiên của con người. Thế nhưng trong xã hội đương đại, ngày càng khó khăn hơn để duy trì hình thái tự nhiên đó, thậm chí khó nhớ nổi trạng thái ban đầu của nó là gì, bởi người ta đang ngày càng sống trong tâm trí và mất kết nối với cơ thể của mình. Để tìm ra hình thái tự nhiên của con người, nên cân nhắc xem đâu là mối quan hệ thích hợp cần phải có giữa con người và tự nhiên, và họ sẽ phải sống làm sao để hiện thực được mối quan hệ đó.

Gần đây có một vụ om sòm liên quan tới chủ đề chết não. Đây là một vấn đề mơ hồ có liên quan tới câu hỏi về sự sống và cái chết sinh học của con người, cũng như các câu hỏi khác về đạo đức. Nó thậm chí còn trở nên phức tạp hơn khi có các quan điểm tôn giáo về sống và chết dự phần vào. Các thầy thuốc quá bận tâm tới tầm quan trọng của việc duy trì sự sống bằng mọi giá, thường cố kéo dài sự sống sinh học ngay cả khi chẳng còn niềm vui và niềm hy vọng nào trong sự sống ấy. Họ xóa nhòa ranh giới giữa sống và chết, đi xa khỏi địa hạt của khoa học.

Các thầy thuốc và y tá phải là những người dẫn lối trong cuộc sống. Họ không nên chỉ chuyên tâm vào việc chữa bệnh, đưa ra lời khuyên về chuyện đau bệnh và thuốc thang không thôi. Nghĩa là, có những lúc họ phải trao cho người bệnh niềm an ủi bằng việc sống thực với lòng mình, đơn giản chấp nhận sự chia tay và cái chết. Chúng ta có thể nói rằng đây là sự chữa chạy tốt cùng, nhân đạo nhất.

Liên quan tới những câu hỏi về sống và chết, tôi nghĩ tốt hơn hết con người nên quan sát vòng tuần hoàn của sự sống và cái chết trong tự nhiên. Hãy tưởng tượng một đồng cỏ đầy những cây hoa dại và cỏ thơm cùng với những chú ong, và hươu sao đang gặm cỏ trong nắng. Hãy tưởng tượng vòng xoay của các mùa - nhịp điệu của sinh trưởng và tàn rữa, một vẻ đẹp vô tận. Chúng ta chẳng bao giờ có thể hiểu được những hình thái kỳ diệu của thế gian này, nhưng không phải là đủ sao khi chỉ đơn giản tận hưởng quãng thời gian chúng ta ở đây với lòng đầy biết ơn? Đến tận cùng thì thực sự tình yêu mới là cái dưỡng nuôi linh hồn chúng ta. Sự sống không có tình yêu, sự sống không có niềm vui - giống như một đồng cỏ cằn cỗi chẳng thu hút được đám động vật hoang dã đến - sẽ dẫn tới một môi trường sống khó chịu, một cơ thể bệnh hoạn và một cuộc sống bất hạnh.

Khi tôi hỏi một thanh niên người Nhật “Cậu tìm hạnh phúc ở nơi đâu?” anh ta bảo, “Cháu thấy hạnh phúc khi đời

mình đây thức ăn ngon và quần áo đẹp, có một nơi tử tế để sống, một chiếc xe hơi, có thời gian nhàn tản và được đi chơi nước ngoài”. Một bạn trẻ đến từ Nepal thì với cùng một câu hỏi trả lời như sau: “Từ cuốn *Cuộc cách mạng một-cộng-rom* cháu đã học được rằng niềm vui thực sự đến từ tự nhiên, và chúng ta có thể tìm thấy nó bằng cách từ bỏ những thứ ràng buộc mình”. Một người thì cố gắng tìm vui trong lòng xã hội loài người, người kia thì trong tự nhiên. Kẻ thì mắc bả của chủ nghĩa vật chất, trong khi người kia mong muốn được chữa lành.

Trong sa mạc, ta có thể nghe thấy tiếng của gió và cát. Đây là thứ âm thanh buồn bã, khô khốc, một tiếng thì ào, một điệu nhạc than van. Tiếng kêu be be buồn thảm của một con lừa ở vùng xa-van¹⁷ châu Phi vẫn còn lưu lại trong tai tôi. Ai oán và rít lên, nghe giống như tiếng khóc của một đứa bé sắp chết vậy. Sa mạc ấy cũng đang khao khát được chữa lành.

Tôi cảm thấy mình đã thấy được thực chất của việc điều trị y tế trong bệnh viện, nếu có thể gọi đây là bệnh viện, tại một khu trại được lập trên vùng sa mạc cho hàng ngàn người tị nạn Ethiopia. Những chiếc lá cọ được đặt lên trên đỉnh vài chiếc cột khẳng khiu để lấy một chút bóng râm, và chỉ thế thôi là thành bệnh viện.

17 Savannah - những đồng cỏ lớn với rất ít cây (ND).

Ở đó có một cái thước đo và một cái cân. Đứa trẻ sẽ được coi là bị bệnh khi chiều cao của nó là quá cao khi đem so tương ứng với cân nặng, và bệnh nhân đó sẽ được phát cho một ly sữa có nhỏ một giọt bổ sung dinh dưỡng. Mỗi sáng có hai hay ba trăm người tụ tập lại ở đó, bao gồm đám trẻ con và những người thân đi cùng, nhưng chỉ tầm hai mươi hay ba mươi đứa được cho là bị bệnh thôi. Mục đích đặt ra là có chân trong những người được nhận ly sữa vào ngày hôm đó. Những đứa trẻ không nhận được ly sữa nào sẽ kêu khóc thút thít. Chúng không khóc vì bị bệnh, mà khóc vì được khám và đánh giá là khỏe mạnh.

Sự có mặt và quan tâm của các y tá tại bệnh viện này dường như đem lại cho người ta dũng khí để sống. Ánh mắt của những đứa trẻ đang vui chơi chạy nhảy ở chốn đó thật đẹp và sáng lấp lánh. Sống ở một cộng đồng xa xôi hẻo lánh, nơi không có chữ viết cũng chẳng có tiền bạc, những đứa trẻ này thật ngây thơ và chất phác. Trong quãng thời gian ở đây, chúng tôi đã cùng nhau trồng những hạt giống rau trên những lối đi rải sỏi quanh khu bệnh viện. Tất nhiên, bọn trẻ hiểu khá rõ sẽ tuyệt như thế nào nếu chỗ này biến thành một thảm xanh trù phú, với đám rau lớn lên dưới bóng những cây chuối và đu đủ, thế nên chúng vui vẻ đem vãi những hạt giống đi thật rộng, thật xa.

Dần dà, tôi đi đến chỗ nhận ra rằng quá trình cứu lấy cái sa mạc trong trái tim con người và việc phủ cây cho sa mạc, thật ra là cùng một thứ.

Nỗi sợ chết

Tôi nghĩ, nỗi sợ chết thì không phải là sợ cái chết của cơ thể nhiều lắm. Người ta sợ phải mất đi giàu sang và danh vọng mà mình đã gắn bó, cả những ham muốn trần tục vốn là một phần của cuộc sống hằng ngày nữa. Mức độ sợ chết của một người thường tỉ lệ thuận với chiều sâu những gắn bó và đam mê thế gian của người đó.

Vậy làm thế nào để chết một cách thanh thản nếu chúng ta không tiêu trừ được những dính chấp của mình đây? Tất nhiên, thực chất của những luyện lưu này chính là ảo mộng, không hơn. Cũng giống như khi một người, tin rằng mình sở hữu một kho của cải toàn vàng bạc và trang sức, nhưng mở hòm ra thì chỉ thấy toàn những mảnh kính và đá cuội vô dụng.

Tôi đã nói rằng, những thứ đồ vật chất thì chẳng có chút giá trị thực chất nào cả. Chúng có vẻ có giá trị đơn giản là vì người ta đã tạo ra những điều kiện khiến cho chúng có vẻ có giá trị nào đó. Thay đổi những điều kiện đó đi và thế là

giá trị ấy biến mất. Giá trị được sinh ra và mất đi tùy thuộc vào những bất chợt của thời gian.

Người ta chẳng có gì để được, cũng chẳng có gì để mất. Chừng nào người ta còn sống tuân theo định luật của tự nhiên thì họ cũng có thể chết đi một cách thanh thản, vào bất cứ lúc nào, giống như đám cỏ tự khô héo đi vậy.

Nếu một người chết theo cách tự nhiên thì không chỉ có riêng người ấy được thanh thản, mà tâm của những người quanh anh ta cũng được an, và sau này sẽ không để lại điều gì hối tiếc. Rốt cục thì, kẻ thông báo cái chết đang tới và nói lời sau cùng không phải là một vị giáo sĩ hay người thầy thuốc mà chính là Tự nhiên. Thứ duy nhất người ta có thể quyết định là chọn lấy cách chết tốt nhất tuân theo ý chí của Tự nhiên¹⁸.

Câu hỏi về linh hồn

Người ta đã rút ra kết luận rằng sự sống và cái chết của các sinh vật khác trong tự nhiên là sự sống và cái chết của thể xác chúng, nhưng với con người thì vẫn còn đó một câu hỏi,

18 Ông Fukuoka lìa đời vào ngày 16/08/2008, ở tuổi 95. Sức khỏe của ông đã yếu đi kể từ mùa thu năm 2007. Vào đầu tháng 8, ông đã yêu cầu thầy thuốc của mình bỏ việc điều trị. Chẳng bao lâu sau đó thì ông mất, thanh thản, ở trong nhà mình, vào thời gian diễn ra lễ hội Obon. Obon là một dịp lễ giữa hè ở Nhật Bản, thời gian tổ tiên đã mất trở về thăm người sống trong ba ngày. Đây là khoảng thời gian vui vẻ. Dân làng sang sửa mồ mả, còn bọn trẻ con thì chạy nhảy vui chơi cùng nhau. Vào đêm thứ ba, các vị tổ tiên sẽ quay trở về nơi của mình trong sự tiễn đưa bằng các bài ca, điệu vũ và pháo hoa. Ông Fukuoka đã ra đi vào đêm thứ ba của lễ hội Obon như thế.

liệu rằng sự sống có kết thúc với cái chết hay không, hay là vẫn tiếp tục sau đó. Người ta quá khổ sở với biết bao nhiêu là ý tưởng về chủ đề này - liệu linh hồn con người có tiếp tục tồn tại sau khi chết không, liệu có một thế giới khác, nơi các linh hồn chuyển tới sau cái chết không, liệu rằng người ta có tái sinh nữa hay không - tới mức họ khó có thể chỉ đơn giản mà chết.

Chúng ta có thể nghĩ rằng chúng ta biết tâm trí có ý thức bắt nguồn từ khi nào và ở đâu, nhưng thực tình chúng ta không biết. Vậy đâu là tính có thực của thứ được tưởng tượng là linh hồn ấy? Ngay cả khi chúng ta nói nó là hoạt động tinh thần diễn ra trong bộ não, điều ấy cũng chẳng khai sáng bản chất thực của nó được chút nào.

Cách để chúng ta làm sáng tỏ bản chất thực của tâm trí là xem xét nó từ vị trí của cái Vô (*Mu*), là sự nhận biết mà người ta có trước khi đi đến nhận biết về bản thân. Nó là cái tâm nguyên thủy có trước cả cái “tôi nghĩ” của Descartes. Cái “tôi” mà Descartes nói đến chẳng gì khác chính là cái ngã. Nó không phải là cái tâm thanh tịnh, siêu việt, không một vết nhơ.

Mục tiêu tối thượng của các triết gia phương Tây - những người đang thám hiểm thế giới của bản ngã mang tính cá thể, và của những người theo tín ngưỡng phương Đông - những người đang đi tìm bản thể siêu việt, chính là làm sáng

tỏ cái tâm *nguyên thủy* diễn ra một cách huyền bí, như là một phần của bản thân sự hiện hữu ấy. Chỉ thông qua tự nhiên chúng ta mới có thể thấy được cái tâm nguyên thủy này.

Dẫu vậy, không cái nào trong những ý tưởng này - sống, chết, linh hồn - thoát ra khỏi được khung suy nghĩ tương đối. Chúng chẳng là gì khác ngoài những khái niệm trừu tượng dựng lên bởi những phán xét và cách lập luận lòng vòng của con người. Người ta đã tạo ra một thế giới của những bóng ma gọi là kiếp sau. Nhưng cho dù con người luôn cố sức tìm kiếm tự do để thoát khỏi nỗi sợ hãi cái không biết, đến cuối cùng, điều họ nên làm đơn giản vẫn là quay trở về với thực tại của tự nhiên và sống cuộc đời mình trong bình an.

Nền kinh tế bạch tuộc hút tiền

Điều đầu tiên tôi thắc mắc khi nghe tin Liên Xô sụp đổ là: chuyện gì sẽ xảy đến với nền kinh tế của các nước tư bản những năm sắp tới đây? Tất nhiên, nền tảng học thuyết chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản là khác nhau, ở chỗ chủ nghĩa tư bản tập trung vào sản xuất và tiêu thụ dựa trên cạnh tranh tự do, trong khi chủ nghĩa cộng sản lại nhấn mạnh vào sản xuất và phân phối một cách bình đẳng không thiên vị.

Tuy nhiên, trái với niềm tin thường thấy, tự do và bình đẳng không thể cùng tồn tại, tách biệt một cách hoàn toàn khỏi sự kìm hãm và bất bình đẳng. Ngay cả khi chúng ta nói về tự do của chủ nghĩa tư bản, người ta cũng không thể hành động theo ý mình một cách tự do *không giới hạn*, và không phải cái gì cũng có thể đem phân phối một cách bình đẳng được như chủ nghĩa cộng sản đề xuất. Tự do và bình đẳng tồn tại trong một mối quan hệ qua lại giữa sợi dọc và sợi ngang của tấm vải¹⁹, không thể tách rời khỏi cái bóng của chúng và khỏi nhau. Khi xét kỹ ra, nội dung của hai thứ này chẳng mấy khác biệt.

Ngay cả khi mục tiêu của chúng ta là bảo vệ rừng, phủ lại cây cho sa mạc và cách mạng hóa nền nông nghiệp, nhưng nếu không giải quyết được các vấn đề cơ bản của nền kinh tế và lối sống của con người, chúng ta cũng sẽ không thể thành công trong bất cứ chuyện gì.

Tôi thường vẫn nói rằng giá trị không nằm ở trong bản thân hàng hóa vật chất, nhưng khi người ta tạo ra những điều kiện khiến cho chúng có vẻ như là cần thiết thì giá trị của chúng tăng lên. Hệ thống tư bản dựa trên ý tưởng về sản xuất và tiêu thụ hàng hóa vật chất ngày càng tăng trưởng, và vì thế, trong nền kinh tế hiện đại, giá trị của con người thành ra được xác định bởi những gì họ sở hữu. Nhưng nếu

19 Đây là những sợi vải tạo nên tấm vải dệt. Các sợi dọc chạy theo chiều dài, vuông góc với các sợi ngang của khổ vải.

người ta tạo lập những điều kiện và môi trường khác đi, không khiến cho những thứ này trở nên cần thiết, thì chúng, bất kể có là gì, cũng không còn giá trị nữa. Chẳng hạn, với những người không có việc gì phải vội vàng thì xe hơi sẽ không được coi là có giá trị.

Những nền kinh tế nhắm vào mục tiêu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm không cần thiết thì bản thân chúng cũng vô nghĩa. Người ta có thể sống hoàn toàn tốt không cần tới những hàng hóa không thiết yếu, nếu họ sống một cuộc sống trong đó tự nhiên cung cấp mọi thứ - tất nhiên với giả định là họ đến được với thế giới tự nhiên. Nhưng điều này đã trở nên ngày càng khó khăn trong bối cảnh nền nông nghiệp mang tính hàng hóa và sự thống trị toàn cầu của ngành kinh doanh thực phẩm.

Quả thực, một người có thể thắc mắc về chủ nghĩa tư bản thế này: “Tại sao con người lại không thấy thỏa mãn, như là những con chim, với những gì họ có thể lượm được? Tại sao họ phải đổ mồ hôi sôi nước mắt kiếm ăn và chịu đựng khổ cực vậy?”²⁰

Tôi vẫn còn nhớ từng lời của một người bộ lạc ở Ethiopia, người lúc đầu đã gạt bỏ ý tưởng về làm nông tự nhiên của

20 Có thể câu nói này căn cứ trên Matthew 6:25-34, mà một phần có nội dung là, “Hãy xem những con chim trên trời: chúng không gieo cũng chẳng gặt hay tích trữ vào kho, ấy thế nhưng Cha trên Trời của các người vẫn cho chúng đủ ăn... Hãy xem những cây loa kèn ở trên đồng, chúng sinh trưởng ra sao: chúng không nhọc công vất vả, nhưng ta nói các người nghe, ngay cả Solomon với tất cả những vinh quang của ông ta cũng không sánh bằng một trong số chúng”.

tôi. “Ông đang yêu cầu tôi trở thành nông dân đấy à?” anh ta hỏi. “Bám lấy đất đai và tích cóp dành dụm là hành động của một kẻ thoái hóa”. Những lời đầy kiêu hãnh của người sống du cư nay đây mai đó này chính là sự chỉ trích sâu sắc đối với xã hội hiện đại.

Dường như đã qua lâu rồi cái thời cái gì càng có nhiều thì càng rẻ; khi mà ta có thể kiếm tiền đơn giản bằng cách sản xuất ra những gì mà người ta cần - cái thời của nền kinh tế địa phương quy mô nhỏ.

Mặc dù bí ngô sẽ nuôi sống hàng trăm người, nhưng khi đào kim cương, mỗi viên nặng chỉ vài gram mà lại bán được nhiều tiền hơn, tất cả mọi người đều bỏ không trồng bí ngô nữa. Một khi hệ thống phân phối nằm dưới sự kiểm soát của các công ty lớn, toàn bộ cấu trúc giá cả sẽ bị bóp méo lệch lạc.

Chẳng hạn, khi tới thăm châu Âu, tôi thấy rằng ở Vienna, Áo, giá trái cây cực kỳ mắc. Khi hỏi về chuyện này, người ta bảo tôi rằng những nông dân Ý đang từ chối không trồng cây ăn trái, thế nên giá tăng cao vì trái cây không sẵn có. Ngày hôm sau, khi tiếp tục hành trình sang nước Ý, tôi trông thấy xe ủi đang phá nát những cây đào đẹp đẽ trong một vườn cây phía nam Milan. Khi tôi hỏi người nông dân ở đó tại sao lại làm thế, ông nói rằng người dân Áo không chịu mua trái đào. Tất nhiên, lý do là giá đào ở Vienna cao

quá, nên lượng cầu sụt giảm, và thế là giá tiền trả cho người trồng đào ở Ý cũng rớt xuống theo. Người nông dân đó nói ông đang tuân theo mệnh lệnh “hạn chế sản xuất” của hợp tác xã nông nghiệp địa phương, và vì thế ông phải phá vườn đi.

Cùng ngày hôm đó, một tờ báo Pháp cho đăng một tấm hình chụp những người nông dân Pháp tại biên giới với nước Ý, đang lật đổ năm, sáu chiếc xe tải chở đầy nho để ngăn không cho chúng nhập khẩu vào Pháp. Người tiêu dùng ở các thành phố nước Pháp vào thời điểm đó chuộng mua trái cây và rượu vang nhập khẩu với giá cao, không đếm xỉa gì tới mối bận tâm có thể hiểu được của những người nông dân ở chính nước họ, về chuyện giá cả mà người nông dân thu được từ sản xuất thấp thế nào.

Chuyện kiểu này xảy ra bởi vì những công ty thương mại đứng ở vị trí trung gian có thể thao túng giá tùy theo thông tin mà họ xì ra. Nếu họ bảo với người tiêu dùng rằng giá cả tăng cao vì nguồn cung trái cây thấp, rồi lại bảo với người sản xuất rằng doanh số bán ra kém, thì đối với kẻ môi giới trung gian, mọi chuyện vẫn tốt đẹp cả thôi, vì anh ta kiểm soát dòng tiền. Dưới hệ thống này, không ai biết đâu là sự thật nữa. Các doanh nhân và các nhà tài phiệt, những kẻ biết và kiểm soát thông tin thực tế trong sản xuất và chi phí, sẽ quyết định giá cả, luôn theo hướng có lợi cho họ.

Tôi gọi đây là nền kinh tế bạch tuộc hút tiền. Nằm ở trung tâm là các chính trị gia và các tổ hợp quân sự-công nghiệp-chính phủ (trái tim con bạch tuộc), những kẻ có quyền lực được tập trung hóa. Tám cái xúc tu của con bạch tuộc là công cụ để phục vụ cho trái tim đó, bao gồm: (1) duy trì mạng lưới vận tải, bao gồm đường bộ, đường sắt và đường không; (2) kiểm soát các đầu mối quản lý hệ thống vận tải; (3) giám sát truyền thông; (4) thiết lập một mạng lưới thông tin kinh tế; (5) giáo dục và cố vấn quản trị; (6) kiểm soát các thiết chế tài chính; (7) kiểm soát thông tin; và (8) kiểm soát máy tính cá nhân và việc đăng ký của công dân.

Mọi thứ đều được kéo về phía trung tâm nhờ tám cái xúc tu trên. Mặc dù hoạt động này được tiến hành dưới danh nghĩa kích thích kinh tế vùng ở các khu vực ngoại vi, hay là duy trì văn hóa vùng miền, thì sự giàu có cuối cùng vẫn tích tụ lại ở trung tâm. Cái khăn mà con bạch tuộc quấn quanh đầu nó, giống như một người làm món sushi quấn quanh đầu ông ta, là cái vòng kim cô tiền bạc, và tiền này, giống như một thổi nam châm, hút về càng nhiều tiền hơn qua tám cái xúc tu của nó. Chuyện này cứ tiếp tục mãi.

Và sự giàu có ấy được dùng vào việc gì? Nó được dùng để đẩy mạnh tập quyền và tăng cường vũ trang - nghĩa là đổ thêm nhiên liệu vào dạ dày con bạch tuộc. Việc này sẽ mang lại sức mạnh quân sự và sự giàu có cho quốc gia - mà, nếu

cứ để cho leo thang không kiểm soát, kết quả sẽ là tham vọng điên cuồng muốn kiểm soát cả thế giới. Nhưng tự phụ luôn kéo theo sụp đổ, đến cuối cùng, con bạch tuộc sẽ bị câu lên bởi ngư ông lộc lỏi, hoặc sẽ tự xói các xúc tu và làm hại chính mình.

Điều vũ bi kịch của con bạch tuộc hút tiền này được biểu diễn trên lưng của thường dân và nông dân. Rốt cuộc, con bạch tuộc ấy, với các xúc tu vung lên điên loạn theo mọi hướng, chẳng là gì hơn ngoài một vở hài kịch của loài người.

Điều này nhắc tôi nhớ tới khoảng thời gian đến thăm Lumbini ở Nepal, nơi Đức Phật Thích Ca chào đời. Lúc tôi nghỉ chân trong làn sương mù dày đặc dưới tán cây sung, một vài nông dân địa phương xuất hiện theo tốp hai và ba người, đi quanh cái hồ đang trước mặt tôi. Bọn họ đang xoay những cái luân xa dùng cho cầu nguyện, họ tụng kinh, và rồi biến đi mất dạng. Thời gian với tôi dừng lại. Trong khoảnh khắc đó, tôi nghĩ mình đã nghe thấy tiếng của Phật Đà.

Trong hành trình trở về quê nhà ngày hôm ấy, một người có liên quan tới việc giữ gìn các di tích Phật giáo đã cho tôi xem bản đề xuất của một kiến trúc sư người Nhật, muốn biến nơi đó thành điểm du lịch. Tôi bị sốc hoàn toàn. Kế hoạch đưa ra là kết nối hồ nước với một chuỗi những con

kênh, sao cho người ta có thể cúng bái ngay trên du thuyền. Ở trung tâm của công viên, mô hình của những đền thờ, nhà thờ và miếu thờ vĩ đại của thế giới sẽ được xây dựng và sử dụng làm khách sạn.

Họ muốn làm cho việc thăm viếng những chốn linh thiêng được tiện lợi hơn và rút ngắn khoảng thời gian cần thiết để nắm bắt được Phật tâm. Tôi có cần phải nói trắng ra rằng với công viên giải trí theo chủ đề tôn giáo và đèn lồng xoay tròn, con người chẳng thể nào nhận ra chân thân của Đức Phật không?

Mặc dầu chính phủ cảm thấy hãnh diện là Nhật Bản đã trở thành một cường quốc về kinh tế, và đa số người dân tự xếp mình là thành viên giai cấp trung lưu, nhưng ở đó ai ai cũng có thể cảm nhận được một điều rằng, cùng với sự phồn vinh hiện tại là một cuộc khủng hoảng kinh tế sắp ập đến.

Trước đây không lâu, hơn tám mươi phần trăm người Nhật còn là nông dân, và chỉ một phần nhỏ hoạt động trong lĩnh vực buôn bán hay sản xuất công nghiệp. Đến giờ thì tình hình hoàn toàn đảo ngược. Ngành đầu bảng, nông nghiệp hiện đại, chỉ chiếm chưa tới năm phần trăm dân số, và ngay cả ngành công nghiệp chế tạo và thương mại, đứng thứ nhì, cũng đã bị vượt mặt về cơ cấu dân số bởi các ngành công nghiệp phục vụ tiêu dùng, đứng thứ ba. Nếu một cơn

bão đình trệ kinh tế mà nổi lên thì cái cấu trúc này chắc chắn sẽ sụp đổ.

Phong cảnh ruộng đồng, cho tới mới gần đây thôi còn có thể thấy ở Nhật Bản, vẫn tồn tại ở nông thôn nhiều vùng châu Á, châu Phi và Ấn Độ. Trong thực tế, một trong những công cụ làm nông thông dụng nhất là chiếc xe trâu vẫn được sử dụng ở nhiều ngôi làng Ấn Độ ngày nay. Tôi cảm nhận thấy lòng tự hào tràn đầy trong lời của một nông dân, khoe với tôi rằng thiết kế của chiếc xe này đã không phải thay đổi hay cải tiến gì trong suốt ba nghìn năm qua.

Nằm ở căn cốt những nước được gọi là kém phát triển này là một đạo lý đáng tự hào của những người gắn bó với ruộng đất. Nếu những nền kinh tế theo kiểu địa phương này mà bắt chước các nước phát triển với mô hình tập trung quyền lực và tài nguyên của chúng, thì người dân thường sẽ nghèo hèn đi, dù rằng những kẻ trục lợi trong nước đó có nhất thời giàu lên. Những người nông dân đường hoàng mà tôi đã từng gặp này nhìn những tòa nhà chọc trời ở các quốc gia phát triển như những bia mộ cho loài người. Tôi nhớ tới một bài dân ca Thái, hát như thế này:

Lúa ở trên đồng

Cá bơi trong nước

Người bán rong rao những món hàng

Ta có thể mua những gì mình muốn

*Hạt giống chúng ta đã gieo rồi
Nhanh tay nào, đi tưới nước
Kẻo chúng sẽ chết khô
Đêm nay trăng tròn.*

Bài ca này tán dương niềm tin rằng những người nông dân sống tối giản là những người vui sướng nhất.

Ảo tưởng về luật nhân quả

Các nhà khoa học tự nhiên phát hiện ra rằng nếu ta làm lạnh một cốc nước, nó sẽ đông thành đá, còn nếu ta hâm nóng nước đá, nó sẽ quay về thành nước. Cứ lặp đi lặp lại những thí nghiệm như thế, họ thấy rằng có một nguyên nhân và một kết quả trong sự biến đổi của vật chất.

Khi nước biển bị mặt trời hâm nóng, nó bốc thành hơi bay lên tạo thành các đám mây, biến thành mưa, rơi xuống đất, chảy xuống theo các dòng suối con sông, rồi quay trở về với biển. Với vòng tuần hoàn ấy, các nhà khí tượng học thấy rõ nguyên nhân tạo ra mây và mưa, nghĩ rằng họ đã nắm bắt được bản chất thật của nước. Nhưng họ chẳng hề hiểu nguyên nhân căn bản giải thích lý do *tại sao* có nước ở trên trái đất và *tại sao* mây lại trôi trên trời.

Khi các nhà khoa học tự nhiên xác định các biện pháp để đối phó với tình trạng sa mạc hóa, họ bắt đầu bằng việc

khảo sát các nguyên nhân và kết quả trông thấy được. Họ tiến hành các nghiên cứu về môi trường sa mạc, khí hậu, đất, và hệ sinh thái của các sinh vật. Sau đấy họ lập kế hoạch trồng cây gây rừng. Nói cách khác, giống như với Tây y, họ chế ra một phép điều trị triệu chứng mau chóng và cục bộ. Nhưng những nguyên nhân mà họ dựa trên đấy để đưa ra giải pháp của mình không phải là những nguyên nhân căn bản. Các biện pháp đối phó của họ không có tác dụng chữa lành, mà thực ra lại khuếch đại mức độ của vấn đề lên.

Cho tôi một chút ít thời gian để nói về trải nghiệm của riêng tôi với các rừng thông ở Nhật Bản. Những cây thông xanh mướt đáng yêu mọc lên gần những bờ biển cát trắng đã từ lâu là phong cảnh biểu trưng cho các hòn đảo Nhật Bản, nhưng vào giữa những năm 1970, thông bắt đầu chết như ngã rạ. Chỉ trong một thời gian ngắn, những cây thông đẹp đẽ bao phủ các ngọn đồi biến mất ở nhiều vùng của Nhật Bản. Bộ Lâm nghiệp xác định rằng nguồn gốc của thiệt hại này là một loài giun tròn, sống trên vật chủ là bọ cánh cứng sừng dài. Trong vòng mười năm qua, người ta đã thực hiện việc phun hóa chất diện rộng từ trên không trong nỗ lực tiêu trừ loài bọ cánh cứng này.

Làng của tôi nằm trong vùng có rừng thông gỗ đỏ, thứ gỗ này nuôi được nấm thông (matsutake), một loại nấm rế²¹

21 Loài nấm sống một phần nhờ vào bộ rễ của cây và một phần vào đất. Đây là một mối quan hệ mà cả cây chủ và loài nấm này đều được lợi.

bán được giá cao nhờ mùi vị đặc trưng của nó khi nấu nướng. Tôi không thể ngồi nhìn khi mà những cây xanh tươi cao lớn quanh nông trại của tôi đột nhiên chết hết cây này tới cây khác. Và nữa, tôi có những hoài nghi của mình về cái cách mà Bộ Lâm nghiệp xác định loài bọ cánh cứng và giun tròn là nguyên nhân, nên tôi đem kinh nghiệm trước đây trong ngành bệnh học cây trồng ra sử dụng, dành hơn ba năm nghiên cứu trong một cái chòi trên sườn đồi của mình.

Theo giả thuyết của Bộ Lâm nghiệp, khi những con bọ cánh cứng đó đẻ trứng lên ngọn thông, loài giun tròn sống cộng sinh với chúng xâm chiếm cây thông, đi vào hệ thống mao mạch của cây, rồi nhân lên, làm tắc nghẽn dòng chảy của nước cũng như dưỡng chất bên trong thân và cành cây. Việc này được phát biểu là nguyên nhân khiến cho những cây thông đột ngột héo và chết. Tuy nhiên, các thí nghiệm của tôi lại cho thấy một kết quả hoàn toàn khác.

Trước hết, những cây thông khỏe mạnh ít có khả năng chết, ngay cả khi bị nhiễm giun tròn. Thứ hai tôi đã không tìm thấy loài nấm sợi, thức ăn cho loài giun tròn (theo Bộ Lâm nghiệp, là những loại mốc xanh và đen không rõ ràng), hiện diện ở trong thân những cây thông khỏe mạnh, mà bọn giun tròn thì không thể chỉ sống nhờ vào mỗi mình nhựa cây. Rồi, khi tôi nghiên cứu thân những cây thông bắt đầu có dấu hiệu chết đi, tôi phát hiện có ba hay bốn loại nấm

bệnh (*eumycete*) khác nhau, thậm chí chưa từng được nhắc tới. Những sinh thể này được cho là vào nước Nhật qua gỗ nhập khẩu. Nhưng ngay cả khi tôi cho lây nhiễm lên cây thông các sợi nấm mà bọn nấm bệnh này sản sinh ra, thì chúng cũng không ảnh hưởng mấy tới độ khỏe mạnh nói chung của cây.

Điều hay ho nhất từ nghiên cứu của tôi là phát hiện rằng những cây thông bắt đầu thể hiện những dấu hiệu bất thường chỉ sau khi loại nấm matsutake cộng sinh với rễ cây không còn hiện diện nữa. Cây thông và nấm matsutake có một mối quan hệ cộng sinh. Nấm matsutake xâm nhập và phá vỡ các khoáng chất trong đất, hấp thụ một lượng nhỏ dưỡng chất từ đó, mà sau này cung cấp lại cho cây thông. Nói cách khác, sự suy giảm số lượng cây thông và sự suy giảm đột ngột của nấm matsutake, điều đang xảy ra trên khắp nước Nhật, dường như có một mối liên quan trực tiếp.

Điều gì đã gây ra sự biến đổi các cộng đồng vi sinh trong đất ở những khu rừng thông của nước Nhật? Chúng ta đều biết rằng đất ở các rừng thông càng ngày càng axit hơn, và chỉ riêng chuyện đó thôi cũng có thể giải thích được sự biến đổi xảy ra trong đám vi sinh vật. Tôi tin rằng những cơn mưa axit là nguồn gốc của tính axit này, nhưng tôi không thể nói thế một cách chắc chắn.

Tôi vẫn chưa đi đến được một kết luận nào cả, nhưng liên quan tới nguyên nhân thì các kết quả nghiên cứu của tôi chỉ ra một hướng hoàn toàn khác so với giả thuyết của Bộ Lâm nghiệp. Nguồn gốc của vấn đề không phải là loài giun tròn phiền toái, mà đúng hơn là do loài nấm matsutake đang chết dần đi, và kết quả là cây thông trở nên yếu đuối. Các loại nấm sợi xâm chiếm thân cây và cuối cùng đến lượt loài giun tròn ăn nấm sợi xâm nhập vào cây. Giun tròn và bọ cánh cứng không phải là căn nguyên gây nên chuyện. Chúng đang không làm gì cả ngoài chuyện dọn dẹp xác của những cây đã chết hoặc sắp chết. Nhiều lắm thì chúng cũng chỉ là tồng phạm gây tội ác, trong khi kẻ chủ mưu thì lại nằm ngâm ở dưới đất. Nhưng ngay cả khi giả thuyết của tôi là chính xác đi nữa, nếu khói mù và mưa axit hóa ra là nguồn gốc của vấn đề, thì gần như chúng ta lại quay trở về điểm xuất phát ban đầu.

Tất nhiên, nghiên cứu này được thực hiện trong cái chòi tồi tàn của tôi ở trên đồi, nên vẫn có chỗ cho sai sót tồn tại, nhưng điểm cần nói ở đây là, nguyên nhân và kết quả mà thế gian nhìn thấy có thể sai lầm. Mặc dầu tôi nói về chu trình nhân quả đấy, nhưng không ai *thực sự* biết chuyện gì đang diễn ra cả. Ấy vậy mà Bộ Lâm nghiệp vẫn quyết định phun thuốc trừ sâu lên khắp các khu rừng. Ai mà biết được việc làm này có thể dẫn tới thảm họa môi trường khôn

lượng nào, và có thể diễn biến nghiêm trọng hơn nhiều thì sao?

Cách tiếp cận hiện tại của các phương thức đối phó với sự sa mạc hóa

Khi thấy mưa không rơi xuống và không có nước trong sa mạc, điều đầu tiên người ta nghĩ tới là dựng một con đập để lưu giữ nước sông. Rồi họ xây các đường dẫn nước và các kênh tưới tiêu. Họ nghĩ rằng muốn sử dụng nước được hiệu quả, tốt nhất là tạo nên những đường thẳng tuột để nước chảy nhanh hơn. Con đập Aswan trên sông Nile đã được xây dựng rồi và sớm thôi sẽ có những con đập lớn tương tự được xây trên sông Hoàng Hà ở Trung Quốc, trên sông Narmada ở Ấn Độ. Chúng có thể là những phương cách ngắn hạn, thiết thực, nhưng về lâu dài chúng sẽ biến thành những sai lầm thế kỷ.

Lý do chính khiến nước đang dần biến mất khỏi các dòng sông là bởi vì mưa đã thôi không còn rơi xuống nữa. Bước đầu tiên chúng ta phải thực hiện trong việc chống lại sa mạc hóa không phải là bẻ hướng dòng chảy của các con sông, mà là khiến cho mưa lại rơi xuống. Việc này liên quan tới tái lập thảm thực vật.

Cổ phủ cây cho sa mạc bằng việc dùng tới lượng nước hiếm hoi còn lại ở các con sông là đang đặt cỗ xe phía trước con ngựa. Không, trước hết chúng ta phải đồng loạt phủ cây cho những dải sa mạc rộng lớn, nhờ đó khiến cho mây bốc lên được từ đất, tạo thành mưa.

Hiện thời đang có một kế hoạch xây dựng trên hai trăm con đập nữa dọc theo sông Narmada, con sông linh thiêng thứ nhì ở Ấn Độ chỉ sau sông Hằng. Nhưng khi bị đập ngăn lại, nước dâng lên sẽ nhấn chìm các rừng cây, lấy mất sinh kế của những người sống ở đó, và thế là hàng triệu người sẽ bị đẩy ra các sa mạc quanh dòng sông. Dòng người này sẽ tạo một áp lực lớn hơn lên các nguồn lực vốn đã hiếm hoi của sa mạc, và với sự mất đi của rừng, các sa mạc sẽ còn mở rộng ra thêm²².

Chính phủ Ấn Độ cần phải quyết định liệu tốt hơn hết nên tiếp tục xây dựng các nhà máy thủy điện theo kế hoạch trăm năm của quốc gia, hay là nên tái phủ cây cho sa mạc và làm cho đất đai sống lại.

Một điều cũng quan trọng cần để ý là, ngay cả khi không có các con sông chảy qua trên bề mặt của sa mạc thì bên dưới vẫn có nước. Ở Saudi Arabia và khu vực sa mạc phía Đông dãy núi Rocky ở Bắc Mỹ, nước được bơm lên từ các tầng ngậm nước nằm sâu bên dưới bề mặt đất cả trăm mét.

²² Buồn thay, kể từ thời điểm ông Fukuoka viết cuốn sách này vào năm 1992, chuyện này đã thành hiện thực.

Ở Hoa Kỳ, nước được bơm tới các cánh đồng rộng lớn kiểu vòng tròn, tại đó nó được phun tỏa ra nhờ vào các vòi tưới khổng lồ, tạo thành những vòng tròn có đường kính lên tới nửa dặm. Nhìn những vòng tròn màu xanh mà các nông trại này tạo nên trên sa mạc, người ta có thể thấy được sức mạnh của công nghệ hiện đại. Nhưng chuyện gì sẽ xảy ra khi những vòi phun này đã hút lên tất cả lượng nước ngầm còn lại, vốn là lượng nước đã được lọc, thấm xuống từ các khu rừng trên dãy núi Rocky và tích tụ trong hàng chục ngàn năm?

Khi nước trở nên khan hiếm, người ta nghĩ tới chuyện tiết kiệm. Với hệ thống tưới nhỏ giọt, các ống nhựa được rải ra trên sa mạc trong nỗ lực sử dụng lượng nước ít nhất mà vẫn cho hiệu quả cao nhất. Một trường đại học của Nhật Bản đang cho tiến hành các cuộc thử nghiệm sử dụng kiểu tưới này ở Mexico, và nó cũng đã được áp dụng ở Israel được một thời gian. Tất nhiên, phương pháp này có hiệu quả với tư cách ‘chữa cháy’ cục bộ, nhưng xét về tổng thể số lượng vật liệu và năng lượng cần dùng tới, liệu rằng cách tưới nước nhỏ giọt có thể đưa vào sử dụng như một giải pháp thiết thực và lâu dài hay không thì vẫn còn là dấu hỏi.

Một thử nghiệm đem cày trộn thứ nhựa siêu hấp thụ vào trong đất để tăng khả năng giữ nước của nó đã được tiến hành ở Ai Cập. Các thử nghiệm khác thì tập trung vào

nhiều loại vật liệu khác nhau thay thế cho mùn trong việc giữ nước, nhưng những cách thức này cũng chỉ là những kế chước ngắn hạn mà thôi.

Ở Trung Quốc, chính phủ đã khởi động một dự án đồ sộ, với nỗ lực chặn đứng sự bành trướng của đại sa mạc Taklamakan. Như ở Sudan và Tanzania, họ dùng vệ tinh và máy bay để khảo sát những vùng xa xôi về mức độ sa mạc hóa đang diễn ra. Họ phân tích nước ngầm, độ mặn của đất và những điều kiện khác bằng cách khoan những hố rất sâu, lượng hóa các kết quả thu được, thực hiện giả lập trên máy vi tính, và kiểm tra khả năng chống chịu của các loại cây được nuôi trồng trong môi trường sa mạc khắc nghiệt. Nhưng hết thảy các kế hoạch tái phủ cây được lập ra theo cách này đều thất bại. Thế rồi chính phủ, chịu trách nhiệm tiến hành các nghiên cứu này, nói rằng họ cần phải quay lại, phân tích lại các số liệu - mà tất nhiên là vụ này sẽ tốn thêm nhiều thời gian và tiền bạc.

Hắn rồi, ta có thể tạo ra những cánh đồng tươi tốt ở một vùng đất khô cằn nếu bơm nước ngầm lên và phun tưới lên sa mạc, như họ làm ở những nông trại trồng theo dạng vòng tròn ở Mỹ. Nhưng do nước được tưới theo cách này nhanh chóng bốc hơi mất, muối trong nước tưới kết tủa lại, tro ra và tích tụ ở các lớp bề mặt của đất. Để tránh tình trạng này, lượng muối từ nước tưới được rửa trôi ra các con sông hoặc

các “khu vực rác thải” gần đấy, thực sự gây nên những điều kiện độc hại tại đó²³.

Các phương pháp được sử dụng ở Saudi Arabia, Israel và những nơi khác, chẳng hạn lọc nước biển qua một màng nhựa tổng hợp, tách muối ra để biến nước mặn thành nước ngọt, đem lưu chuyển tuần hoàn, và nhờ thế tạo nên những trang trại ngay giữa sa mạc, cũng chẳng là gì khác ngoài những biện pháp ngắn hạn, ngốn năng lượng khủng khiếp.

Một số người nghĩ rằng để tăng số lượng cây trên trái đất, tốt nhất là trồng những giống cây mọc nhanh. Ngày nay, nhiều loại cây mau lớn, chẳng hạn như bạch đàn, đang được trồng khắp nơi trên thế giới. Tuy nhiên, những loại cây này cần rất nhiều nước khi còn non, thế nên sẽ mất cực kỳ nhiều sức lực để tưới đủ nước cho cây. Khi cây cối chỉ được tưới chút ít nước phía trên bề mặt, đất sẽ trở nên chắc đặc lại. Khi đó nước không thể ngấm sâu xuống dưới, rễ cây không thể lan rộng ra; rốt cuộc, việc ta tưới thì cũng giống như đem đổ nước lên những tảng đá bị hâm nóng. Vì lý do này, nhiều cây bị héo và chết.

23 Một ví dụ mang tính bi kịch và nổi tiếng cho vấn đề này đã xảy ra ở mặt phía Tây khô cằn của thung lũng San Joaquin ở California. Nước được bơm lên từ tầng đất ngầm nước để rửa muối khỏi lớp đất mặt, nhờ đó có thể trồng bông và các loại cây mùa vụ khác. Thử nước chứa đầy muối này sau đó được xả vào khu trú ẩn của động vật hoang dã Kesterson, gây ra tình trạng tích tụ các loại muối độc hại và selen. Selen có trong tự nhiên và không có hại với lượng nhỏ, nhưng khi mật độ tích tụ cao như thế thì nguy hiểm chết người. Vào năm 1983, một số lượng lớn tôm cá được phát hiện đã chết, cũng như hàng ngàn con chim bị chết hay dị dạng. Việc (bơm nước) này đã bị ngừng lại vào năm 1985, nhưng selen, chì, boron và các chất độc hại có hàm lượng cao khác thì vẫn còn nguyên đó.

Sa mạc hóa gây ra bởi cừu, bò và dê cũng là một vấn đề nghiêm trọng. Chúng không chỉ ăn hết số thực vật hiếm hoi sẵn có mà còn ăn cả những cái cây mà con người trồng lên với mục đích hồi phục đất và rừng. Có vẻ như chúng ta sẽ phải quyết định chọn ra cách thức kiểm soát số lượng và quản lý gia súc sao cho phù hợp, nhằm tạo ra được một hệ thống phục hồi và tái tạo lớp đất mà chúng gặm cỏ cây ở trên đó, đồng thời sẽ phải giải quyết vấn đề dân số thế giới. Khi thấy rằng nguồn thực phẩm không còn đủ nữa, người ta vội vã đốn cây đi và cố gắng trồng cây lương thực lên đó càng nhanh càng tốt, thường là trên những đồng đất đã đốt trụi. Tuy nhiên, xét tổng thể, lượng thực vật đang giảm nhanh hơn là được tái tạo, và sa mạc hóa đang tiến triển với một tốc độ ngày càng tăng.

Các phương cách tái phủ cây kiểu khoa học nhằm làm cho sa mạc lành lặn trở lại thường chỉ xét đến một cách thức chuyên biệt. Như tình trạng bây giờ, hàng loạt những nỗ lực khác nhau mang tính cục bộ, manh mún hòng chặn đứng tình trạng sa mạc hóa đã trở thành những biện pháp nửa vời được triển khai bởi các viên chức chính phủ. Vấn đề là ở chỗ, nước, đất và cây trồng được xét tới một cách riêng biệt, mỗi thứ được thúc đẩy bởi một ban ngành riêng. Không bao giờ có thể đi đến giải pháp lâu dài theo cái cách như thế.

Trong khoảng năm mươi năm vừa qua, tôi đã trồng các loại cây lương thực mà không xới tung đất lên, cũng không sử dụng phân bón hay các hóa chất nông nghiệp. Thực tế ra mà nói, tôi đã chẳng làm gì cả, thế mà đất ở ruộng của tôi trở thành loại đất tốt nhất trong làng. Tôi chỉ việc vãi hạt giống bọc trong các viên đất sét, rải rơm lên và tạo một lớp phủ đất có lợi, bao gồm cỏ ba lá hoa trắng và đậu tằm. Tôi cung cấp cho tự nhiên những công cụ đó, rồi phó thác cho nó sinh sôi nảy nở. Mặc dù thời tiết và các điều kiện khác không giống nhau, tôi tin rằng phương pháp cơ bản này cũng sẽ có tác dụng trong việc phủ cây cho các vùng đất sa mạc.



CHƯƠNG BỐN

Sự Sa Mạc Hóa Toàn Cầu



MẶC DÙ BỀ MẶT đất đai ở châu Âu và Hoa Kỳ nhìn thì có vẻ được bao phủ bằng một màu xanh đáng yêu, nhưng nó chỉ là một màu xanh mô phỏng theo kiểu cảnh quan sắp đặt. Bên dưới bề mặt đó, đất đang kiệt quệ đi do kiểu thực hành nông nghiệp sai lầm suốt hai nghìn năm qua.

Hầu hết đất châu Phi ngày nay vắng bóng cây, trong khi chỉ vài trăm năm trước thôi nơi này được bao phủ bởi những cánh rừng già. Theo Ủy ban nghiên cứu thống kê của Ấn Độ, thảm thực vật ở Ấn Độ cũng đã biến mất nhanh chóng trong 45 đến 50 năm qua, và giờ đây chỉ bao phủ chưa tới mười phần trăm bề mặt của đất đai. Khi tôi tới Nepal, các nhà chức trách đã xót xa trước thực tế là trong

hai mươi năm qua, dãy Himalaya đã trở thành những ngọn núi trọc lóc, chẳng còn cây cối.

Ở Philippines, trên các hòn đảo Cebu và Mindanao, có những đồn điền chuối đầy nhưng lại không có rừng, và người ta đang lo là trong vài năm nữa, ngay cả nước uống cũng có thể trở nên khan hiếm. Ở Thái Lan, Malaysia và Indonesia, khi mà những phương thức làm nông bảo vệ tự nhiên đã bị nuốt chửng bởi làn sóng văn minh hiện đại, tình trạng của đất đai cũng xấu đi. Nếu quá trình phá rừng ở những cánh rừng mưa nhiệt đới tại châu Á và Brazil cứ tiếp tục với tốc độ hiện tại, lượng ôxi trên trái đất sẽ suy giảm và niềm vui của mùa xuân trên hành tinh này sẽ bị thay thế bởi sự cằn cỗi của mùa đông.

Nguyên nhân trực tiếp của việc thảm thực vật mất đi nhanh chóng là do nạn phá rừng bừa bãi và nông nghiệp quy mô lớn, được tiến hành nhằm phục vụ cho đời sống văn hóa vật chất của các nước phát triển, nhưng nguyên nhân sâu xa của nó thì bắt nguồn từ hàng nghìn năm trước.

Thế giới tự nhiên không tự nó biến thành sa mạc. Cả trong quá khứ lẫn hiện tại, con người với tri thức “siêu việt” của mình vẫn luôn là kẻ đầu sỏ trong việc biến trái đất và trái tim con người thành những mảnh đất chết. Nếu chúng ta diệt trừ được cái nguyên nhân gốc rễ của sự phá hoại này - chính là kiến thức và hành động của con người - chắc chắn

thiên nhiên sẽ trở về với sự sống lần nữa. Không phải tôi đang đề xuất việc loại bỏ loài người, mà đúng hơn, tôi đề xuất thay đổi nền chính trị và cách chúng ta thực hành quyền hạn của mình.

Các cách thức để chống lại sa mạc hóa của tôi thì giống y như phương pháp làm nông tự nhiên căn bản. Người ta có thể gọi nó là một cuộc cách mạng nông nghiệp tự nhiên, mà mục đích là trả trái đất về thành nơi thiên đường như đã từng.

Những bài học từ các cảnh quan ở châu Âu và Hoa Kỳ

Lần đầu tiên tôi trông thấy sa mạc và bắt đầu quan tâm đến nó là vào mùa hè năm 1979, khi lần đầu bay đến Hoa Kỳ. Tôi chắc chắn rằng lục địa châu Mỹ là một vùng bình nguyên bát ngát, xanh tươi màu mỡ với những cánh rừng sum suê, nhưng ngạc nhiên làm sao, nó lại là một vùng bán sa mạc màu nâu hoang vắng.

Tôi đã có một buổi nói chuyện với Cục Bảo tồn của bang California ở Sacramento, chủ trì bởi cô Priscilla Grew, vào lúc đó đang là người đứng đầu của Cục. Tôi nói rằng môi trường ở California có những vấn đề nghiêm trọng, là hậu quả của cách thực hành nông nghiệp tồi, quản lý nước kém,

khai thác gỗ quá mức và chặn thả quá độ. Tôi nói với nhóm người đó rằng những việc này đang kết hợp lại và hình thành nên một “đại sa mạc California”. Sau buổi nói chuyện, tôi được mời tới trao đổi riêng với cô Grew, một nhà địa chất, tại văn phòng của cô trên tầng 13 tòa nhà Resources Building.

Chúng tôi thảo luận về việc Nhật Bản và California gần như là ở cùng một vĩ độ, cả thảm thực vật lẫn nền đá kiến tạo của hai nơi là tương đồng, và trước đây rất lâu, các lục địa châu Á và châu Mỹ đã từng là một lục địa liền. Chẳng hạn như, các mẫu hóa thạch cho thấy các cánh rừng rộng lớn của loài cây thủy sam *Metasequoia*²⁴ đã tồn tại ở cả hai nơi. Các loài rêu và địa y mà tôi thấy mọc ở những khu rừng không ai động chạm tới ở Sierra Nevada và ở Coast Range thì cũng giống hệt như tôi quan sát được ở các cánh rừng nguyên sinh Nhật Bản.

Phỏng đoán của tôi là quá trình sa mạc hóa và thay đổi khí hậu ở California bị đẩy nhanh bởi cách thức làm nông nghiệp sai lầm. Tôi đưa ra giả thuyết rằng việc phá rừng và sự thay đổi từ các loại cỏ bụi sống lâu năm từng có lúc bao phủ các bình nguyên sang các loại cỏ hàng năm như đuôi

24 Đây là một trong ba loại cây tùng gỗ đỏ, hai loại kia là tùng bờ biển và củ tùng khổng lồ. *Metasequoia*, hay tùng rụng đông, được cho là đã tuyệt chủng, cho tới khi một vài khu rừng nhỏ được phát hiện tại miền Nam Trung Hoa vào năm 1944. Hiện giờ nó là một loài cây phong cảnh phổ dụng có mặt rộng khắp ở các vườn ươm.

cáo và yến mạch hoang đã góp phần làm lượng mưa giảm đi²⁵. “Mưa không chỉ rơi xuống từ trên trời”, tôi nói. “Nó còn rơi ngược lên từ đất nữa”. Thảm thực vật, đặc biệt là cây cối, thực sự *khiến cho* mưa rơi.

Sau khi chúng tôi rời khỏi văn phòng của cô, có ai đó đề nghị tôi cùng đi thăm một nơi thú vị gần đây. “Nơi thú vị gần đây” hóa ra là một cao nguyên khô, nóng ở Coast Range, cách chừng hơn một trăm dặm.

Có khoảng hai mươi thanh niên đến từ nhiều quốc gia khác nhau, bằng cách nào đó đã xoay xở để sống được ở nơi xa xôi hẻo lánh trên mảnh đất thuộc phạm vi rừng quốc gia này. Họ đã yêu cầu tôi dạy cho cách sử dụng nông nghiệp tự nhiên để tạo sinh kế. Họ thậm chí còn không có cái liềm hay cái cuốc nào cho ra hồn. Nguyên cả vùng đó bao phủ bởi cỏ khô, không thấy một đốm xanh lá cây nào trong tầm mắt. Chỉ có lác đác vài cây sồi.

Nằm giữa những cảnh trạng vô vọng như thế này, tôi chẳng thể nào ngủ nổi. Sáng sớm ngày hôm sau, khi đang rửa mặt ở một con suối nhỏ, tôi để ý thấy nước ngập lên một cái lỗ chuột khiến cho một số hạt cỏ dại nảy mầm và mọc cao chừng gần chục phân.

25 Các vùng đất cỏ mọc ở California lúc ban đầu gồm có các loại cỏ lâu năm. Những loại thực vật này có hệ rễ đâm sâu và rộng, xanh suốt mùa hè. Khi người Tây Ban Nha đưa loài cừu và ngựa chăn thả tới đây vào cuối những năm 1700, họ cũng mang theo hạt giống của những loại cỏ hàng năm, chẳng hạn như hắc mạch và yến mạch. Bọn gia súc chăn thả kén chọn ăn những loại cỏ lâu năm bản địa có nhiều dinh dưỡng hơn, khiến cho các loại cỏ hàng năm có nhiều lợi thế để sinh sôi. Chỉ trong một vài thế hệ, các loại cỏ bản địa bị lấn át bởi các loại cỏ mới kia, khiến cho lớp đất mặt bị kiệt quệ và khô hơn.

Tôi đã luôn nghĩ rằng cỏ ở California chết đi là bởi vì mùa hè ở đây nóng và khô quá, nhưng tôi nhận ra rằng việc đưa các loại cỏ mọc lại hàng năm vào đã tạo ra cái ấn tượng đó. Chúng ngóc lên vào mùa thu cùng với cơn mưa đầu tiên, kết hạt và rồi chết đi vào đầu mùa hè. Những loài cỏ hàng năm này đã đánh bật các loài cỏ bản địa, là những loài vẫn xanh suốt hè. Việc chăn thả chắc có liên quan nhiều tới vấn đề này, nhưng trong khu vực này hiện không còn thú ăn cỏ nữa. Với suy nghĩ rằng những loài thực vật xanh lâu năm phải quay trở lại nếu chúng ta muốn loại bỏ cỏ dại hàng năm, tôi quyết định thực hiện một thử nghiệm.

Sau khi quăng hạt nhiều giống rau Nhật khác nhau vào giữa đám cỏ khô và dùng lưới liềm chế tại chỗ cắt chúng xuống, tôi dùng ống nhựa đưa nước từ con suối gần đỉnh một ngọn đồi và phun đầm khắp khu vực đó. Tôi nghĩ chờ vài ngày cho tới khi nước bốc hơi hết thì sẽ biết thế nào ngay. Cuối cùng, màu xanh đã bắt đầu nhô lên giữa đám cỏ nâu. Tất nhiên, đấy là màu xanh của bọn cỏ đuôi cáo. Như tôi đã dự kiến, sau một tuần khi nước đã biến mất, chỗ cỏ đã nảy mầm đó bắt đầu héo đi trong cái nóng, nhưng trong đám ấy những cây bí Nhật, dưa leo, cà chua, đậu bắp, củ cải và ngô bắt đầu phát triển tốt um. Phần trung tâm của cánh đồng biến thành một vườn rau. Bọn cỏ đuôi cáo cứng đầu

đã nảy mầm, rồi héo đi và trở thành lớp bồi, và từ chỗ của chúng, những cây rau lớn lên²⁶.

Chúng ta phải tái lập thảm thực vật cho California. Chúng ta phải đánh thức hạt cỏ dại đang nằm ngủ trong thời gian mùa hè bằng cách cấp nước cho chúng, rồi để cho chúng chết trước khi có thể kết thêm nhiều hạt khác. Cùng lúc đó, sẽ rất tốt nếu chính phủ bang cho rải hạt các giống cỏ mọc lâu năm được bọc trong các viên đất sét xuống từ trên không. Tuy nhiên, sau thử nghiệm này, tôi buộc phải đi tiếp cho đúng lịch trình, thế nên tôi đã chia tay ngọn núi và giao phó giấc mơ của mình cho những con người có tinh thần cứng cỏi nơi đây.

Cuối năm đó, tôi được đưa đi quanh châu Âu bởi một quý ông người Hy Lạp và một phụ nữ trẻ người Ý, người đã từng đến ở trong một cái chòi trên sườn đồi của tôi. Các nước châu Âu đa phần là rất cẩn trọng trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên và duy trì được một thảm thực vật xinh tươi. Mới nhìn thì toàn vùng trông như một công viên quốc gia, nhưng đấy chỉ là vẻ đẹp của một tấm bưu thiếp. Nếu nhìn kỹ, ta sẽ thấy rằng có rất ít các chủng loại cây. Lớp đất

26 Kỹ thuật tưới nước cho cỏ dại (loại mọc lại hàng năm) khiến cho chúng nảy mầm và rồi héo đi trước khi có thể kết hạt mới - được biết đến như là kỹ thuật cho nảy mầm sớm - đã được các nông dân theo phương thức hữu cơ sử dụng để kiểm soát cỏ dại nhiều năm rồi. Khi bọn cỏ dại này lớn lên, chúng che bóng và làm mát mặt đất đủ lâu giúp các loại rau củ có một khởi đầu tốt, và rồi chúng có tác dụng như lớp phủ bồi cho vườn rau, làm mát đất và giữ ẩm. Khi những cơn mưa mùa thu tới, sẽ có ít cỏ dại nhú lên hơn vì đã bị "lừa" nảy mầm quá sớm vào lúc trước rồi. Ông Fukuoka đang gợi ý rằng kỹ thuật này cũng có thể hữu ích trong việc cải tạo phục hồi đất trên diện rộng, để cây lớn, cây bụi và các loại cỏ lâu năm có thể trụ vững được.

trồng thì mỏng, cứng và không màu mỡ. Đối với tôi, có vẻ như đất ở châu Âu đã bị hư tổn bởi một nền nông nghiệp bao gồm những đồng cỏ dùng để sản xuất thịt cho hoàng gia được quản lý tồi, và những vườn nho để sản xuất rượu vang cho nhà thờ.

Nói chung thì, ta càng đi xa về phía Nam của đất nước Hà Lan, ngược dòng sông Rhine về phía nước Ý, thì càng thấy số lượng cây cối giảm đi và màu xanh lu mờ dần. Thêm vào đó, đa phần dãy Alps được tạo thành bởi đá vôi và có rất ít cây lớn. Càng đi về phía Nam, nhiệt độ của lớp đất mặt càng cao và khí hậu càng khô đi. Lớp đất trồng mỏng đi và kém màu mỡ hơn hẳn. Ấn tượng của tôi là ở châu Âu, đất bị khô và bạc màu ngay bên dưới lớp bề mặt.

Khi người ta bắt đầu cày xới đất, việc đó đã đánh dấu cho sự khởi đầu của nền văn minh hiện đại ở châu Âu. *Culture* (văn hóa), nghĩa gốc ban đầu là “xới đất lên bằng một lưỡi cày”. Khi máy kéo được đưa vào sử dụng, năng suất tăng lên, nhưng đất đánh mất đi sức sống của nó thậm chí còn nhanh chóng hơn. Trong suốt lịch sử loài người, các nền văn minh đã được lập nên ở những khu vực đất màu mỡ và giàu tài nguyên khác. Sau khi đất bị bạc màu, hậu quả của việc chặt quá nhiều cây, của chặn thả quá mức, của các phương thức tưới tiêu tai hại và nông nghiệp dựa trên cày xới đất, thì các nền văn minh từng được đeo cho cái mặt nạ của sự

thịnh vượng đó đã trở nên suy tàn và thường là biến mất hoàn toàn. Chuyện này vẫn xảy ra hết lần này tới lần khác.

Từ những quan sát của mình ở châu Âu và Hoa Kỳ, tôi có thể thấy những sai lầm của nông nghiệp hiện đại đang gây hại cho đất đai như thế nào. Điều đó củng cố thêm niềm tin của tôi, rằng các phương pháp làm nông tự nhiên là cách duy nhất có khả năng đảo ngược sự thoái hóa này. Để chứng minh điều này, tôi nhìn sang châu Phi.

Bi kịch của châu Phi

Tôi có nghe về một kế hoạch của nhóm người thuộc một tổ chức phi chính phủ tư nhân nhằm đẩy mạnh các phương pháp nông nghiệp hiện đại ở Somalia, nên tôi đã bay tới châu Phi tham gia cùng họ, hy vọng có cơ hội kiểm chứng phương pháp tái phủ cây cho sa mạc bằng cách làm nông tự nhiên của mình. Ngạc nhiên đầu tiên đến với tôi là khi bay trên đất Somalia và trông thấy con sông Juba rộng lớn. Nước sông chảy quanh năm, băng qua vùng bán sa mạc. Đầu nguồn con sông nằm ở những ngọn núi xa xôi tận Ethiopia.

Con sông nằm cận kề với Ấn Độ Dương, ở một số đoạn nó biến mất dưới cát. Vào một thời kỳ nào đó, hẳn phải có rất nhiều những con sông vô hình như thế ở châu Phi, bởi

lẽ, khi nhìn từ trên không, hầu như lúc nào tôi cũng có thể trông thấy một hoặc hai hồ nước nằm lọt thỏm giữa vùng bán sa mạc này, mà những người địa phương gọi là “mảnh đất của những cây gai”.

Lại nữa, khi đi theo đường bộ, tôi trông thấy những cây rất lớn không biết là cây gì. Người ta bảo với tôi rằng hàng trăm năm trước, những cây lớn này đã hình thành một khu rừng rậm rạp. Đương nhiên là tôi đã cố tìm hiểu xem tại sao khu rừng này lại biến mất.

Từ những giải thích mà một vị cao tuổi người Ethiopia và một số nông dân Somalia đưa ra cho tôi, thì nguyên nhân chính là các chính sách nông nghiệp thực dân, mang tới bởi những người phương Tây. Họ đã đưa vào trồng chỉ toàn những cây có giá trị thương mại như cà phê, chè, mía đường, bông, thuốc lá, lạc và ngô. Việc sản xuất những cây lương thực cho mục đích cá nhân bị cấm. Chuyện này được tiến hành dưới danh nghĩa làm giàu cho nền kinh tế quốc gia.

Khi đi xin thị thực từ chính phủ Somalia, tôi chẳng thể thốt nên lời khi họ thông báo với tôi rằng bất cứ chương trình truyền đạt kiến thức nào mà kích động nông dân và khuyến khích họ trở nên độc lập tự chủ sẽ không được chào đón. Nếu hành động như thế đi quá xa, họ nói, có thể sẽ bị khép vào tội phản quốc.

Ngày nay, sau hai trăm năm cai trị thực dân, những hạt giống cây trồng đảm bảo cho nhu cầu tự cung tự cấp gần như đã biến mất ở châu Phi. Khi không còn hạt giống và nông dân chỉ được trồng những cây thương mại, thì từ địa vị người nông dân họ bị hạ cấp chỉ còn là những nhân công giản đơn. Họ sẽ không có cơ hội nào tự đứng trên đôi chân của mình lần nữa, và bất cứ một khả năng nào mà nông nghiệp có thể làm lợi cho tự nhiên cũng sẽ bị loại bỏ. Vì đất đai không thể cấp dưỡng cho việc canh tác cà phê và mía đường liên tục không ngừng, chúng ta phải gieo trồng những hạt giống khác để khôi phục lại chu kỳ của tự nhiên, từ đó kéo theo sự lành mạnh của đất.

Nếu nguyên nhân hàng đầu gây ra sa mạc ở châu Phi là những sai trái trong làm nông, thì nguyên nhân thứ hai chính là những chính sách sai lầm liên quan tới dân du mục. Trong quá khứ, nhiều tộc người châu Phi sống theo kiểu du mục. Từ khoảng 2300 năm trước, họ sinh sống bằng cách lang thang tự do trên các triền đồi và bình nguyên cùng với lũ lạc đà và dê của họ. Tuy nhiên, dưới chế độ cai trị thực dân, cách sống này bị nghiêm cấm.

Ban đầu, có nhiều bộ lạc khác nhau, nhưng không hề có các quốc gia. Khi người phương Tây tới chinh phục và tùy tiện vạch ra những đường biên giới để tạo thành các nước khác nhau, họ cũng lập ra các công viên quốc gia rộng lớn,

dưới danh nghĩa bảo tồn môi trường và động vật tự nhiên. Người thường không được phép tự do đi vào các công viên này, hay chăn thả súc vật ở đó nữa.

Đây là đòn chí tử đối với dân du mục. Nhìn bề ngoài, kiểu chăn thả cũ có vẻ như là ngẫu nhiên tùy tiện, nhưng trong thực tế, chúng được giới hạn bởi những luật tục nghiêm khắc của bộ lạc. Với sự ra đời của các công viên quốc gia, hệ thống luật lệ bộ lạc này đã bị phá vỡ.

Thời trước, dân du mục, cùng với đám gia súc của mình sẽ sống tại một thung lũng trong một khoảng thời gian nhất định, giả dụ là ba tháng. Khi lượng cỏ nuôi sống bọn gia súc khan hiếm đi, cả bộ lạc sẽ chuyển tới một nơi ở mới. Họ sẽ rời đi trước khi thảm thực vật mất khả năng hồi phục lại. Sẽ không ai cho phép đám gia súc của mình gặm cỏ ở các khu vực đã bỏ đi này trong sáu tháng hay một năm. Khi cỏ đã hồi phục và um tùm trở lại, các thành viên của một bộ lạc khác sẽ chuyển tới và bắt đầu sinh sống ở đó. Kiểu vận hành này là thỏa thuận không cần nói ra nhưng được tuân theo một cách nghiêm ngặt.

Nhưng một khi các đường biên giới quốc gia được vạch ra và các công viên được thành lập, những tộc người du mục đã phải đi một quãng đường rất xa để vòng qua chúng. Và để khỏi bất tiện, họ bắt đầu ở lại một chỗ trong một khoảng thời gian dài. Khi chuyện này xảy ra, cỏ khô cũng trở nên

khan hiếm, tất cả cây cối dùng được làm củ đun đều bị chặt xuống, và nguồn nước trở nên khô cạn. Khi thực phẩm, quần áo mặc và chỗ trú thân bị hạn chế, các cuộc xung đột xảy ra, và người ta bắt đầu tranh đấu với nhau. Tình trạng này thường được những kẻ nắm quyền lợi dụng để duy trì sự kiểm soát về mặt chính trị.

Một giáo viên có liên quan tới phong trào chống phân biệt chủng tộc ở Nam Phi có lần đã tới căn chòi trên đồi của tôi ở Nhật Bản và yêu cầu được dạy cho các phương pháp làm nông tự nhiên. Tình cờ là khi ông ta đến, tôi đang dùng liềm thu hoạch lúa. Ông nói ông muốn học cách sử dụng liềm liềm. Từ những câu chuyện ông kể thì có vẻ như hầu hết những người ở Nam Phi không biết cách gieo hạt hay chăm sóc cây một khi chúng đã nảy mầm. Nhiều năm sau đó, ông chia sẻ với tôi rằng mình đã thành công trong việc dạy cho người dân biết rằng họ có thể giành độc lập bằng cách bắt đầu làm nông tự nhiên, nhiều hơn là những gì đạt được qua con đường tuyên truyền các thông điệp chính trị của phong trào đòi độc lập.

Hiện tại, có vẻ như người châu Phi đang phải chịu đựng sự đói nghèo cực độ, nhưng họ vốn là những người rất kiêu hãnh. Có lẽ là những người du mục, những kẻ ngao du tùy ý thích khắp các ngọn đồi và bình nguyên châu Phi ấy đã sống một cuộc sống giống như các nhà sư Thiền tông, lang thang

tự do như mây trời. Đúng vậy, khi nhìn thấy hình dáng tôn kính của một thanh niên Somalia đang cầu nguyện hướng về Mecca trong buổi hoàng hôn đỏ rực, tôi cảm thấy mình như đang nhìn thấy cả một châu Phi trường tồn.

Gieo những hạt giống trong một trại tị nạn ở châu Phi

Người ta bảo tôi rằng việc đem hạt giống trao cho những người du mục có thể bị coi là bất kính, bởi lẽ nông dân bị xem là một giai cấp thấp kém hơn dân du mục. Một người đàn ông trẻ tuổi người Nhật đi cùng với tôi nhắc rằng bọn họ có thể sẽ cảm thấy bị xúc phạm và thậm chí còn có khả năng tôi sẽ gặp nguy hiểm nữa, nhưng tôi tảng lờ lời anh nói. Tôi đã đi đến khu định cư của những người tị nạn Ethiopia và bắt đầu phân phát hạt giống.

Ban đầu, chỉ có những đứa trẻ là lại gần tôi, chắc bởi vì trông tôi lạ mắt. Khi tôi đưa cho chúng một vốc đầy hạt giống, chúng nắm chặt đến nỗi vết móng tay hằn cả lên trên lòng bàn tay. “Đây là cái gì? Có phải thức ăn không?” chúng hỏi. Khi tôi bảo chúng rằng đừng có ăn những hạt giống này mà hãy vùi xuống đất rồi tưới nước cho chúng trong ba ngày, chúng nhún vai và nói, “Bọn cháu không thể hiểu nổi

thứ tiếng Anh kỳ lạ của ông”. Tất nhiên là bọn chúng không hiểu được một từ tiếng Nhật nào rồi.

Sau bốn hay năm ngày gì đấy, có khoảng hai mươi tới ba mươi đứa trẻ tới và yêu cầu tôi đi theo. Tôi thấy rằng mỗi đứa đã tạo một khoảnh tròn trên cát, đường kính tầm một mét đến một mét rưỡi, trong đó những hạt dưa leo, bí, đậu, cà tím và củ cải đã nảy mầm. Ba trong số đám trẻ đó bắt đầu gõ nhịp lên một cái xô hổng và cất tiếng hát. Nhìn thấy vậy trái tim tôi thật ấm áp. Kể từ sau đó, ngay cả phụ nữ và những người già cũng tham gia vào việc gieo hạt.

Tốc độ lớn của cây ở đó thật đáng kinh ngạc. Tất cả, bao gồm các loại cây cho trái của Nhật, đều lên bời bời. Cụ thể là cam, nho và lựu mọc nhanh gấp hai hoặc ba lần so với tôi thường thấy. Một cây đu đủ sẽ mang khoảng mười trái trong vòng bốn đến sáu tháng, còn chuối thì sẽ cho trái trong vòng một năm. Sau một năm rưỡi là có chuối chín để ăn.

Nông nghiệp hiện đại trên sa mạc dựa trên ý tưởng rằng ta có thể trồng bất kể cây gì, chỉ cần ta có nước. Mỗi ngày, họ bơm nước lên từ những con sông, cho nó chạy vào các rãnh, rồi sau đó phun tưới cho các cánh đồng. Các nông trại lớn hiện đại được tài trợ bởi nguồn vốn viện trợ nước ngoài đều đi theo cách này. Như đã dự kiến, tất cả nông trại hiện đại tôi thấy đều thất bại. Chúng biến thành các cánh đồng muối và bị bỏ hoang.

Ngược lại, tôi đã khuyên người ta sử dụng trên sa mạc càng ít nước càng tốt. Tôi khuyến khích họ trồng keo kèm với các loại rau và ngũ cốc, chẳng hạn như cỏ lồng vục và kê. Tôi cũng gợi ý họ thêm vào một số loại cây có độc mà dê sẽ không xơi được, và trồng những giống cây hiệu quả trong việc đưa nước từ sâu bên dưới đất lên. Ở giữa những cây này, họ nên gieo hạt giống của ngũ cốc và rau.

Tôi cũng thử trồng tre, sậy và liễu, có tác dụng chống xói mòn trong cát ở dọc các bờ sông. Đặc biệt là tre, nó có vẻ như là một lựa chọn tốt. Trồng mía đường cũng sẽ có tác dụng tốt trong việc tạo bóng mát và kiềm chế xói mòn.

Dưới sông có rất nhiều cá. Mặc dù dân bộ lạc bị suy dinh dưỡng, nhưng họ lại không quen ăn cá, vì một niềm tin tôn giáo là nếu anh ăn cá hoặc ăn rắn, trong tương lai anh sẽ biến thành cá hay rắn. Nhưng đến cuối cùng thì cánh trẻ cũng đã vui vẻ ăn con cá khô nhỏ mà tôi mang theo từ Nhật, và bọn họ tấm tắc bảo nó rất ngon.

Tôi đã trò chuyện rất lâu cùng với một người già trong bộ lạc về tình trạng cộng đồng của ông ấy. “Mưa đã thôi rơi ở châu Phi, và vì thế chúng tôi chẳng thể làm được cái gì hết. Có vẻ như đất đai đã chết”, ông xót xa.

Tôi trả lời, “Bị ô nhiễm bởi phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ nên đất đai có vẻ như đã chết, nhưng đất

châu Phi chỉ là đang nghỉ ngơi thôi. Lớp đất đỏ ấy đang chợp mắt. Nếu con người chịu làm việc để đánh thức lớp đất đang ngủ này, khi đó ta sẽ có thể trồng được bất cứ thứ gì”.

“Chúng ta phải làm sao để đánh thức nó dậy? Hãy nói cho tôi biết một cách khoa học vào”, ông đáp lời.

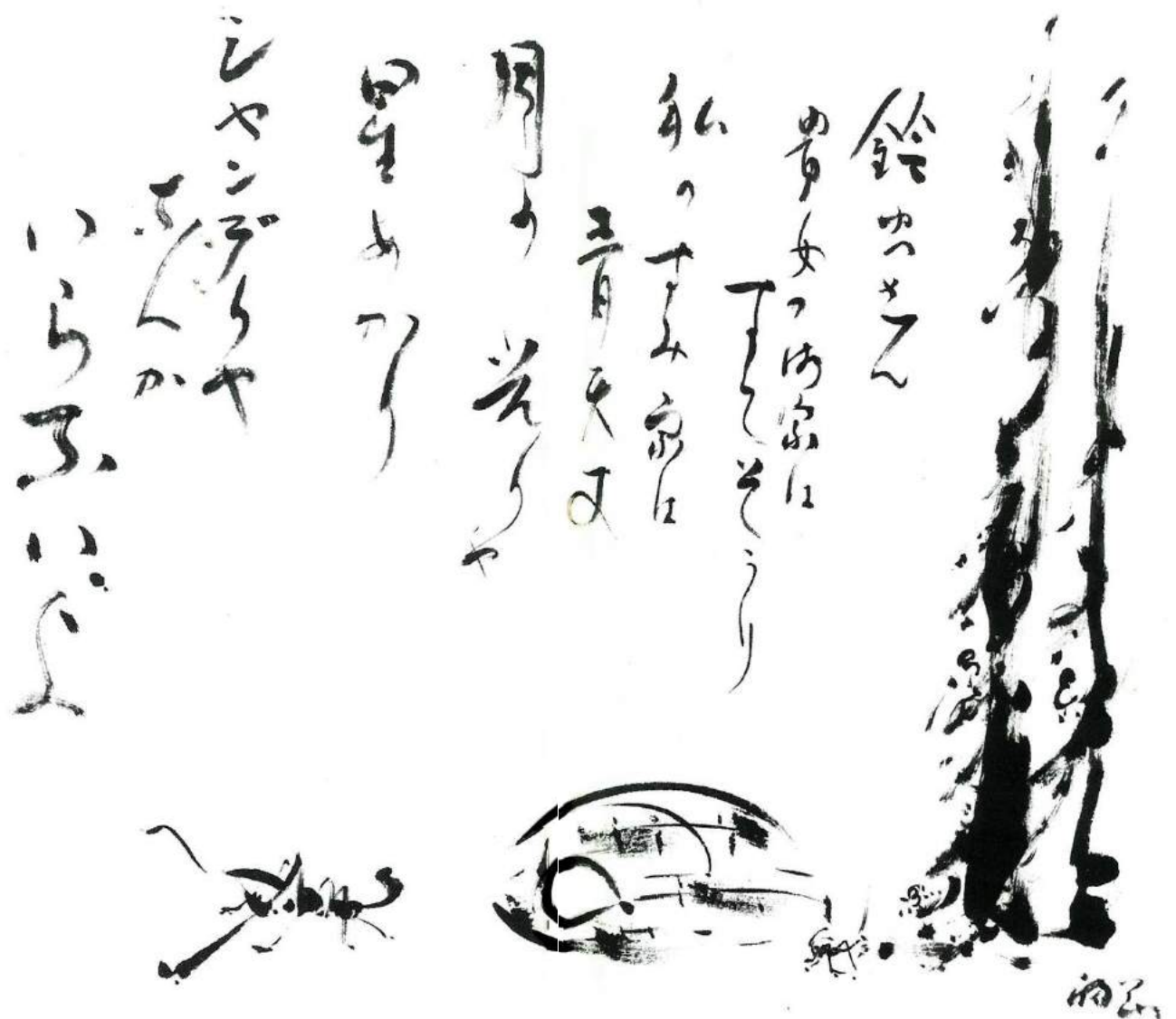
“Vấn đề không phải là đất trồng thiếu hụt các dưỡng chất như ni-tơ, phốt-pho và ka-li. Vấn đề nằm ở chỗ những dưỡng chất này đã bị hút vào lớp đất sét và không tan trong nước, nên rễ cây không thể hấp thụ được chúng. Cái mà ta cần là đôi kéo để cắt những dưỡng chất này ra khỏi lớp đất sét”.

Ông cười lớn và nói, “Loài duy nhất sẵn có đôi kéo ấy là cua”.

Tôi trả lời, “Các vi sinh vật ở trong đất sẽ làm việc đó cho ta, mà không cần ta phải làm việc gì nặng nhọc cả. Thậm chí ta còn chẳng cần biết chút gì về các vi sinh vật hết. Khi gieo hạt giống lương thực và cây cối, ta chỉ cần đảm bảo trộn lẫn vào đó các hạt giống cây họ đậu, chẳng hạn như cỏ ba lá Ai Cập (*Trifolium alexandrinum*) và cỏ linh lăng. Càng có thêm cộng sự thì càng tốt mà. Khi sự sống trong đất đã trở lại, các dưỡng chất một lần nữa sẽ trở nên sẵn sàng cho

cây trồng hấp thụ”. Khi tôi giải thích theo cách này, ông có vẻ như hiểu ra.

Ở trong sa mạc, nhiệt độ cao từ bức xạ nhiệt là vấn đề đáng bận tâm hơn là chuyện thiếu nước. Nhưng cả điều này nữa sẽ thay đổi nếu bề mặt của đất trồng được bao phủ bởi thảm thực vật. Với một lớp phủ đất lạnh mạnh, nhiệt độ của đất sẽ dịu đi rất nhiều.



CHƯƠNG NĂM

Tái Phủ Cây Cho Trái Đất Thông Qua Những Phương Pháp Tự Nhiên



KHI VỊ GIÁM ĐỐC của Ủy ban phòng chống sa mạc hóa tại Liên hiệp quốc nói với tôi rằng ông nghĩ phương pháp làm nông tự nhiên của tôi có thể sẽ đặc dụng trong việc ngăn chặn sự bành trướng của sa mạc, tôi đã thấy ngạc nhiên. Dầu vậy, nhìn lại, tôi nhận ra rằng các kỹ thuật mà tôi đã phát triển qua nhiều năm ở Nhật Bản, trong thực tế, *có thể* đem ra sử dụng một cách hiệu quả để chống lại sa mạc hóa.

Kể từ thời Đồ Đá, người ta vẫn từng sống ở chỗ mà hiện tại là nông trại tự nhiên của tôi. Thời xa xưa, khu vực ấy đã

được bao phủ bởi một cánh rừng già của ít nhất tám loài thủy sam thuộc họ những cây thông lớn cổ xưa (*Metasequoia*). Người ta nói rằng nơi này khoảng chừng một nghìn năm trước đã từng là trung tâm văn hóa địa phương. Khu vực này có thể đem so với Con đường tơ lụa khi xét tới cái cách nền văn hóa nở rộ, cho đến khi đất đai rớt cuộc cũng trở nên kiệt quệ, kéo nền văn hóa đầy sức sống đó lụi tàn theo. Đất đai ở nơi đã từng có thời là đất rừng màu mỡ này đến cuối cùng cũng bị xói mòn đến tận lớp đất sét bên dưới.

Nhiều năm trước, ở chỗ hiện tại là nông trại tự nhiên của tôi, người ta đã thử trồng quýt nhưng chúng phát triển không tốt, thế nên phần lớn họ bỏ đất hoang. Đây là mảnh đất mà tôi đã bắt đầu khởi sự. Kể từ đó tới giờ, tôi đã biến đất ở khu vườn cây trái của gia đình thành đất màu mỡ y như đất rừng thời trước đây.

Khi tôi quay về nông trại của cha tôi sau chiến tranh, những cái cây trong vườn cam quýt đang sống một cách chật vật. Chẳng có mấy loại thực vật phủ trên bề mặt, còn đất thì đã trở nên cứng đơ. Lúc đầu, tôi nghĩ đất sẽ được cải thiện nhanh chóng nếu đem dương xỉ và thân cây mục tìm thấy ở trong rừng về chôn xuống, nhưng thử nghiệm đó là một thất bại, chủ yếu bởi vì phải tốn quá nhiều công chôn đủ lượng vật liệu thì mới tạo nên khác biệt đáng kể. Kỹ thuật làm

nông hữu cơ đó xét cho cùng có thể giúp cải thiện đất trồng, nhưng nó đòi hỏi nhiều công lao động mà kết quả lại rất ít ỏi. Giống như nhiều kỹ thuật làm nông khác, đây là kỹ thuật mà xét về tổng thể là lỗ.

Khởi đầu của phương pháp làm nông “không-làm-gì-cả” đến với tôi khi tôi quyết định chỉ đơn giản trồng ngẫu nhiên, pha trộn cả cây ăn trái, rau, ngũ cốc và cỏ ba lá giữa những cây keo mọc trên sườn đồi, rồi quan sát xem cây nào phát triển mạnh, xem chúng xoay xở sống với nhau ra sao. Tôi không phát quang đất cũng không cày xới, và tôi cũng không sử dụng phân bón, thuốc diệt cỏ hay thuốc trừ sâu. Bây giờ, sau khoảng bốn mươi lăm năm, nó đã biến thành một rừng cây ăn trái. Tôi tin rằng các kỹ thuật mà tôi đã hoàn thiện sau từng ấy năm cũng có thể đem áp dụng để lấy lại màu xanh cho các sa mạc²⁷.

Và thế là, tuy sau này trong đời tôi đi theo giấc mơ tái lập thảm thực vật cho sa mạc, nhưng không giống như một nhà khoa học điển hình, tôi không cố thu thập số liệu hay thiết lập ra các phương pháp phòng chống sa mạc hóa một cách có hệ thống. Thay vào đó, các biện pháp phòng tránh sa mạc của tôi hoàn toàn theo trực giác và dựa trên sự quan sát. Tôi đi đến các biện pháp ấy bằng cách sử dụng một phương

27 Ông Fukuoka không nói rằng nông trại của ông là một sa mạc khi ông bắt đầu làm nông ở đấy, nhưng lớp đất mặt đã bị kiệt quệ và cần phải tạo lại sinh khí cho nó. Bản thân phần lớn sự phát triển của nông trại tự nhiên của ông là một dự án tái lập môi trường sống.

pháp suy diễn. Nói cách khác, tôi đã bắt đầu với nhận thức rằng sa mạc hóa diễn ra ở hầu hết các khu vực là do hiểu biết sai lầm và hành động lạc lối của con người. Lúc đó tôi đã tin rằng, nếu chúng ta loại trừ được những nguyên nhân này, tự nhiên nhất định sẽ tự chữa lành.

Nhưng thật không may, ở một số nơi, sự tàn phá tệt hại đến nỗi tự nhiên sẽ khó mà tự hồi phục được, nó thiếu ngay cả những hạt giống, là thứ sẽ hình thành nên nền tảng cho sự phục hồi. Công việc duy nhất mà con người phải làm ở những nơi như thế là đi thu thập hạt giống và những loài vi sinh vật mà tự nhiên cần, rồi gieo chúng xuống đó.

Một ví dụ tuyệt vời là nông trại tự nhiên của cô Aveliw, một phụ nữ đang làm việc cho tổ chức Magsaysay Foundation ở Philippines. Cô đọc cuốn *Cuộc cách mạng một-cộng-rơm*, tiến hành nghiên cứu thực tế và quan sát trên mảnh đất của mình trong gần mười năm, rồi thiết lập nông trại tự nhiên của mình trong bốn năm, chủ yếu là bằng việc vãi hạt giống và trồng cây. Cô đã tạo nên một thiên đường thực sự. Có đủ các loại cây ăn trái như chuối, đu đủ, ổi, sầu riêng, và vài cây cà phê. Bên dưới chúng là một lớp phủ đất rậm rạp gồm những cây lâu năm và cây phân xanh. Phong lan nở hoa rực rỡ khắp nơi, chim bay rào rào, còn cá bơi lội tung tăng dưới ao.

Đất trồng ở các hòn đảo Philippines thật ra là đất nghèo, và do nạn phá rừng bừa bãi, chẳng còn thấy những cánh rừng mưa nhiệt đới ở bất cứ đâu. Làm thế nào mà cô ấy lại có thể trồng một khu rừng rậm rạp phong phú đủ loại cây ăn trái như thế này trong chỉ có ít năm? Yếu tố bí mật chính là sự hòa hợp hiện hữu giữa cô Aveliw và tự nhiên.

Nếu chúng ta liệt kê những thứ cần thiết cho cây trồng sinh trưởng thì ánh nắng mặt trời, dưỡng chất, nước và không khí là đủ để tạo ra một thiên đường. Mọi yếu tố đó đều được bản thân tự nhiên tạo ra cả. Ngay cả khi không có trong tay các nhạc cụ nhưng tự nhiên vẫn có khả năng trình diễn một bản nhạc giao hưởng hùng tráng.

Nếu ta tin vào sự thấu suốt mang tính trực giác, con đường sẽ tự mở ra theo cách riêng của nó. Nếu như ta tin rằng Philippines lúc ban đầu đã là một nơi thiên đường, rồi gieo hạt xuống nơi đó, tự nhiên sẽ tạo nên một khu rừng của sự phong phú, đa dạng và của vẻ đẹp. Tôi thấy cảm động sâu sắc bởi tấm gương của cô Aveliw.

“Sản xuất” nông nghiệp thực chất ra là tiêu xuất

Cũng giống như thảm thực vật trên những bình nguyên ở châu Âu và châu Mỹ càng ngày càng hiếm hoi do hậu quả của việc phá rừng, tình trạng thoái hóa ở các cao nguyên

miền núi và các vùng đồng bằng đã trở nên đáng báo động ở Philippines, Thái Lan và Ấn Độ. Các nước châu Á, nơi mà việc đồn quang đang được tiến hành, tình trạng thậm chí còn tệ hại hơn. Ở những nơi này, màu xanh đậm của những cánh rừng rậm rạp chẳng còn thấy đâu nữa. Núi thì trọc lóc, chỉ còn lơ thơ vài cây nhỏ. Cây cối ở những vùng đất trũng và gần sông đều đã bị đồn hạ, dọn chỗ lấy đất cho nông nghiệp.

Người ta thường không để ý, nhưng việc phá rừng đang dần dần tác động lên nền nông nghiệp sản xuất lúa gạo. Tuy rằng đất vẫn còn màu mỡ ở một số vùng trồng lúa ở Philippines, Thái Lan và Ấn Độ, tôi vẫn đang lo không biết sức sản xuất ở những khu vực này còn có thể kéo dài được bao lâu. Mỗi bận tâm trực tiếp của tôi lúc này là những thay đổi bất ngờ đang diễn ra ở hệ thống cây trồng và vi sinh vật trong đất, do việc sử dụng hóa chất của con người.

Cũng có trường hợp, giống cỏ cải tiến dùng cho chăn nuôi gia súc đã biến thành những thứ cỏ dại rất khó kiểm soát. Việc cơ giới hóa và sử dụng quá nhiều các hóa chất nông nghiệp đã hủy hoại không chỉ đất đai mà còn cả các cộng đồng làm nông khắp thế giới.

Thêm vào đó, trong khi nông nghiệp hiện đại có vẻ như gia tăng sản lượng, nhưng hiệu quả thật trong thực tế lại đang đi xuống. Nếu so sánh năng lượng bỏ ra để sản xuất

một vụ lúa gạo và lúa mạch - với năng lượng thu lại ở trong bản thân sản lượng thu hoạch được đó, chúng ta sẽ thấy một xu hướng đáng giật mình. Năm mươi năm trước ở Hoa Kỳ, mỗi ca-lo năng lượng đầu tư để trồng lúa cho kết quả thu được khoảng hai ca-lo dưới dạng hạt gạo. Khoảng 30 đến 40 năm trước, hai con số này trở thành cân bằng, và giờ, đầu tư hai ca-lo năng lượng mới sản xuất ra được một ca-lo hạt. Nguyên nhân phần lớn là do việc chuyển từ sử dụng lao động tay chân, sức động vật và cây che phủ sang sử dụng máy móc và hóa chất, là những thứ đòi hỏi phải có các nhà máy để chế ra các loại máy kéo, máy cày và hóa chất, phải khai mỏ, khoan địa chất để có được nguyên liệu thô và nhiên liệu hóa thạch mà dùng.

Đất trồng ở Nhật Bản khá là màu mỡ, và trong một thời gian dài nền nông nghiệp truyền thống của Nhật vẫn duy trì được sản lượng thu hoạch trên hai ca-lo gạo cho mỗi ca-lo năng lượng đầu tư. Tuy nhiên, khi cơ giới hóa được đưa vào, việc tăng sản lượng thu hoạch đã trở thành mục tiêu lấn át, còn hiệu quả lại tụt xuống đột ngột. Đến giờ, cũng giống như ở nước Mỹ, năng lượng sản xuất ra chỉ còn bằng một nửa so với đầu vào. Nói cách khác, chúng ta đang *tiêu xuất* chứ không phải là sản xuất nữa.

Vậy là, xét về mặt sản xuất năng lượng, cách làm nông hiện đại dựa trên xăng dầu chẳng sản xuất ra được cái gì cả.

Thực tế, nó đang “sản xuất” thua lỗ. Càng sản xuất thì tài nguyên của trái đất càng bị ăn vẹt vào. Thêm vào đó, nó còn gây ô nhiễm và phá hoại đất trồng. Sự tăng trưởng nhìn thấy trong sản xuất thực phẩm được trợ lực từ sự cạn kiệt nhanh chóng các vật chất hữu cơ trong đất trồng. Đơn giản là chúng ta đang phung phí món quà tặng năng lượng mặt trời được lưu trữ trong đất.

Chúng ta là con bạch tuộc đang tự chúc mừng vì béo mập lên, nhờ ăn chính những cái xúc tu của mình. Các phương pháp làm nông công nghệ cao cho người ta cái ảo tưởng rằng thậm chí nếu đất mất đi sự phì nhiêu của nó, ngay cả khi đất không còn màu mỡ nữa, chắc chắn vẫn có thể sản xuất ra được thực phẩm. Nhưng nếu xăng dầu chỉ cần khan hiếm đi một chút thôi, sản xuất lương thực sẽ tụt xuống đột ngột và ngay lập tức. Khi chúng ta đã chạm tới điểm mà để thu được một đơn vị năng lượng trong thực phẩm đòi hỏi tới ba hay bốn đơn vị năng lượng đầu vào thì loài người làm sao có khả năng duy trì nguồn cung lương thực của nó đây?

Chưa có công nghệ tăng sản xuất lương thực nào mà lại dùng tới nhiều năng lượng như công nghệ cao. Bởi vì thế, bất cứ ai kiểm soát xăng dầu thì có thể kiểm soát nguồn cung lương thực của toàn thế giới. Tôi thấy tình trạng này thực sự đáng quan ngại.

Trại chăn nuôi thương mại sẽ tàn phá đất đai, tôm cá nuôi lồng thì phá biển

Ngành chăn nuôi gia súc và nuôi trồng thủy sản hiện đại cũng đặt ra những vấn đề cơ bản. Sự ra đời của chúng xuất phát từ suy nghĩ hời hợt, rằng bằng cách chăn nuôi thêm nhiều gia súc và thả nuôi thêm nhiều cá tôm, chế độ ăn của chúng ta sẽ được phong phú hơn. Nhưng khi sử dụng kỹ thuật sản xuất đại trà, các ngành công nghiệp sản xuất thịt và cá đã làm ô nhiễm đất và biển một cách nặng nề.

Khi chúng ta nhìn vào lượng ca-lo cần cứ theo sản xuất và tiêu thụ, nếu người ta muốn ăn trứng và sữa thì họ phải chắt vạt gấp đôi so với khi họ ăn ngũ cốc và rau; để ăn thứ thịt được nuôi ở trong các trại chăn nuôi thương mại, họ phải bỏ ra công sức gấp bảy lần. Đây là bởi vì các phương pháp chăn nuôi gia súc hiện thời là một sự phí phạm năng lượng. Cũng giống như với cây lương thực được sản xuất công nghiệp, chúng ta không nên coi ngành công nghiệp thịt là một hoạt động sản xuất²⁸.

Gia súc của chúng tôi ở Nhật được cho ăn bằng ngô trồng tại nước Mỹ, được chuyên chở hoàn toàn tới đây bằng tàu biển. Bò được nuôi trong những ngăn chuồng nhỏ và trông chờ hết mọi sự vào nông dân - là những người cho chúng ăn. Chúng không bao giờ được thả ra cho gặm cỏ trên đồng.

28 Trong thực tế, nó vẫn là một hoạt động tiêu xuất (ND).

Những trại chăn nuôi kiểu giam hãm ở nước Mỹ cũng vậy - cả hai nơi đều dựa trên sản xuất ngô đại trà, đấy mới chỉ nói đến một vấn đề. Vấn đề khác là sự phí phạm thật đáng tiếc lượng phân chuồng hữu ích, nhẽ ra có thể đem rải đều khắp đồng cỏ để cải thiện tình trạng của đất.

Điều đó cũng đúng đối với ngành công nghiệp nuôi trồng thủy sản hiện đại. Các phương thức này đang huỷ hoại rừng ngập mặn dọc miền duyên hải ở châu Á, và phá hoại những vùng biển mà từng có lúc là khu vực đánh bắt cá dồi dào. Các “nhà sản xuất” này thông thường sử dụng khoảng 10 kilôgram cá nhỏ làm thức ăn để nuôi ra được 1 kilôgram hải sản thượng hạng. Rồi sau đó họ tự chúc mừng mình vì cách vận hành của họ mới hiệu quả làm sao.

Để bảo vệ được nghề cá tự nhiên, chúng ta phải quay trở về với việc đánh bắt cá bằng tay. Nguồn cá tôm sẽ không dồi dào hơn nếu chúng ta cứ tiếp tục phát triển và đem vào áp dụng những công nghệ mới để nuôi tôm, cá tráp và lươn. Đến cuối cùng thì những phương pháp như thế sẽ dẫn đến sự sụp đổ của ngành công nghiệp nuôi trồng thủy sản hiện đại và của biển cả nữa.

Với tôi, hình ảnh lý tưởng của một trang trại chăn nuôi sẽ gồm có cỏ ba lá cùng những cây rau hoa nở bung giữa một khu vườn cây trĩu quả và hạt. Ong bay giữa đám lúa mạch và mù tạt hoang đã được gieo đây đó, và sau này sẽ tự kết

hạt và nảy các lúa mới. Gà và thỏ sẽ lục lọi tìm tòi ăn bất cứ thứ gì chúng có thể tìm thấy. Vịt và ngỗng sẽ tung tăng trong ao, với cá bơi bên dưới. Ở dưới chân đồi và trong thung lũng, lợn nhà và lợn rừng sẽ tự vỗ béo bằng giun và tôm nhỏ, trong khi những chú dê thỉnh thoảng sẽ ló đầu ra giữa đám cây rừng.

Những cảnh như thế này vẫn có thể tìm thấy tại những ngôi làng nghèo nàn ở vài nước còn chưa bị nuốt chửng bởi nền văn minh hiện đại. Câu hỏi thực sự được đặt ra là liệu chúng ta nhìn nhận cách sống này là sơ khai và không kinh tế, hay như là một cộng đồng có tính hữu cơ rất cao, trong đó con người, thú vật và tự nhiên là một. Một môi trường sống dễ chịu cho động vật thì cũng là một chốn Utopia dành cho loài người.

Gieo những hạt mầm trên sa mạc

Không cần đặt nặng cây bản địa hay không, tôi sẽ trộn lẫn hạt giống của tất cả các loài cây gồm cây rừng, cây ăn quả, cây lâu năm, rau, cỏ và cây họ đậu, cũng như dương xỉ, rêu và địa y, rồi đem gieo tất tần tật chúng cùng một lúc lên khắp sa mạc. Thậm chí, tôi sẽ trộn vào cả nấm mục, vi khuẩn và các vi sinh vật trong đất khác nữa. Nếu có thể, tôi sẽ rải cả thứ đất đen của rừng lên. Đất màu là một báu vật

có giá trị chứa đầy các vi sinh vật và bào tử của chúng. Ở những vùng sa mạc có điều kiện cực đoan, cách này sẽ là cách kinh tế nhất để đưa chúng hiện diện trở lại. Sẽ càng tốt khi gộp cả những cây bản địa vốn đã mọc từ trước khi quá trình sa mạc hóa diễn ra ở California và Ấn Độ, những loại cây chịu nóng ở châu Phi và Thái Lan, cùng với những cây chịu mặn ở Somalia²⁹.

Tôi sẽ bọc những hạt giống cây và vi sinh vật này ở trong những viên đất sét³⁰ và gieo chúng trên quy mô lớn. Những viên đất sét này bảo vệ các hạt giống khỏi bị động vật và côn trùng phá hoại, giữ được lượng nước cần thiết cho việc nảy mầm. Chúng cũng có tác dụng như các quả cầu sinh tồn, cung cấp dưỡng chất cho cây sau giai đoạn nảy mầm. Để làm cho các viên đất này được chắc, tôi sử dụng vôi, nước đăng, hồ bột rong biển và các thành phần tạo kết dính khác. Để chống côn trùng, tôi trộn vào viên đất các loại thảo dược như dây mật (*Derris elliptica*), hồi (*Illicium anisatum*), thạch nam Nhật (*Pieris spp.*), cây sơn (*Rhus verniciflua*), và xoan Nhật (*Melia azedarach*).

Sau đó tôi sẽ vãi tứ tung các hạt giống được bọc trong các viên đất sét rồi chờ mưa xuống. Nếu có gió mạnh hay mưa

29 Phương pháp mà ông Fukuoka mô tả ở trong phần này được dùng cho việc hồi phục các khu vực cảnh quan đã bị xâm hại, đặc biệt là các sa mạc. Ông không khuyến nghị sử dụng kỹ thuật này ở những khu vực còn ban sơ như dãy núi Siskiyou ở miền Nam Oregon và miền Bắc California, hoặc khu vực dãy Olympic ở vùng Tây Bắc Washington, nơi lớp đất mặt và những cộng đồng động thực vật phần lớn vẫn còn nguyên.

30 Toàn bộ phương pháp chế ra các viên đất bọc hạt giống được nêu trong phần phụ lục.

đông, các hạt giống sẽ nảy mầm và lớn lên rất nhanh. Nếu mà cả một vùng rộng lớn biến thành màu xanh tươi của lá cây, thậm chí chỉ là tạm thời thôi, thì nó sẽ bảo vệ đất khỏi bức xạ nhiệt và nhiệt độ của đất sẽ hạ xuống. Làm mát đất là một bước quan trọng để đi đến thành công.

Tôi sẽ thực hiện việc này, phó mặc một thực tế là nếu có đợt khô hạn theo sau đợt mưa thì phần lớn những cây đó sẽ chết. Nhưng ngay cả khi hầu hết cây đã chết, *một số* cây, đặc biệt là những loại có thể chịu được nóng và phát triển tốt với chỉ một chút nước, sẽ sống sót. Dưới bóng râm của những cây còn sống này, cỏ, cây bụi và các cây khác sẽ dần mọc lên. Một thời gian sau, ngay cả khi chúng ta không đảm bảo gì tới nơi đó, màu xanh sẽ nối tiếp màu xanh, côn trùng sẽ tới, chim chóc sẽ tới, những động vật nhỏ cũng sẽ tới, và tất cả chúng sẽ giúp lan tỏa hạt giống. Nếu có một cây lớn mọc được, nó sẽ hoạt động như một cái bơm, kéo nước ngầm ở sâu dưới lòng đất lên. Lớp sương bốc hơi từ những cái lá của nó sẽ có tác dụng như một bình tưới, vừa như một chiếc quạt. Khi các thể loại cây cả to lẫn nhỏ mọc lên, chúng sẽ lớn nhanh ngoài sức tưởng tượng của chúng ta.

Tôi đã nói rằng sẽ rất tốt khi sử dụng hạt giống và bào tử lấy từ khắp nơi trên thế giới. Có nhiều lý do tại sao lại thế. Thế giới này đã trở nên nhỏ lại. Người ta đi lại tự do khắp

nơi, mang theo mình những hạt giống cây và các loại vi sinh vật. Có một thực tế là các loại động thực vật của thế giới này đã hòa trộn với nhau một cách toàn diện, và điều này sẽ còn tiếp tục diễn ra. Các hệ thống cách ly kiểm dịch cây cối đã nhanh chóng trở nên lỗi thời. Theo tôi thì có vẻ như đã đến lúc loại bỏ hoàn toàn những quy định về cách ly kiểm dịch này được rồi.

Đơn giản là chúng ta không thể đưa mọi sự trở về như trước kia được nữa. Quá nhiều chuyện đã xảy ra. Chỉ so với một trăm năm trước thôi thì các điều kiện ngày nay cũng đã khác xa rồi. Đất trồng đã xói mòn và khô cằn hơn bởi nền nông nghiệp, sự chăn thả quá mức, và việc đốn hạ quá nhiều cây. Do việc cày xới và sử dụng các hóa chất nông nghiệp, các cộng đồng thực vật và sự cân bằng của các loại vi sinh vật trong đất đã bị biến đổi không còn có thể nhận ra được nữa. Động vật và thực vật đang tuyệt chủng dần vì mất đi môi trường sinh sống của chúng. Biển cả đang bị axit hóa, và khí hậu cũng đang biến đổi. Ngay cả khi chúng ta chấp nhận vất vả để đem những loài cây bản địa trở lại một nơi chốn nhất định, chẳng có gì đảm bảo là chúng phát triển tốt ở nơi đó nữa.

Ý tưởng của tôi thì hoàn toàn khác. Tôi nghĩ chúng ta nên trộn tất cả các giống loài lại với nhau và đem rải chúng khắp nơi trên thế giới, không cần bận tâm tới sự phân bố không

đồng đều của chúng làm gì. Như vậy chúng ta sẽ cung cấp cho tự nhiên nguyên một bộ gien để nó thiết lập một sự cân bằng mới với những điều kiện hiện tại. Tôi gọi việc này là Sáng thế lần thứ hai.

Tạo nên những vành đai xanh

Các biện pháp tái phủ cây cho sa mạc của tôi về căn bản giống như những biện pháp tôi đã dùng để tạo lập nông trại tự nhiên của mình. Khái niệm nền móng cho một nông trại tự nhiên, như tôi đã mô tả, bắt đầu bằng việc dùng trực giác nắm bắt hình dáng nguyên thủy của tự nhiên, nơi mà nhiều chủng loại động thực vật sống hài hòa với nhau một cách vui vẻ và cùng có lợi, tạo thành một thể thống nhất.

Như đã giải thích từ trước, trong sa mạc có nhiều nơi có sông và có nước chảy ngầm bên dưới. Một phương pháp được dùng để bắt đầu dự án nông nghiệp tự nhiên trong sa mạc là tái phủ cây cho các bờ sông, và rồi từ đó dần dần mở rộng ra để tạo màu xanh cho các vùng phía trong. Nếu chúng ta kiến tạo dải cây và các loại thực vật khác dọc theo các con sông, phạm vi bao phủ của chúng sẽ mở rộng ra một cách tự nhiên. Tuy nhiên, nếu có thể, chúng ta nên rải đồng loạt đủ loại hạt giống lên khắp khu vực đó, và tái lập thảm thực vật cho toàn sa mạc cùng một lúc.

Cơ sở lý thuyết cho việc tái phủ cây bắt đầu từ các bờ sông tuân theo “phương pháp thủy lợi dựa vào cây trồng”. Nó không phụ thuộc vào việc cho nước sông chảy qua những đường dẫn được bê tông hóa mà để cho nước đi theo các vành đai xanh của cây cối. Nó đạt tới nông nghiệp không tưới bằng cách tăng khả năng trữ nước trong đất và trong bản thân cây trồng.

Một cách tự nhiên, nước dịch chuyển tới những vùng trũng hơn sẽ được chuyên chở bởi rễ cây lan dần về những khu vực đất khô. Ở rìa sông, sậy và cỏ đuôi mèo sẽ mọc um tùm, trong khi các loài trúc *Arundo Tây Ban Nha* (*Arundo donax*) sẽ mọc thành từng bụi, bảo vệ các bờ sông. Liễu tơ, liễu tím và cây tổng quán sủi³¹ sẽ chắn gió, làm mát tầng cây bên dưới và hút nước lên.

Nếu chúng ta trồng đủ loại cây, bắt đầu từ khu vực xung quanh con sông, nước ngầm sẽ thẩm thấu theo bộ rễ của cây cối, và dần dần một vùng rừng phòng hộ sẽ được phát triển. Đây là cái mà tôi gọi là thủy lợi dựa vào cây trồng.

Lấy ví dụ, nếu ta trồng những cây keo cách nhau chừng hai mươi mét, thì trong năm hoặc sáu năm những cây này sẽ đạt tới chiều cao khoảng mười mét và bộ rễ của chúng cũng sẽ lan ra ít nhất là mười mét theo mọi hướng, mang theo nước cùng với chúng. Khi độ màu mỡ của đất tăng lên và

31 Còn gọi là cây trần, thuộc họ Táo ta (ND).

mùn đã được tích tụ, khả năng trữ nước của đất cũng sẽ tăng lên. Mặc dù sự chuyển dịch của nước ngầm là chậm chạp, nhưng dần dần nó sẽ dịch chuyển từ cây này sang cây khác, và chúng sẽ đóng vai trò hệ thống tiếp dẫn nước.

Nếu áp dụng phương pháp này để tái phủ cây cho sa mạc, chúng ta nên bắt đầu bằng việc trồng rừng dọc theo các con sông trong sa mạc. Rồi, theo hướng vuông góc với con sông, chúng ta sẽ tạo nên các vành đai rừng tự nhiên thay vì dùng các con kênh thủy lợi, và dùng các vành đai này để thực hiện vai trò của các đường dẫn nước. Ở trung tâm của các vành đai xanh này chúng ta sẽ trồng những cây ăn quả và rau củ, tạo nên các nông trại tự nhiên. Theo cách này, chúng ta vừa làm ra được thực phẩm vừa tái thiết môi trường sống cho hệ sinh thái sa mạc.

Có thể các bạn sẽ nghĩ tôi thật khinh suất khi tuyên bố rằng chúng ta có thể tái lập thảm thực vật cho sa mạc. Mặc dù tôi đã khẳng định thuyết này trong tâm trí mình và trong thực tế ở vườn cây ăn trái cũng như các cánh đồng trồng lúa của mình tại Nhật Bản, nhưng tôi có quá ít cơ hội để chứng minh nó ở một phạm vi rộng lớn hơn. Tuy nhiên, gần đây, chính phủ Ấn Độ đã yêu cầu tôi giúp đỡ về mặt kỹ thuật trong một chương trình gieo hạt từ trên không. Lúc trước, tôi có nói với họ rằng nhìn chung thì tự nhiên lo cho tự nhiên sẽ là tốt nhất và chúng ta nên để cho tự nhiên tự hồi

phục. Tuy nhiên, trong trường hợp đất đai đã bị tàn phá quá mức tệt hại thì chúng ta phải cung cấp cho tự nhiên những vật liệu nó cần để trở lại lành mạnh. Thế nên tôi đã đồng ý giúp.

Ở Ấn Độ, có trên năm trăm chủng loại cây hạt cứng ăn được và hơn năm trăm loại cây ăn trái khác nhau. Ngoài những loại cây này, chúng ta nên gieo thêm hạt giống của năm trăm loại ngũ cốc, rau và cây phân xanh, lý tưởng nhất là gieo trên cao nguyên Deccan và trên sa mạc. Bất kể tình trạng có tệt tới đâu, một số chủng loại cây sẽ phù hợp với nơi đó và sẽ nảy mầm, dù cho một số khác sẽ chết. Những cây “tiên phong” này sẽ giúp tạo lập những điều kiện cho phép các loài cây khác mọc lên theo.

Mục đích thứ hai của việc gieo nhiều loại thực vật và vi sinh vật khác nhau chính là để đánh thức đất đai đang ngủ yên. Có một số sa mạc, đặc biệt là những sa mạc toàn cát, hiển nhiên là đã đánh mất khả năng nuôi dưỡng sự sống và tất cả đều đã chết hết. Tuy nhiên, nhiều vùng xa-van tồn tại dưới dạng đất sét, còn tương đối trẻ. Những sa mạc này có chứa tất cả những dưỡng chất mà cây trồng cần, nhưng vì nhiều lý do mà những dưỡng chất này không đến được với cây cối. Để khiến cho các chất dinh dưỡng này khả dụng, để cho đất đai sống dậy, cần tới sự đa dạng các loại thực vật phủ đất và các loại vi sinh vật.

Đất đai sẽ không sống lại nếu chỉ trồng một nhóm nhỏ những chủng loại cây mà chúng ta cho là hữu ích. Một cái cây chẳng thể mọc lên một mình. Chúng ta cần trồng những cây cao, cây cỡ vừa, những cây bụi và cây dưới tán sinh sống cùng với nhau. Một khi hệ thực vật đa loài được tái tạo thì mưa sẽ bắt đầu rơi trở lại.

Có vẻ hợp lý khi người ta chọn một thứ gì đó đặc biệt trong tự nhiên và dùng nó cho lợi ích của loài người, nhưng khi làm thế họ đang phạm phải một sai lầm lớn. Tách một yếu tố ra khỏi tự nhiên, nhân danh chuyện tạo ra một thứ gì đó có giá trị về mặt kinh tế (cây trồng thương mại chẳng hạn) là trao cho yếu tố đó một giá trị đặc biệt. Điều đó ngầm có ý nói các yếu tố khác có giá trị thấp hơn. Vì con người chỉ trồng những cây “hữu ích”, có giá trị thương mại cao trong sa mạc, và phạt hạ những loài mọc bên dưới, xem chúng như là “cỏ dại”, nên rất nhiều giống loài thực vật đã biến mất. Thường thì chúng mới là những loài làm màu mỡ và giữ đất khỏi bị xói mòn.

Chẳng hề có tốt hay xấu trong số những dạng sống trên trái đất này. Mỗi giống loài đều có vai trò của nó, đều cần thiết và có giá trị ngang nhau. Có thể ý tưởng này nghe có vẻ quá đơn giản và phi khoa học, nhưng nó là nền tảng cho kế hoạch tái tạo cảnh quan trên khắp thế giới của tôi.

Tái phủ cây cho đất nước Ấn Độ

Mặc dầu đã tới châu Phi, Ấn Độ và Hoa Kỳ chia sẻ các ý tưởng của mình và tiến hành thử nghiệm trên nhiều vùng rộng lớn, nhưng tôi đã không có phương tiện để hoàn thành những gì mình định làm. Trở về nhà sau các chuyến đi, khi tôi đang than thở về những nỗ lực không hiệu quả của mình, thì vào đêm Giáng sinh, một phụ nữ tên là Kimiko Kubo, sống ở tỉnh Chiba, đến thăm căn chòi trên sườn đồi của tôi. “Như là lời cảm ơn cho chú voi Hanako mà ngài thủ tướng Jawaharlal Nehru đã gửi đến cho trẻ em Nhật Bản sau chiến tranh”, bà nói, “tôi muốn trao một món quà nhỏ tới trẻ em Ấn Độ”. Nói đoạn, bà nhét một bọc tiền lớn gói trong giấy báo vào thùng gạo của tôi rồi đi.

Ngay lập tức tôi nghĩ xem làm thế nào để sử dụng số tiền này một cách tốt nhất. Tôi quyết định dùng nó để giúp thực hiện giấc mơ tái phủ xanh cho những sa mạc ở Ấn Độ. Đầu tiên, tôi bay tới Thái Lan để thu thập hạt giống. Lúc tới Thái Lan một năm trước đó, tôi đã đi thăm một khu rừng nguyên sinh, và nghĩ đấy sẽ là một nơi tốt để thu thập hạt giống dùng cho các sa mạc ở Ấn Độ. Một vị sư Phật giáo tôi gặp ở đó đã hứa thu xếp việc hợp tác thu gom hạt giống, và trong chuyến đi tiếp theo tôi cũng đã nhận được lời mời không chính thức tới diện kiến hoàng tộc Thái Lan. Nếu được phép thu thập hạt giống trong khu rừng già vốn thuộc về sở

hữu của hoàng gia này, tôi có thể nhờ một vài nhà sư trẻ đi gom chúng cho mình và chuẩn bị sẵn chờ tôi tới lấy..., đây là tôi đã nghĩ vậy.

Lúc tôi đến được Thái Lan, thế giới đang trong tình trạng rối loạn và những cuộc đối thoại chẳng đi đến đâu. Khi chúng tôi đang gieo những hạt giống lên những mảnh đất thuộc trường Trẻ em Kanchanapuri thì cuộc chiến Vùng Vịnh nổ ra, và những kế hoạch khởi động ngân hàng hạt giống ở Thái Lan tiêu tan theo. Tôi quay về Nhật sau khi các cuộc bàn thảo bị treo lại. Trong vòng sáu tháng khi thế giới đang trong cơn náo động, tôi tập hợp các báo cáo để sử dụng cho những vùng sa mạc ở Ấn Độ, chờ một cơ hội đem chúng tới đó.

Tôi cũng đã viết một số bài báo, nói rằng thay vì thả bom, sẽ tốt hơn nhiều khi gieo hạt giống bọc trong những viên đất sét từ trên những chiếc máy bay vốn trước đó đã được sử dụng làm máy bay thả bom quân sự. Khi tờ Asahi Shimbun, một tờ báo trung ương có uy tín, và tờ Ehime Shimbun, một tờ báo địa phương ở Shikoku, cho đăng câu chuyện này, người dân Nhật bắt đầu quan tâm tới việc gửi hạt giống cho người dân ở những vùng sa mạc tại Ấn Độ, châu Phi và những nơi khác nữa. Các bà nội trợ và trẻ em trên khắp đất nước bắt đầu gửi hạt lấy từ những loại trái cây và rau mà họ đã ăn. Lại nữa, với sự hợp tác của các công ty hạt giống

Murata và Sakata ở Matsuyama, cùng với sự giúp đỡ của nhà môi trường học tại đó tên là Masao Masuda, việc thu gom hạt giống tiến triển tốt đẹp. Khi hạt giống và các khoản đóng góp khác đã được thu thập xong, tôi cảm thấy rằng cuối cùng thì mình cũng đã có thể quay trở lại Ấn Độ.

Tôi đã kêu gọi sự trợ giúp của Hội Tagore³², trước đây đã thu xếp công việc ở Ấn Độ cho tôi. Với người đồng hành là sơ Nagashima, lúc trước đã từng thông dịch cho tôi, tôi lên đường, phó mặc mọi sự còn lại cho may rủi.

Đầu tiên, tôi liên hệ với thống đốc bang Tây Bengal và đi xem xét khu vực mà vào lần thăm trước chúng tôi đã tiến hành gieo hạt được từ trên không, nơi cửa con sông Hằng đổ ra biển. Chúng tôi đi ngược dòng sông Hằng rộng bát ngát trong khoảng một giờ đồng hồ, trên một chiếc thuyền buồm được phái tới từ Bộ Rừng và Môi trường. Sau khi chuyển sang thuyền máy, chúng tôi đã phải ráng vượt qua những khúc nước cạn mới tới nơi. Những cây con của khoảng hai mươi tới ba mươi chủng loại được đã nảy mầm trên dải cát và mọc lên xa ngút tầm mắt. Tôi chia sẻ sự kinh ngạc và vui sướng của mình với hướng dẫn viên, anh Dasgupta.

32 Hội Tagore là một mạng lưới toàn cầu gồm các nhóm tại địa phương dành tâm sức cho việc truyền tải và hiện thực hóa triết lý của Rabindranath Tagore, nhà nhân văn, nhà văn và nhà thơ, triết gia vĩ đại, đã đoạt giải Nobel. Nhiệm vụ của nhóm là hoàn thành giấc mơ của Tagore về “một thế giới không có biên giới”.

Khi tôi nhổ một cái cây lên, mấy con tôm cua nhỏ và ốc mượn hồn bò ra. Tôi thấy ngõ ngàng trước những sinh vật bé nhỏ lấy con sông vĩ đại này làm nhà. Tôi tự hỏi tại sao tấm gương thành công này còn chưa lan rộng sang các nước khác có quan tâm tới sự biến mất những cánh rừng mưa nhiệt đới của thế giới. Vì Ấn Độ là một nước bị cô lập hay giới nghiên cứu còn chưa nghe nói gì về nó thì tôi không biết. Cái mà tôi *có* biết là ví dụ này cho thấy sự hữu dụng của việc gieo hạt giống từ trên không để tái phủ cây diện rộng trong một thời gian ngắn.

Văn phòng của cán bộ thực địa nằm trên bờ sông. Khi chúng tôi tiến lại gần, con thuyền bị kẹt trong bùn và chúng tôi chẳng tài nào thoát ra được. Vào lúc đó, có một số ngư dân tại địa phương đã tập hợp lại để đẩy con thuyền vẫn còn sáu người chúng tôi ngồi trên đó lên bờ. Tôi dừng lại chút xíu ở bên trong tòa nhà, rồi ra ngoài vườn và trông thấy bức tượng đẹp đẽ nhiều màu sắc của một nữ thần Hindu. Những người làm ở đây tự hào kể với tôi bà là vị thần rừng bảo hộ của họ. Những công nhân này sống trong các căn nhà có diện tích sàn khoảng mười lăm mét vuông.

Thứ làm tôi thích thú nhất là lúa hoang mọc trong một rẻo đầm lầy dọc bờ sông. Đám lúa này tự chúng nó mọc mà không phải do người trồng. Đất thì màu mỡ và một loại tảo hiếm thấy sản xuất ra ni-tơ và ka-li mọc lan trên khắp bề

mặt. Những chỗ này được xem là đất hoang và không được sử dụng tới. Lúa ở đây có vẻ như là một giống nguyên thủy, có bốn mươi tới năm mươi hạt mỗi nhánh.

Nếu chúng ta đem gieo thẳng các viên đất sét bọc hạt thóc còn nguyên chưa bị xay từ máy bay xuống những khu vực như thế này thì thành công gần như là chắc chắn. Tôi cảm thấy rằng có rất nhiều thứ hiệu quả mà chúng ta có thể tiến hành ngay ở Bengal. Tôi viết một bài thơ ngẫu hứng bằng bút lông lên một tờ giấy lớn rồi treo trong ca-bin tàu. Tôi thấy thật vui là những con chữ chuẩn xác đã hiện lên rất trôi chảy từ đầu ngọn bút.

Khi quay trở về Calcutta, tôi được biết rằng có rất nhiều người đang chờ gặp tôi ở Bangalore phía Nam Ấn Độ, nhưng tôi không thể đi được vì những lời hứa trước đó, nên tôi phái anh Dasgupta và anh Makino đi thay. Còn tôi thì bay tới New Delhi với thư ký của mình, Ashoka, và sơ Nagashima. Ông Singh, thuộc Văn phòng Lâm nghiệp, đã giới thiệu tôi với một viên chức của Bộ Môi trường. Trong Bộ Môi trường có Văn phòng Phát triển đất bỏ hoang, và một bộ phận đảm trách riêng về rừng thuộc văn phòng đó. Tôi đã dành ra một ngày thảo luận về kế hoạch tái phủ cây cho sa mạc ở Ấn Độ của mình với vị viên chức đó, một người rất tích cực, chủ động và thực lòng quan tâm tới sự lành mạnh của môi trường. Ông đã hỏi liệu tôi có muốn gặp

ngài thủ tướng không, nhưng vì thủ tướng của Trung Quốc vừa mới tới thăm Ấn Độ, nên tôi nghĩ chắc một cuộc gặp như thế sẽ là bất khả, trong khi có nhiều cuộc thảo luận quan trọng diễn ra đến vậy. Dầu sao, người ta vẫn thu xếp để chúng tôi gặp nhau trong mười lăm phút vào ngày hôm sau.

Bởi vì chỉ có thể gặp ngài thủ tướng Rao trong một khoảng thời gian ngắn nên tôi có mang theo cái hộp nhỏ đựng loại gạo mà tôi đã trồng được ở trang trại của mình, cùng với những hạt giống của loài cỏ ba lá Ai Cập thích hợp cho những vùng nhiệt đới, vốn là món quà từ công ty hạt giống Sakata. Tôi bắt đầu cuộc nói chuyện bằng việc đề nghị ngài thủ tướng ủng hộ cho một cuộc cách mạng trong nông nghiệp và khuyến khích việc tái lập thảm thực vật cho sa mạc nhờ vào việc cho loại cỏ ba lá này mọc lan ra. Điều này làm ông chú ý, thỉnh thoảng lại nhắc cái hộp hoặc bốc gạo lên rồi nhìn nó chăm chú. Chúng tôi đã trò chuyện trong gần một tiếng đồng hồ. Sau này tôi có nghe rằng ông đã nghiên cứu nông nghiệp khi còn trẻ và rất thông thạo các phương pháp làm nông. Ngài thủ tướng sau đó đã đề nghị giới thiệu tôi với lãnh đạo của Bộ Nông nghiệp.

Sáng ngày hôm sau, tôi nói chuyện với các chuyên gia kỹ thuật, có lẽ như một kiểu chuẩn bị trước, và tới buổi chiều thì tôi được gặp ông bộ trưởng. Cuộc thảo luận của chúng

tôi xoay quanh những khác biệt giữa các phương pháp nông nghiệp theo khoa học và cách làm nông tự nhiên.

Thật may là ở New Delhi, trong một tuần ngoài dự kiến này tôi có thể thoải mái thảo luận và hoàn thiện những ý tưởng của mình với một số viên chức chính phủ, nhờ vào sự thông dịch tuyệt hảo của sơ Nagashima. Thông tin về các sự kiện này đã được đưa đi khắp đất nước qua đài truyền hình quốc gia và trên các tờ báo. Sự ủng hộ của ngài thủ tướng đối với việc làm nông tự nhiên cũng đã được ghi nhận trên các phương tiện truyền thông. Tôi cảm thấy đột nhiên có nhiều người quan tâm tới việc tái phủ cây cho Ấn Độ đến thế³³.

Từ New Delhi, chúng tôi đi thăm một khu vực ở Gwalior, thuộc bang Madhya Pradesh, nơi mà mùa hè năm đó đã cho tiến hành việc gieo hạt giống từ trên không. Rồi chúng tôi bay tới Agra, trên một chiếc máy bay trước đây là máy bay quân sự, và từ đây được đưa tới Văn phòng Lâm nghiệp. Sau khi ngồi trên chiếc xe jeep băng qua một đồng bằng điểm xuyết những cánh đồng trồng cải dầu và mía đường, chúng tôi tới được hẻm sông Chambal Gorge. Ở đó, quang cảnh đột ngột thay đổi. Phía trước chúng tôi là một sa mạc trống không trải dài ngút mắt. Nó là những đụn đất đỏ tro khác, cao từ khoảng dưới một mét tới cả ba trăm mét.

33 Thậm chí tới ngày hôm nay ở Ấn Độ, sự quan tâm tới ông Fukuoka và các kỹ thuật làm nông tự nhiên cùng với triết lý của ông ấy có lẽ còn lớn hơn ở bất cứ nơi đâu trên thế giới.

Rải rác trên sa mạc là những cây keo, và vài loại cây khác dưới những chỗ đất trũng, lơ thơ mấy cọng cỏ và chua me đất (còn gọi là me đất hoa đỏ, *Rumex acetosella*). Thứ đất sét sa mạc cằn cỗi này khiến cho việc tái phủ cây có vẻ như là một nhiệm vụ dễ khiến người ta nản chí. Ngay cả khi các hạt giống đã được gieo xuống, khả năng nảy mầm của hạt để trơ trụi ra đó sẽ rất thấp. Mọi người cho tôi biết là khi mưa xuống, nhiều khả năng hạt giống sẽ bị cuốn trôi đi. Vì thế mà đất nơi đây đã được cày xới thật sâu và người ta đã phải đào mương hay rãnh để ngăn chặn việc này. Tôi chỉ có thể tưởng tượng biết bao nhiêu công sức đã phải bỏ ra để đào những cái mương này bằng tay. Bất chấp những nỗ lực ấy, hầu như không có cây nào mọc lên được ở những nơi hạt giống đã được gieo xuống trước đó.

Người ta bảo tôi là cây con bị dê và động vật khác ăn mất. Một trong các công nhân buồn rầu cười lớn và nói, nửa tuyệt vọng, “Ờ thì, ngay cả khi chúng ta không có được một khu rừng thì bọn gia súc cũng có cái để ăn”.

Đúng ngay lúc đó, khi chiếc xe jeep của một góc quanh trên con đường lún bánh xe, một bầy dê tóa ra phía trước mặt chúng tôi. Người chăn dê giật mình khi nhìn thấy khẩu súng mà người lính đi bảo vệ đoàn chúng tôi mang theo bên mình, tuyệt vọng vụt roi, và như thể chạy trốn, đuổi bọn dê chạy ngược lên một bờ dốc đứng. Nhìn cảnh tượng này tôi

biết một điều là người dân không được phép đi lại thoải mái ở trong khu vực. Nông dân, những người sống với bò và dê, có vẻ như nhiều lúc phải lén lút thâm nhập để kiếm chút cây cỏ hiếm hoi cho đàn gia súc, còn nhà chức trách đành ngậm chấp thuận.

Dù sao đi nữa, tôi mừng tượng rằng việc tái phủ cây cho vùng này sẽ là rất khó khăn, nhưng tôi có thể thấy rằng, ít nhất một số hạt giống được bọc trong những viên đất sét được gieo xuống trước đây đang sinh trưởng tốt, và vì thế tôi thấy yên tâm. Sau đó, tôi có nghe được rằng ở vùng Madras, những viên đất sét đã được gieo xuống một cách thành công, nên tôi thỏa thuận với viên phi công bay tới đó vào ít ngày sau.

Ban đầu tôi đã nghĩ rằng nếu bốn hay năm năm làm việc vất vả chỉ cho được từng ấy số lượng cây thì việc tạo ra một cánh rừng nơi mà những con voi có thể sống được - mục tiêu dài hạn là thế - sẽ còn lâu lắm mới đạt tới. Dầu vậy, khi tôi nghiên cứu những cái cây trong vùng và lắng nghe những lời giải thích thấu đáo của các viên chức chính phủ ở nơi đó, tôi nhận ra rằng, mặc dù kết quả không được rõ rệt như tôi đã dự kiến nhưng chúng tôi đang làm đúng. Việc gieo đủ các thể loại hạt giống bọc trong các viên đất sét sẽ có tác dụng ở đây.

Đối với tôi, ngay lúc đó, quá dễ để nói thẳng luôn về những kết luận tôi đã rút ra ở hẻm sông Chambal Gorge, nhưng tôi chỉ khen những kết quả đạt được nhờ những nỗ lực hết sức mình của những người trong chính phủ bang, mà không đưa ra bất cứ lời phê bình nào, còn thì vẫn giữ những ý nghĩ của mình ở trong lòng. Nơi này thật khó thành công nên cần suy nghĩ kỹ thêm một chút.

Từ lúc chúng tôi tới được điểm tiếp theo bằng chiếc xe jeep, vài đứa trẻ và nông dân già đã tụ tập lại xung quanh và chăm chú quan sát nhất cử nhất động của chúng tôi. Khi nhìn vào mắt họ, dường như tôi thấy họ có điều gì muốn nói. Tôi có một cảm giác rằng họ biết nguyên nhân thực sự của sa mạc hóa. Ánh mắt của họ giống như của những đứa trẻ tôi đã gặp ở Somalia, mà khi được đưa cho một vốc đầy hạt giống đã ngay lập tức hành động và làm nên những vườn rau tuyệt vời. Tôi cảm thấy rằng những đứa trẻ Ấn Độ cũng có thể làm được y như thế.

Tôi được bảo rằng mười năm trước, ở vùng này còn có voi sinh sống; mới chỉ ba năm trước thôi một con hổ còn đi cả vào làng. Nhưng bởi quá trình sa mạc hóa, những ngôi làng phía hạ lưu đã biến mất, thảm thực vật cũng biến mất, những đàn voi và hổ không còn xuất hiện nữa. Sa mạc đã mở rộng ra với một tốc độ không thể tin nổi. Trước khi tìm cách chống lại sa mạc hóa, điều cần thiết là đặt ra câu hỏi

tại sao vùng này lại trở thành sa mạc nhằm tìm ra được nguyên nhân thực sự và cắt tận gốc cái nguyên nhân đó. Chúng ta phải bắt đầu từ sự hiểu biết rằng chính các hoạt động của con người đã gây nên sự bành trướng của sa mạc.

Mặc dù kết quả không được như mong đợi, khi đi quanh đó trên chiếc xe jeep, tôi vẫn thấy loáng thoáng những khoảnh xanh nhỏ dưới bóng các tảng đá lớn, cùng với những bụi cỏ. Tôi tự hỏi: làm sao những loài thực vật này sống sót được trong vùng cao nguyên khô và khắc nghiệt đến thế?

Khi chúng tôi quay trở về, mặt trời bắt đầu lặn, nhưng ai đó đề nghị là chúng tôi nên đi ngắm cá sấu trên sông. Thế là chúng tôi lên một chiếc thuyền máy và tiến ra sông. Con sông này rộng chừng một trăm mét và nước trong khác thường. Chúng tôi đi được một lúc nhưng chẳng thấy có cá sấu đâu. Thực ra, ngay từ đầu họ đã biết là ở đó không có cá sấu mà đơn giản chỉ viện cớ để tận hưởng việc đi thuyền. Chẳng hề gì, tôi dõi nhìn quang cảnh sa mạc trong ánh chiều tà. Nhiều chuyện đã lướt qua tâm trí tôi chiều ngày hôm ấy, về tấn kịch hùng vĩ của lịch sử loài người.

Khi trở lại Văn phòng Lâm nghiệp ngày hôm sau, tôi thăm khu vườn của họ và được phép ôm một con cá sấu nhỏ và một số động vật quý hiếm khác đang được gây giống trong cảnh nuôi nhốt ở đó. Tôi được bảo rằng bây giờ chỉ còn lại

có năm mươi con cá sấu Ấn Độ trên sông Hằng. Khi đó, tôi chợt nhận ra có một mối liên kết sâu xa giữa những con cá sấu và các vùng sa mạc ở Ấn Độ.

Nếu có những con sông thì tại sao lại có sa mạc cơ chứ? Đây là chìa khóa để giải bài toán đố này? Ngồi trên thuyền máy, tôi thấy nước sông trong xanh, thế nhưng lại không thấy bóng dáng cá sấu hay cá tôm gì cả. Ở Somalia, con sông Juba chảy băng qua sa mạc, nước đầy quanh năm, và cá da trơn sinh sống trong những chỗ nước đầy bùn. Vấn đề ở đây là, như tôi đã nói, không phải một nơi nào đó biến thành sa mạc vì không có nước; cũng không phải là cứ có nước thì ắt phải có cá. Mối quan hệ giữa đất, nước, cây cối và các cộng đồng người không thẳng tưng như các chuyên gia muốn chúng ta tin là như thế.

Ngay cả ở trong một khu rừng rậm, nơi những cây to và lũ voi hiện hữu, một khi chiếc rìu của con người vung lên, cây cối sẽ biến mất và đất rừng sẽ thành đất bằng mọc đầy cỏ. Khi con người bắt đầu sống thành cộng đồng ở đó, nuôi dê và bò vượt quá khả năng dưỡng nuôi của đất, màu xanh của bình nguyên ấy sẽ tan biến đi gần như ngay lập tức. Khi mưa rơi trên đất trơ trụi sẽ xảy ra lở đất và lớp đất trồng màu mỡ bị cuốn trôi đi. Tất cả những gì còn lại là một vùng đất hoang vu lởm chởm. Không có thảm thực vật, đất sẽ khô đi và trở thành sa mạc.

Trong việc cố gắng hồi phục thảm thực vật trên một sa mạc được hình thành theo dạng này, các nhà khoa học muốn chúng ta trước tiên đổ nước vào sa mạc để cho thảm thực vật sống lại. Tôi xin nhắc là một hành động như thế sẽ chỉ gây hại thêm.

Để giải thích lý do tại sao lại thế, trước hết tôi phải bàn luận xa thêm một bước về mối quan hệ giữa đất trồng và nước. Khởi nguyên thì nước, đất và cây trồng là một thể đơn nhất, nhưng kể từ thời điểm con người đi đến chỗ phân tách riêng biệt đất trồng ra khỏi nước, và phân tách đất trồng ra khỏi cây trồng thì những mối liên kết giữa ba thành phần này bị phá vỡ. Chúng trở nên cách biệt, và bị đặt vào vị trí đối nghịch với nhau.

Nước mà các sinh vật không còn sinh sống trong đó được nữa thì không còn thực là nước. Đất mà không có cỏ, thì mặc dầu có được gọi là đất trồng nó cũng không thực là đất trồng. Đất mà không có cỏ sẽ đánh mất sự kết nối của nó với nước và trở nên khô rang. Không có gì ngạc nhiên khi cỏ và cây sẽ không còn phát triển tốt ở đó nữa. Vì thế, thay vì nghĩ rằng cỏ và cây mọc nhờ đất thì trong thực tế, cỏ, cây, các loài thực vật khác, cùng các loài động vật, vi sinh vật và nước mới là cái *tạo ra* đất trồng và trao cho nó sự sống.

Khi các nhà khoa học phương Tây trông thấy một sa mạc khô cằn, họ đưa nước tưới vào. Để hoàn thành việc này, họ làm gián đoạn dòng chảy tự nhiên của nước. Họ xây các con đập, tập trung nước lại, rồi xây các con kênh và đường dẫn để chuyên chở chỗ nước đó. Phương pháp hay dùng nhất để đưa nước vào các kênh thủy lợi là dùng máy bơm nâng mực nước sông lên. Khi tới thăm Somalia, tôi thấy rằng người Nga, người Anh và người Ý trong quá khứ, và các nông trại hiện đại được hỗ trợ bởi Pháp và Nhật Bản, tất cả đều sử dụng phương pháp này. Họ tiến hành như sau:

Đất từ khu vực xung quanh các con sông được đắp cao bằng xe ủi theo các hướng vuông góc với dòng sông, dựng lên thành các con đê cao trên mười mét. Khoảng cách càng xa thì con đê càng phải cao. Trên mặt đê, những đường dẫn đắp bằng đất hoặc xây bằng bê tông được hình thành để dẫn nước đã được bơm lên từ sông. Những cánh đồng nhỏ ở dưới thấp so với con đê được cấp nước kế tiếp nhau. Tất nhiên nước rất quý giá nên mỗi lúc chỉ một lượng nhỏ được cho chảy vào các cánh đồng mà thôi. Lượng nước này chẳng mấy chốc bốc hơi và để lại toàn là muối. Chỉ sau vài năm, vị trí này sẽ phải bỏ hoang và nông trại sẽ được chuyển tới một nơi mới.

Để được trả cho một lượng thức ăn tối thiểu, dân tị nạn và những người khác đang định cư ở rìa các nông trại lớn này

phải mất nhiều ngày làm việc theo từng cặp, sử dụng một cái nạo được nối vào một sợi dây thừng để mức bỏ số cát bị thổi bay xuống lấp mất những cái rãnh nông trên mặt ruộng. Công việc nặng nhọc vô ích này là thực tại đáng buồn của cuộc sống trên sa mạc.

Dù người ta có chăm chỉ tới đâu, gắng trồng cây trên thứ đất cằn cỗi mà lớp đất trồng trên cùng đã bị nạo sạch đi ấy, họ cũng không thể nào trồng đủ để kiếm sống được. Thêm vào đó, các loại cây trồng thương mại độc canh mà họ buộc phải trồng lại yếu đuối và dễ bị sâu bệnh tấn công. Khi các nông trại thay đổi địa điểm rồi thì không còn một cái cây ngon cỏ nào sót lại cả. Những gì còn lại chỉ là một sa mạc phẳng lì tình trạng còn tệ hại hơn trước kia và một cái máy bơm to tướng đã cạn sạch xăng.

Tôi chẳng thể tưởng tượng nổi tại sao ngay từ đầu họ lại dựng các đường dẫn nước ở trên đỉnh những con đê cao ngất lạ kỳ này. Nhưng khi ta nghĩ về chuyện đó, nếu nước được nâng lên những độ cao như thế, và nhà chức trách là những người duy nhất kiểm soát các máy bơm và quyền sử dụng nước, nghĩa là đường sống về mặt nước sinh hoạt - sản xuất của người dân châu Phi đang bị tước đoạt. Những đường dẫn nước như thế có vẻ là một công cụ kiểm soát hiệu quả của các nhà thực dân cai trị. Ngày nay, chiến lược

như thế cũng được ngành thực phẩm sử dụng trên khắp thế giới nhằm đánh bật các nông hộ nhỏ.

Một phương pháp tưới tiêu thích hợp hơn thì sẽ lợi dụng được hết mức có thể dòng chảy tự nhiên của nước. Những con sông lớn thì có các sông nhánh chảy từ trên cao xuống, và các con sông nhánh này lại được cấp nước từ những luồng nhỏ hơn. Nếu các hào nước được kéo từ các luồng nhỏ này xuống thì nước có thể cho chảy thẳng tới ruộng. Các giải pháp như thế này thì đơn giản, hiệu quả và phù hợp. Chúng cho phép chúng ta sống an yên bên trong tự nhiên mà không phải gặp quá nhiều phiền toái.

Sau khi quay về New Delhi, chúng tôi bay trong đêm sương mù dày đặc hướng về Calcutta. Ngồi trong cabin, chúng tôi nghe thấy thông báo là do sương mù nên máy bay sẽ phải bay theo một lộ trình khác, thế là chúng tôi hạ cánh xuống Hyderabad ở phía Nam. Nếu có thể rời máy bay hẳn là chúng tôi đã có thể trông thấy kết quả của công việc gieo hạt từ trên không ở khu vực gần đấy rồi, nhưng chúng tôi phải tuân theo mệnh lệnh nghiêm khắc là ngồi yên trong máy bay. Sau đó chúng tôi tới Bombay, ăn sáng ngay trên máy bay và lại cất cánh lần nữa, cuối cùng cũng hạ cánh được xuống Calcutta. Kết quả là tôi đã có nguyên một ngày bay vi vu miễn phí trên bầu trời nước Ấn.

Tôi phát hiện ra rằng hầu như không có một chút bóng dáng cây cỏ nào giữa Bombay với Calcutta. Sau này tôi cũng có bay qua Bangladesh và Miến Điện. Thật chán chường, tôi chẳng thể nào trông thấy bất cứ cái gì từ cửa sổ máy bay ngoại trừ sa mạc, cho tới khi bay đến gần đất nước Thái Lan. Nếu người ta được xem những tấm hình chụp đất đai chi tiết từ trên không thì họ sẽ hiểu vấn đề môi trường hiện tại thực sự nghiêm trọng tới mức nào.

Từ Calcutta tôi đến được bang Manipur, nhờ vào giáo sư Makino, người đang giảng dạy tại trường Đại học Manipur. Manipur hầu như là đóng cửa đối với người ngoại quốc³⁴. Trong chiến tranh Thế giới lần thứ hai, lính Nhật đã tiến vào thủ đô Imphal từ Miến Điện nhưng bị giết sạch trong một trận chiến với quân Somalia và Ethiopia, lúc đó đang chiến đấu dưới màu cờ Anh Quốc. Khi đứng trước một tấm bia dựng lên bởi người dân địa phương để tưởng niệm trận chiến và nghe kể về những người lính Nhật đã chiến đấu như thế nào, tôi đã không kiềm chế được cảm xúc trước sự tàn nhẫn của lịch sử. Trong một gian tưởng niệm gần đảo nổi, có một cuộc triển lãm trưng bày nhiều bức ảnh chụp lính Nhật đang cùng hợp tác làm việc với Chandra Bose³⁵,

34 Manipur, hay “mảnh đất của ngọc đá quý”, là một bang nhỏ ở Đông Bắc nước Ấn Độ, có biên giới với Miến Điện. Do vị trí xa xôi và bất ổn chính trị gây ra bởi những nhóm người hy vọng tái lập Manipur thành một nước có chủ quyền riêng, nên việc đi lại bị giới hạn, chỉ dành cho những ai nhận được giấy phép ra vào khu vực hạn chế (Restricted Area Permit). Lệnh hạn chế này đã được dỡ bỏ bắt đầu từ ngày 01/01/2011, trong khoảng thời gian một năm.

35 Chandra Bose là một trong những nhà lãnh đạo xuất chúng nhất của phong trào đòi độc lập cho Ấn Độ. Ông và quân đội quốc gia Ấn Độ cùng với quân Nhật đã chiến đấu chống lại quân Anh trong trận chiến

một chiến binh nổi tiếng của phong trào đòi độc lập cho Ấn Độ. Tôi đã xem triển lãm trong cảm xúc lẫn lộn.

Ở vùng này, con người và khí hậu cũng tương tự như ở Nhật Bản. Vị vua trước đây, và là thống đốc bang hiện tại, trông y chang như lãnh chúa Matsuyama ở gần quê tôi. Ông chào đón chúng tôi, cho chúng tôi cơ hội nói trước các quan chức chính phủ và các sinh viên đại học. Nhờ vào sự giúp đỡ tận tình của ông, chúng tôi có thể tự do đi một vòng khắp bang mà không gặp phải khó khăn gì.

Một ngày nọ trời mưa, thế nên chúng tôi trú vào ngôi trường cấp một gần đấy. Vài đứa trẻ túm tụm lại quanh chúng tôi, và tôi nảy ra ý cho chúng xem hình chụp nông trại tự nhiên của mình. Vừa cho chúng coi, tôi vừa kể cho bọn trẻ về phương pháp làm nông tự nhiên của mình. Tôi bảo chúng rằng có thể gieo hạt giống của các loại trái cây nhiệt đới lên những ngọn đồi trọc ở trong vùng, và có thể trồng thật nhiều trong số ba mươi loại cây ăn trái khác nhau mà tôi đã trồng ở Nhật Bản ở đây. Tôi khích lệ chúng tạo nên một thiên đường, giống như thiên đường chúng thấy trong các tấm hình. Ruộng đồng ở nơi đây đất đai rất tốt. Nếu gieo trực tiếp đủ loại hạt giống được bọc trong những viên đất sét thì cũng sẽ không gặp rắc rối gì với lớp bùn ngập sâu

Imphal vào năm 1944.

cả. Khi tôi bảo bọn trẻ hãy về nhà và giải thích điều này cho cha mẹ chúng, chúng lắng nghe với đôi mắt sáng ngời.

Vị thống đốc bang cũng tham dự và nói với bọn trẻ rằng điều tôi đang nói là sự thật, tuyên bố này gây nên khá nhiều xôn xao. Ngay từ đầu chúng vốn đã quá phấn khích vì sự hiện diện của vị cựu vương rồi. Trông thấy những đứa trẻ này đi chân trần nhặt củi đun trong mưa nhắc tôi nhớ lại những ngày chính mình còn học ở trường cấp một. Đôi mắt chúng lấp lánh giống như mắt của những đứa trẻ ở Somalia và ở ngôi trường dành cho trẻ em ở Thái Lan.

Ngày cuối cùng của tôi ở đó, một cuộc thảo luận bàn tròn đã được tổ chức tại một tòa nhà công cộng. Vào cuối bài nói chuyện của mình, tôi đọc bài thơ tôi viết về những hòn đảo nổi đáng yêu trên hồ Imphal. Tôi nói rằng nếu được yêu cầu chọn một bức hình mà tôi đã chụp trong những chuyến vòng quanh thế giới thì tôi sẽ chọn bức về những hòn đảo này. Tiếng vỗ tay vỡ òa, và một trong số những người có mặt ở đó đã nói, “Chúng tôi vốn nghĩ rằng đất nước mình là nghèo nhất, một đất nước nhỏ nhoi chẳng đáng kể gì, thế nhưng ông lại bảo với chúng tôi rằng đất nước này có thể trở thành nơi chốn đi về lý tưởng cho cả thế giới. Điều đó đã tiếp cho chúng tôi dũng khí”. Rồi họ viết ra một tuyên bố, quyết tâm tạo lập một chốn thiên đường ở đó, còn cho tôi ký vào luôn. Trong quãng thời gian ở đó, lịch trình của tôi kín mít,

nhưng tối nào tôi cũng được mời tới ăn tiệc và giải trí với những bài hát đáng yêu và các điệu nhảy dân gian. Đây hẳn nhiên là một chuyến thăm viếng thú vị và đáng giá.

Việc máy bay đi Calcutta không cất cánh nhiều ngày liền không phải là chuyện bất thường, thế nên chúng tôi tới phi trường vào sáng sớm để xem là có chuyến bay hay không. Đúng là có máy bay ở đó nhưng lại gặp một trục trặc kỹ thuật không dễ sửa, thế nên người ta đã thu xếp cho một chiếc khác đến đón chúng tôi vào buổi chiều. Chúng tôi không hề biết khi nào nó sẽ tới, thông tin nhận được lúc thì làm tinh thần chúng tôi phấn khởi, lúc lại khiến chúng tôi phát nản, cứ thế nhiều lần trong ngày. Phi trường mưa rơi thật lạnh, và dù cho ba người chúng tôi đã trùm đầu bằng áo khoác nhưng vẫn run cầm cập. Dầu vậy, mười con người đứng cảm đến từ Bộ Nông nghiệp vẫn chờ cho đến tận phút cuối cùng để tiễn chúng tôi.

Cuối cùng thì máy bay của chúng tôi cũng tới được Calcutta, và chúng tôi lại lên đường tới Thái Lan lần nữa. Tôi dừng lại ở đó trên đường về nước và kiểm tra tình hình thiết lập ngân hàng hạt giống, đảm bảo cung cấp một số lượng lớn hạt giống cho kế hoạch gieo hạt quy mô lớn từ trên không. Nhưng mọi chuyện ở Thái Lan chưa có thay đổi gì, các cuộc đàm phán chính trị cứ tiến lên được một bước xong rồi lại thụt lùi. Tất cả những gì tôi có thể làm là than

vấn về tầm ảnh hưởng hạn chế của tôi mà thôi. Nhưng ở Ấn Độ thì đã có những bước tiến triển, và kế hoạch tái phủ cây cho sa mạc không còn mấy xa.

Những ghi chép từ một hội nghị thượng đỉnh quốc tế về môi trường

Gần với thời gian viết ra cuốn này (1992), có một hội nghị thượng đỉnh về môi trường được tổ chức ở Brazil, và nhiều vấn đề môi trường đã được đưa ra thảo luận. Tôi không thể để việc này trôi qua mà không tìm cách nào đó tham dự vào, thế nên tôi đã tới dự các cuộc gặp gỡ sau đây, được tổ chức trước tại Kyoto.

1. Vào tháng sáu, một ngày sau cuộc gặp của các trí thức được tổ chức bởi ông Takeshita dành cho Maurice Strong, chủ tịch hội nghị thượng đỉnh Brazil, có một cuộc hội thảo nhóm, điều khiển bởi Ryu Tachibana, được tổ chức tại Đền Zojoji ở Shiba. Cuộc hội thảo đã được phát sóng toàn quốc trên kênh NHK³⁶.

2. Cuộc gặp gỡ một ngày tại khách sạn Teikoku ở Kyoto với bộ trưởng Bộ Môi trường của Ấn Độ, để hoàn thiện các kế hoạch cho một phong trào gây rừng làm nơi trú ngụ cho loài voi.

36 Đài truyền hình quốc gia của Nhật Bản, giống như BBC ở nước Anh.

3. Một cuộc gặp gỡ với ông Runphal của hội nghị thượng đỉnh Brazil, cùng với ba tờ báo lớn và các tay viết xã luận. Cuộc gặp này được tài trợ bởi Diễn đàn Kyoto.

4. Một cuộc gặp gỡ với các đại diện tổ chức Magsaysay Foundation của Philippines.

Khi gặp ông Strong, tôi có cho ông xem một nhánh lúa mà tôi đã trồng trên ruộng của mình và bảo với ông rằng ngay cả khi dân số thế giới có tăng gấp đôi thì chúng ta vẫn có thể nuôi sống tất cả mọi người nhờ vào làm nông tự nhiên mà không cần phải sử dụng tới một giọt dầu nào cả. Còn với ông Runphal thì tôi chỉ nói về những bước cụ thể cho dự án tái lập thảm xanh cho sa mạc.

Sau đó tôi đã gặp bộ trưởng Bộ Môi trường Ấn Độ và thảo luận về các điều kiện cần có để tiến hành việc tái phủ cây cho sa mạc. Rồi tôi gặp ông Singh, cùng với những người đến từ đại sứ quán, để làm việc về các kế hoạch gây rừng cho voi ở.

Đây là những gì tôi đã đề xuất:

Đầu tiên, cần thành lập một tổ chức để đảm bảo rằng hạt giống và quỹ dùng cho dự án tái phủ cây - đóng góp từ người dân Nhật Bản - được đưa một cách trực tiếp và tin cậy vào tay những người nông dân Ấn Độ, là những người sẽ gieo chúng. Để làm được việc này, các hạt giống phải

được miễn trừ khỏi quy định kiểm dịch cách ly cây trồng, hay ít nhất thì các thủ tục cũng phải được đơn giản hóa đi.

Thứ hai, chính phủ Ấn Độ phải mở cửa không thu phí những vùng “đất bỏ hoang” mà họ kiểm soát cho những người cam kết sẽ gieo hạt giống lên đấy, hoặc như ở Nhật Bản thì cho thuê đất với một khoản phí tượng trưng.

Lý do mà Nhật Bản thành công trong việc trồng lại rừng trên khắp đất nước là ở chỗ, các cây giống được đem phát không cho nông dân, và hợp tác xã lâm nghiệp luôn sẵn sàng hỗ trợ cho họ. Ở Ấn Độ, hạt giống cũng phải được phân phối không thu phí, và ngân hàng hạt giống phải luôn sẵn có hạt giống trong tay.

Các thủ tục đăng ký cho việc gieo hạt giống trên sa mạc phải được làm cho thật đơn giản. Ở Nhật, nông dân chỉ đơn giản trình bày trên một tờ giấy ghi ngày, nơi chốn và diện tích đất mà họ muốn trồng cây rồi nộp lại cho hợp tác xã lâm nghiệp. Sau đó, hợp tác xã sẽ có trách nhiệm theo dõi và xác nhận rằng việc trồng cây đã hoàn thành.

Với chương trình hỗ trợ cải tạo đất hoang ở Ấn Độ, người nông dân phải nộp lên một bản kế hoạch chi tiết dài chừng hai mươi trang giấy. Người này sẽ phải ghi lại rất chi tiết ai là người đứng đầu công việc này, bọn họ xuất thân từ tầng lớp nào, ai sẽ là người nhận được lợi nhuận nếu có, trong

trường hợp thất bại thì trách nhiệm sẽ được nhận lãnh như thế nào, và đủ thứ khác nữa. Trong thực tế, với tất cả những công việc vốn đã ngập đầu của mình, chẳng có người nông dân nào lại có thể làm được gì với một hệ thống giấy tờ như thế. Tôi đã yêu cầu rằng người ta phải tin tưởng người nông dân hơn và các thủ tục phải đơn giản hơn, nhưng điểm đó vẫn còn chưa được ngã ngũ.



CHƯƠNG SÁU

Những Chuyến Du Hành Trên Bờ Tây Nước Mỹ



LẦN ĐẦU TIÊN TÔI TỚI THĂM nước Mỹ là theo lời mời của các thành viên trong phong trào thực phẩm tự nhiên. Lần thứ hai là bảy năm sau, tôi được các trường đại học bang Oregon, Washington, California, và các vị lãnh đạo phong trào canh tác bền vững (Permaculture) quốc tế mời tới Mỹ. Tôi sẽ là diễn giả khách mời tại vài hội nghị về làm nông tự nhiên, làm nông hữu cơ và canh tác bền vững. Cả hai lần thăm đó lịch trình đều rất bận rộn, mỗi lần trong khoảng sáu tuần.

Trong lần thứ hai tới Mỹ vào năm 1986, tôi lên đường với niềm hy vọng rằng ở Mỹ, tôi sẽ có thể đi đến một hiểu biết sâu hơn về những vấn đề mà tôi còn chưa giải quyết được ở

châu Phi. Những người tổ chức cho các cuộc hội thảo đã sắp xếp lịch trình cho tôi rất cẩn kẽ. Họ làm toàn bộ các công việc chuẩn bị hậu cần và lên chương trình cho mọi quãng thời gian còn trống, để có thể cho tôi xem những thứ mà họ nghĩ tôi sẽ thấy quan tâm và có thể hữu ích đối với tôi. Họ cũng muốn học được những kinh nghiệm từ tôi càng nhiều càng tốt.

Kế hoạch cho chuyến đi thứ hai này là tôi sẽ bắt đầu từ bang Washington, vòng quanh Oregon, đi tiếp tới California, rồi từ đó bay tới các bang vùng Đông Bắc là New York và Massachusetts. Ưu tiên được dành cho các hội nghị quốc tế và cho những buổi tôi sẽ giảng ở trường đại học và với các nhóm người khác nhau. Một hay hai lần mỗi ngày tôi sẽ đi thăm một trang trại - thường thì là nông trại hữu cơ hoặc tự nhiên, nhưng không phải luôn luôn là như vậy - gặp gỡ những người nông dân và nghe về hoạt động của họ. Nếu được hỏi thì tôi sẽ nêu ra các ấn tượng của mình, đôi khi là cả lời khuyên trong vấn đề thực hành nữa. Khoảng thời gian đi lại bằng xe hơi thường sẽ là hai đến ba tiếng mỗi ngày, và có nhiều lần chúng tôi đi bằng một chiếc phi cơ nhỏ. Xen giữa các sự kiện, tôi trả lời phỏng vấn cho các tờ báo, đài phát thanh và truyền hình, thế nên tôi có rất ít thời gian rảnh rỗi. Sau này nghĩ lại, tôi thấy khá là tài tình

khi mình giữ được nhịp độ ấy trong gần năm mươi ngày liền.

Ngu si thì hưởng thái bình, và vì là một gã vô tư nên tôi chỉ việc chơi cái bài tới đâu hay tới đó. Khi đứng lên nói chuyện, tôi sẽ nhìn những biểu hiện trên khuôn mặt của người nghe rồi nói bất cứ cái gì xuất hiện trong đầu. Tôi có thể nói hàng giờ liền mà không biết mệt.

Khi đi từ Bắc tới Nam trên Bờ Tây nước Mỹ, tôi có thể thấy rằng quá trình sa mạc hóa đang tăng tốc. Về phía Bắc, ở Washington thì vẫn còn một vài cánh rừng nguyên sinh, nhưng khi ta đến Oregon, cây mọc trên sườn núi dần trở nên hiếm hoi. Lớp cỏ biến mất dạng và màu xanh của cảnh quan nhạt dần đi. Tình trạng này có mối liên quan mật thiết với sự thoái hóa của đất và yếu kém trong quản lý³⁷.

Lần này, khi du hành quanh nước Mỹ, ấn tượng của tôi khá là khác so với lần thăm bảy năm về trước. Dường như môi trường xung quanh những vùng nông nghiệp đã xấu đi tính từ hồi tôi ở đấy. Tôi vốn hay nhận xét cái màu xanh ở đó là một màu xanh giả tạo ra sao, các sản phẩm nông nghiệp đơn thuần chỉ là các phụ phẩm của dầu mỏ thế nào, và tương lai nền nông nghiệp Mỹ dường như đang gặp nguy

37 Khu Bờ Tây của nước Mỹ có khí hậu như ở Địa Trung Hải, có nghĩa là mưa sẽ rơi vào mùa đông, nhưng vào mùa hè thì không. Hiệu ứng này cực điểm nhất là ở California và giảm dần khi đi về hướng Bắc. Các khu rừng ở vùng Maritime Northwest (phía Tây Bắc gần biển) thuộc Oregon và Washington thì mát mẻ hơn và ẩm hơn, thế nên chúng có khả năng tích trữ dinh dưỡng trong lớp đất mặt và lớp mùn phía trên bề mặt của lớp đất này tốt hơn. Sự tổn hại với lớp đất mặt ở một vùng khí hậu khô hơn, như ở California, thì sẽ khó sửa chữa hơn.

hiếm ra sao. Lần này tôi còn có cảm giác mạnh mẽ hơn, rằng những tiên đoán của mình là chính xác.

Khoảng một nửa diện tích đất ở Hoa Kỳ đang là - hoặc sắp trở thành - sa mạc. Tôi cảm thấy rằng sự bành trướng của sa mạc ở Mỹ là vấn đề lớn, ít nhất thì cũng lớn như với các sa mạc ở châu Phi, nhưng hầu hết người Mỹ có vẻ như hoàn toàn không hay biết gì tới việc đất đai của nước mình đang trở nên khô cằn hơn. Như tôi đã bàn tới lúc trước, họ nghĩ cũng tự nhiên thôi khi mưa ít rơi xuống vào mùa hè thì cỏ sẽ chết khô và các vùng bình nguyên chuyển sang màu nâu, nhưng đâu phải luôn luôn là như vậy. Người Mỹ quá choáng ngợp trước đất đai bao la của mình tới mức hầu hết mọi người không có vẻ gì là để tâm tới việc gìn giữ bảo tồn nó.

Tôi có nghe được là dạo này nhiều nông dân Mỹ, cả lớn cả nhỏ, đều gặp khó khăn nghiêm trọng. Họ có vẻ như tin chắc rằng nguyên do của việc này là do tình hình xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp giảm sút. Nhưng thật ra không có cách nào mà trong quá trình tàn phá đất đai ấy người nông dân lại có thể trở nên sung túc được, cho dù họ có tưới đầu mỏ thành “mưa” để trồng trọt đi chăng nữa. Thật không may là vấn đề này còn chưa được người ta xem xét tới một cách nghiêm túc.

Các chuyên gia nông nghiệp và ngành thực phẩm đang bám vào cái ý tưởng là ngay cả khi đất đai đã mất đi sức sống tự nhiên của nó thì vẫn có thể sản xuất ra nông sản, sử dụng xăng dầu, hóa chất nông nghiệp và nước. Về mặt này, các khoa học gia và nông dân Nhật cũng có chung một niềm tin, xem kiểu làm nông này là “tiên tiến”. Một số người còn coi đất trồng là phiền toái nữa.

Người ta bảo với tôi rằng ở Hoa Kỳ, cải cách và đổi mới có vẻ như luôn luôn xuất phát từ Bờ Tây. Lần này, khi tới thăm ba bang nằm ở cực Tây là California, Oregon và Washington, tôi đã có thể nhìn thấy và cảm nhận sự khởi đầu của một cuộc cách mạng nông nghiệp từ các nông dân ở vùng này.

Các khu chợ nông dân

Có vẻ như ở nước Mỹ ngày nay, một cuộc cách mạng trong tâm thức đang diễn ra, không chỉ trong nông nghiệp mà còn ở trong mọi lĩnh vực khác của đời sống. Tôi có thể cảm nhận điều này ở cả nơi thành thị lẫn các thị trấn làm nghề nông, những nơi mà tôi được đón nhận với tư cách một người làm nông nghiệp và một triết gia Á châu.

Tôi đặc biệt thích thú các phiên chợ cuối tuần của nông dân. Trong một không gian mở đầy màu xanh, chẳng hạn

như một công viên hay khuôn viên trường, giữa đám biển hiệu nhiều màu sắc, những người biểu diễn đường phố và nhạc sống, người ta bán những món quà tặng và đồ chơi cùng với sản vật nuôi trồng được tại địa phương, đa dạng đến thật ấn tượng. Các gian hàng được trang trí đẹp đẽ, và những bạn trẻ bán hàng vui vẻ mời gọi khách mua trong tiếng ồn ã náo nhiệt. Ai ai cũng có vẻ vui thích được gặp gỡ hàng xóm của mình trong bầu không khí thoải mái, hồ hởi của khu chợ³⁸.

Có những gian hàng phục vụ đồ ăn dân tộc, chẳng hạn như đồ Ý, đồ Ấn và đồ Pháp. Những người da trắng ăn vận những chiếc áo choàng *happi*³⁹ của người Nhật phấn khích cuộn sushi⁴⁰ và bán dưa muối Nhật cùng với đậu phụ tươi. Trong các gian hàng này, có một số gian chào mời các món ngon làm từ đậu phụ được chuẩn bị theo những cách mà chúng ta không thường thấy ở Nhật Bản. Mọi thứ đều độc đáo bởi lẽ chúng được ứng biến và tạo ra bởi những người đam mê sáng tạo đồ ăn.

Tất nhiên, ở trung tâm của khu chợ có đủ loại quầy bán trái cây và rau củ, cũng như các gian hàng bán những món như cá khô và bánh kếp. Tôi ngạc nhiên khi thấy mọi món

38 Các nhận xét trong chương này về bầu không khí ở khu chợ nông dân, vẻ ngoài của các thị trấn và thành phố ở nước Mỹ, cũng như cách cư xử và chế độ ăn của người Mỹ khi đem so với người Nhật, chủ yếu có ý là dành cho độc giả người Nhật chưa từng tới nước Mỹ bao giờ.

39 Một loại áo choàng truyền thống của người Nhật, thường là với một cái mào trang trí, hay được mặc trong các dịp lễ hội.

40 Món gỏi sống của Nhật, thường làm từ các loại cá, ăn cùng với mù tạt (ND).

ăn được bán trong phiên chợ đều được nuôi trồng hữu cơ cả. Các sản phẩm thường có thể tìm thấy trong các siêu thị thì không có ở đây. Điều này là do yêu cầu của người đến mua.

Bởi vì khu chợ nông dân là nơi dành cho người nông dân nuôi trồng tự nhiên và người bán lẻ địa phương nên người bán hàng luôn nỗ lực hết mình để nói cho khách hàng biết về các chủng loại hạt cốc và rau củ cũng như cách chúng được trồng. Lợi nhuận không phải là động cơ chính, thế nên các sản phẩm được tạo ra từ sự khéo léo và đầy tính sáng tạo được bán theo một tinh thần tùy hứng.

Mỗi món đều khác nhau, và không giống như những thứ được bán ở trong siêu thị, ở đây hết thảy đều là đồ tươi. Người ta có thể dành ra nguyên ngày ở khu chợ, thưởng thức việc mua sắm, ăn trưa, nghe nhạc và ngủ thiếp đi trên cỏ. Cha mẹ mang con cái của mình đi theo và cả nhà có một buổi dã ngoại nguyên ngày. Rồi trước khi ra về, họ sẽ mua trái cây và rau củ dùng được cho cả một tuần để đem về nhà. Thật dễ hiểu là người ta càng ngày càng yêu thích những phiên chợ kiểu này.

Khi tôi đi loanh quanh nhìn ngó trong một khu chợ nông dân, người ta thường xuyên gọi to lên, “Này, có phải ông Fukuoka không đấy?” Họ tò mò nhìn ngắm bộ quần áo làm việc theo kiểu truyền thống Nhật Bản của tôi và giới thiệu

cho tôi xem những quả táo và bí ngô thật khác thường. Tại các khu chợ ở những nơi như Davis thuộc bang California và Eugene thuộc bang Oregon, có vẻ như cứ ba người lại có một người biết tôi là ai, và chẳng mấy chốc, những người đi cùng tôi hai tay phải ôm đầy quả. Sau một lúc gì đấy, tôi sẽ nổi hứng và vẽ ra những bức họa mang tính triết lý vụng về của mình bằng bút dạ hay cọ chấm mực lên trên một mảnh bìa hay bất cứ cái gì có sẵn ở đấy. Khi tôi đem tặng chúng cho người ta, họ tỏ vẻ vui mừng và ngay lập tức treo chúng trong các gian hàng của mình. Những bức vẽ triết lý này cũng được dùng làm áp phích tại lối vào ở các giảng đường đại học nơi tôi tới nói chuyện và ở cả bên ngoài các cửa hàng thực phẩm tự nhiên nữa. Tôi ngạc nhiên khi thấy những hình ảnh này còn được in lên áo thun phát tặng.

Bầu không khí ở những khu chợ nông dân thế này hiển nhiên có vẻ châu Á đối với tôi. Tôi nghĩ người Mỹ theo một cách nào đó cảm thấy bị cô lập bởi chủ nghĩa cá nhân và vì thế họ thích thú bầu không khí thân tình, cởi mở thường gắn liền với văn hóa phương Đông.

Một chuyện khác mà tôi không thể bỏ qua là phong trào thực phẩm tự nhiên đang nhanh chóng lan rộng ra khắp nước Mỹ. Việc này phần lớn là nhờ vào những nỗ lực của Herman và Cornelia Aihara ở Oroville, bang California, những người đầu tiên mời tôi tới Mỹ vào năm 1979, và cả

của Michio Kushi ở Boston nữa. Khi đến thăm lần thứ hai này, tôi có thể thấy rằng thức ăn Nhật Bản theo phong cách thôn quê và các cách nấu nướng kiểu châu Á khác đã lên ngôi trên khắp nước Mỹ như là một tiêu chuẩn cho một chế độ ăn ngon và lành mạnh.

Hương vị và thành phần món ăn của các cửa hàng sushi và tempura⁴¹ ở Mỹ rất tuyệt, thậm chí còn ngon hơn ở Nhật nữa. Người ta cảm thấy hoàn toàn thoải mái với cách ăn những món đó của người châu Á, và đang bắt đầu đưa ra những nhận xét về việc chọn lựa thành phần món sushi, cách làm ra nó, các thành phần của món tempura và chất lượng của nước sốt nhúng mì. Ngày nay, ngay cả một nhà bếp gia đình điển hình cũng có thể phục vụ súp mi-sô⁴² ăn với cơm gạo lứt và rau củ tươi hấp, được sửa soạn theo lối của người Mỹ.

Trong hoàn cảnh này, một cách tự nhiên, người nông dân sẽ để ý tới việc cung cấp các thành phần thực phẩm đáp ứng sự ưa thích của mọi người. Khi người ta trở nên thành thạo trong việc nấu nướng, họ sẽ tìm kiếm các thành phần nguyên liệu đa dạng. Trong bối cảnh bùng nổ của thực phẩm tự nhiên, nông sản nuôi trồng bằng phương pháp hữu cơ và tự nhiên sẽ có mức cầu lớn. Dường như người Mỹ đang nhanh chóng chuyển sự chú ý của mình theo hướng tập

41 Các món tẩm bột chiên kiểu Nhật, chế biến từ rau, củ và các loại hải sản (ND).

42 Một loại tương Nhật làm từ đậu nành cho lên men (ND).

trung nhiều hơn vào những hương vị tinh tế, thanh nhã, và một cách sống tự nhiên hơn. Họ cũng đang trồng thêm nhiều mảnh vườn rau củ tại gia.

Ta có thể nói đây là một cuộc cách mạng diễn ra từ dưới lên.

Các nông trại tự nhiên ở thành thị

Các lô đất cư trú ở nước Mỹ nói chung là khá rộng, đặc biệt là khi đem so với những lô đất ở của cư dân Nhật Bản. Một hộ trung bình có thể có cây to mọc tự nhiên và một bãi cỏ, thế nên khi xét tới việc tạo dựng vườn rau gia đình, không giống như ở nước Nhật, ở đây muốn có kiểu vườn nào cũng là việc nằm trong tầm tay.

Trên một nông trại tự nhiên hay một mảnh đất trồng trọt thuộc khu vực thành thị, lý tưởng ra sẽ có sự pha trộn của những cây cho trái và cho hạt cứng, còn bên dưới chúng là rau củ, cây cho hạt cốc và các loại cây quả mọng. Gà sẽ được thả chạy quanh trong đám cỏ dại và cỏ ba lá. Khi tôi nói đến những thứ như thế ở Nhật Bản, người ta xem tôi là phi thực tế, nhưng ở nước Mỹ thì ý tưởng này là dễ hiểu đối với hầu hết mọi người, và cũng dễ dàng để tiến hành hơn. Khi tôi đề xuất rằng, sẽ là một ý hay khi trồng cây ăn trái thành hàng trên những con phố ở các thị trấn và các thành

phố, trồng rau củ thay vì các bãi cỏ và vườn hoa phải trồng lại hàng năm, sao cho khi cư dân thành thị đang đi dạo cũng có thể hái ăn trái cây ngay ở bên đường, người ta đã hào hứng đến mức đáng ngạc nhiên.

Khi tôi gợi ý rằng sẽ rất tốt nếu vãi hạt giống cỏ ba lá và củ cải lên những bãi cỏ, sao cho trong vòng hai đến ba năm cỏ ba lá sẽ át cỏ hiện có, còn củ cải sẽ đâm chắc rễ giữa lớp phủ đất, thì thật thú vị là chính những người Á và Mỹ gốc Á là những người đã nói rằng họ sẽ thử làm thế ngay.

Hầu hết những người Mỹ sẽ chỉ cười và đồng ý về mặt lý thuyết, nhưng họ lại e dè về việc đưa nó vào thực hành. Lý do, theo tôi tin, là ở chỗ nó sẽ thách thức lòng trung thành với văn hóa “trồng cỏ cảnh” của họ. Nếu họ không thể vượt qua được định kiến này thì sự tăng trưởng của các khu vườn hộ gia đình ở nước Mỹ sẽ bị hạn chế.

Có vẻ như mục tiêu chính trong đời của một người Mỹ bình thường là tiết kiệm tiền, về sống ở miền quê với một ngôi nhà to có cây lớn bao quanh và tận hưởng một bãi cỏ được cắt tỉa cẩn thận. Sẽ còn tự hào hơn nữa nếu nuôi được một vài con ngựa. Đến bất cứ nơi đâu tôi cũng rao giảng về việc hãy thử tiêu văn hóa trồng cỏ làm cảnh, nói rằng đấy là thứ màu xanh giả tạo, được tạo ra cho con người trên sự tổn hại của tự nhiên, và chỉ là một tàn dư nền văn hóa quý tộc cao ngạo của châu Âu không hơn không kém.

Người gieo và Chim muông gieo

Suối nước nóng Breitenbush là nơi gặp gỡ của cuộc hội nghị chuyên đề diễn ra trong ba ngày về canh tác bền vững và làm nông tự nhiên. Trung tâm hội nghị này tọa lạc tại một nơi thật xinh xắn trong khu rừng nằm ở chân dãy núi Cascade thuộc bang Oregon. Có một sảnh họp lớn, một phòng ăn và một số căn nhà gỗ nhỏ nằm rải rác giữa những vòm cây. Chúng tôi có một khoảng thời gian thư giãn ngâm mình trong suối nước nóng và tận hưởng nhà tắm hơi địa nhiệt vào đêm trước khi diễn ra hội nghị.

Ở một góc của quần thể, có một vườn rau tự nhiên đã được tạo ra để cung cấp thực phẩm cho phòng ăn. Người khởi tạo khu vườn, một người đàn ông trẻ tuổi tên là Katsu, đã rời khỏi đó vài năm trước, và thế là vườn bị bỏ quên. Khi nghe thấy vậy, tôi đã quyết định thực hiện một buổi đào tạo ở chính nơi đó.

Tình cờ là Katsu đang đi cùng tôi trong chuyến này với tư cách một thông dịch viên. Đây là lần đầu tiên anh quay trở lại khu vườn mà mình đã bỏ lại, mặc cho tự nhiên tự diễn tiến. Theo như Katsu nói, anh đã đi theo phương pháp làm nông tự nhiên, trồng cỏ ba lá lên toàn bộ diện tích vườn, chia nhiều loại rau thành các ô nhỏ, và không đung tới nữa sau khi chúng đã được trồng xuống. Giờ trông thấy khu

vườn với cỏ ba lá, cỏ dại và rau củ mọc bừa bãi, anh nghĩ thí nghiệm này đã thất bại.

Mới nhìn vào thì khu đất có vẻ là một thất bại đối với tất cả mọi người, vì cây cối mọc trông thật lộn xộn. Nhưng khi ta nhìn kỹ hơn thì thấy cỏ ba lá đã lan ra toàn bộ khu vườn, không có nhiều cỏ dại như khi nhìn từ xa ta đã tưởng, và ở giữa đám này, rau củ đang mọc ẩn dưới lớp phủ phía trên.

Tôi đã bảo với họ rằng khu đất này thực ra đang vận hành ổn cả, xét ở giai đoạn đầu tiên của một khu vườn hộ gia đình dựa trên phương pháp làm nông tự nhiên. Trong năm đầu, con người gieo hạt, đến năm thứ hai thì tự nhiên sẽ điều chỉnh, và tới năm thứ ba thì nhiều thứ ngạc nhiên không nằm trong kế hoạch, không ngờ tới bắt đầu xuất hiện. Đây là khi tự nhiên bắt đầu tạo lập một khu vườn tự nhiên cho chúng ta. Nhờ sự bỏ quên của Katsu, hoa của các cây rau củ đã nở bung, tạo thành hạt và tự động tái xuất hiện. Những hạt khác được xới và phát tán nhờ chim chóc, chuột, và kết quả là các loại rau củ được phát tán ra theo mọi hướng.

Tuy nhiên, trong phạm vi mảnh vườn, có khu vực khô, khu vực ẩm ướt, có khu vực bị che ánh mặt trời và những khu vực mà đất trồng màu mỡ hơn chỗ khác. Vì lý do này, không phải tất cả những hạt giống rơi xuống đất đều mọc lên được. Chỉ những hạt giống rơi xuống những nơi thích

hợp với chúng mới nảy mầm vào khoảng thời gian phù hợp trong năm tiếp theo. Các hạt giống có định mệnh phải chết thì sẽ chết, và chỉ những hạt nào có số sống thì mới lớn lên và phát triển tốt. Hiển nhiên, khu vườn trông sẽ như một mớ bòng bong, nhưng dần dà tự nhiên sẽ cho thấy cây nào sẽ mọc tốt ở nơi nào. Cỏ ba lá đang lan ra rất đều và làm cho lớp đất mặt thêm màu mỡ, nó sẽ dần dần giúp giữ cho cỏ dại không vượt ra khỏi tầm kiểm soát. Nếu bỏ ra chút công để kiểm soát một số loài cỏ dại đặc biệt bằng tay thì theo thời gian, một mảnh vườn trông đâu ra đấy sẽ thành hình.

Chúng tôi tiếp tục chiêm ngưỡng khu vườn mà Katsu đã tạo ra. Đây đó lấp ló những nhánh lúa mì và hắc mạch không có ai cố tình trồng cả. Số lượng hạt trên một nhánh nhiều hơn người ta có thể tưởng. Chuyện này gợi ý rằng việc rải hạt hắc mạch và cả những loài ngũ cốc khác trên đất vườn nơi đây là điều đáng làm. Các cây mùa vụ như tỏi mọc tốt ở chỗ này, thế nên chúng ta hẳn là sẽ có thể trồng kế tiếp hắc mạch vào mùa xuân, theo sau là rau diếp, cà chua, các loại dưa, rồi dưa chuột, tỏi tây, và tới mùa đông là đậu tằm. Tất cả những cây rau này sẽ sinh trưởng giữa một lớp phủ đất lâu dài bằng cỏ ba lá hoa trắng.

Dù thế nào đi nữa, khu vườn này, ban đầu trông có vẻ là một thất bại, thực ra đang vận hành khá thành công. Khi tôi

đưa ra lời giải thích cho cả nhóm, tất cả mọi người đều vui thích. Nhưng người lấy lại sự tự tin lớn nhất chính là Katsu.

Giống như Katsu, nhiều người ở Mỹ có tính thực tế như nhau trong cách tiếp cận với sự việc, và là những người “chân chạm đất, không chút viễn vông”. Bản thân người Mỹ có một sự cởi mở, đến từ việc biết tận hưởng thiên nhiên. Tôi đã gặp nhiều người có đầu óc đủ thoáng để không bức mình chỉ vì một vài cây cỏ dại hay vì những khu đất cây cối mọc lộn xộn, mà theo kinh nghiệm của tôi đối với một người Nhật truyền thống là điều không thể chấp nhận được.

Nhìn chung thì có vẻ như nông nghiệp tự nhiên đã có một khởi đầu vững chắc trong các khu vườn hộ gia đình và các nông trại nhỏ ở nước Mỹ. Bởi vì lô đất trong khu dân cư ở Mỹ rộng hơn, nên một mảnh vườn trồng rau của gia đình có thể cung cấp mọi thực phẩm cần thiết cho một hộ điển hình, nếu như họ sẵn lòng làm việc ấy.

Ở Nhật Bản, lô đất chừng 0,1 héc-ta (1000 mét vuông) sẽ là đủ để cho phép người ta gần như là tự cung tự cấp và đem đến một môi trường sống lành mạnh, nhưng tôi biết được rằng - với một chút ganh tị - ở nhiều vùng ngoại ô và nông thôn của nước Mỹ, người ta không được phép dựng nhà trên những lô đất nhỏ. Trong khi mỗi bang và mỗi vùng thì có quy định khác nhau, nhưng ở một bộ phận phía Bắc

bang New York nơi tôi tới thăm, họ không được phép xây dựng trên lô đất có diện tích *nhỏ hơn* 6000 mét vuông.

Ở những nơi mà đất cư trú rộng, môi trường sống sẽ thay đổi hoàn toàn. Giá mà người Nhật đi về vùng núi, biết tận hưởng tự do từ thiên nhiên và nâng cao tinh thần độc lập của họ như người phương Tây thì giá bất động sản ở các thành phố sẽ tụt xuống rất nhanh.

Ở Mỹ, chúng tôi lướt đi trên những xa lộ băng qua những đồng bằng màu nâu đang dần biến thành sa mạc, nhưng khi đi vào các thị trấn, đột nhiên chúng tôi lại nhìn thấy những cây bụi và cây lớn mọc rất sum suê. Thị trấn điển hình mà chúng tôi tới thăm thì yên tĩnh, sạch sẽ và đầy màu xanh. Bất kể là đi tới đâu, những thị trấn và những khu ngoại ô của dân trung lưu đều được phủ một thảm thực vật, ta chỉ có thể thấp thoáng nhìn thấy các tòa nhà. Nhiều khi còn không trông thấy nhà cửa đâu. Nhà giàu dường như đều muốn đến sống thật xa trên những ngọn đồi. Những căn nhà đẹp nhất thường tọa lạc sâu trong rừng. Ở những thành phố lớn, nơi mà nhiều người nghèo sinh sống thì lại có rất ít màu xanh, hoàn toàn trái ngược với Nhật Bản, nơi mà những người giàu nhất lại sống ở trong các thành phố. Sự khác biệt này, theo tôi nghĩ, là ở chỗ người Nhật không có được cảm nhận về tự do như người phương Tây.

Trong khi đang ngồi trên xe đi dọc theo xa lộ từ bang Oregon tới bang California, tôi nói to thắc mắc của mình, rằng điều gì sẽ xảy ra nếu chúng tôi đứng từ trên nóc xe vãi hạt giống củ cải và cỏ ba lá xuống những dải đất màu nâu bị bỏ hoang ở hai bên đường nhĩ. Một thanh niên đi cùng trên xe lôi từ trong túi ra những gói đủ loại hạt giống khác nhau và đưa cho tôi xem. Anh ta nói mình là một nhà thực vật học “chân đất”⁴³ chuyên về khuẩn cộng sinh với rễ cây và những loại cây cố định đạm. Vài ngày trước anh ta nghe tôi nói chuyện và đã đi theo cùng, bởi lẽ anh cảm thấy ấn tượng với chiến dịch gieo hạt trên sa mạc và muốn giúp một tay.

Ngay khi đi vào địa phận bang California, chúng tôi dừng xe ở khúc ngoặt trên một đoạn đường đèo băng qua núi nhìn ra một cảnh quan rộng lớn khô ráo. Anh ta trao cho tôi chỗ hạt giống và yêu cầu tôi đem gieo chúng. Tôi tung đám hạt từ trên đỉnh con đường đèo xuống thung lũng bên dưới. Những người khác cũng làm điều tương tự và khóc thành tiếng trong niềm vui sướng. Những hạt giống được gió nâng lên và mang đi xa.

Anh ta không phải là người duy nhất. Trên khắp vùng Tây Bắc Thái Bình Dương, tôi đã gặp nhiều nhóm và cá nhân đang tiến hành công việc nghiên cứu mà nhìn chung bị công chúng xem như là chẳng có gì quan trọng. Họ đang thu thập

43 Cách diễn đạt này là để nói tới một người nào đó tự học, đối lập với người qua đào tạo trường lớp.

hạt giống thuần của các loài rau và các loại cây ăn được khác, cùng với những cây có tính chất quan trọng với hệ sinh thái địa phương, cho dù chúng không có giá trị thương mại nhìn thấy được. Họ đang truyền bá các loại cây này, thu thập hạt giống, chia sẻ chúng với nông dân và những người làm vườn khác ở phạm vi gia đình. Đây là một cách làm rất quan trọng để bảo tồn những loài cây hữu ích mà nếu không, các thế hệ tương lai sẽ chẳng còn được trông thấy nữa.

Trồng lúa ở thung lũng Sacramento

Phong trào tiến đến sử dụng các kỹ thuật làm nông tự nhiên ở Mỹ đang lớn mạnh không chỉ trong số những hộ nông dân nhỏ lẻ mà còn ở một số trang trại lớn. Cụ thể, tôi đang nghĩ tới trang trại của gia đình Lundberg - Lundberg Family Farms, là nơi trồng bán gạo lứt đỏ và được biết đến trên khắp nước Mỹ. Bảy năm trước tôi đã đến thăm người chủ của nông trại diện tích 7500 mẫu Anh gần Chico, bang California này để đẩy mạnh việc làm nông tự nhiên và mong học được gì đó về cách trồng lúa trên những cánh đồng rộng bát ngát ở thung lũng Sacramento. Khi nghe xong những gì tôi cần nói, ông Lundberg đã rất vui. “Thật là tuyệt vời! Đây *đúng là* một cuộc cách mạng!” Sau này tôi nghe được rằng ông đã làm đúng như lời tôi nói, bỏ đi sáu chiếc máy kéo

của mình và bắt đầu chuyển đổi sang làm nông tự nhiên, nhưng tôi không biết sau đó thì chuyện diễn ra thế nào.

Khi tôi gặp lại ông trong lần thăm này, ông kể, “Từ khi gặp ông, Fukuoka-san ạ, tôi đã suy nghĩ thông thoáng hơn. Ba người anh em của tôi và tôi bây giờ tất cả đều đang làm nông tự nhiên”. Tôi có thể trông thấy bốn cái máy nâng thóc cỡ lớn đang đứng sừng sững ở bốn vị trí khác nhau trên nông trại. “Có gần một trăm nông dân đã tụ tập lại ở đây ngày hôm nay để kỷ niệm ngày thành lập một hiệp hội mà mục đích là nhắm tới việc tăng sản xuất lúa trồng tự nhiên, ở nơi đây, trong thung lũng này, để ai ai trên khắp cả nước đều có thể mua được. Tôi hy vọng ông chấp nhận chiếc mề đay này vì đóng góp xuất sắc của ông cho công ty của chúng tôi”. Ông trao cho tôi một chiếc mề đay lớn bằng bạc.

Sau đấy, một đoàn xe đưa chúng tôi đi qua những cánh đồng của ông. Lúa trải dài mọi hướng ngút tầm mắt. Thi thoảng chúng tôi dừng lại để ông chỉ cho tôi xem những thử nghiệm của mình. Cuối cùng, chúng tôi để lại đằng sau những ruộng lúa và tới một địa điểm mát mẻ được che nắng bởi nhiều cây xanh, nơi chúng tôi có một buổi ăn uống và vui chơi ngoài trời.

Có một điểm mà tôi để ý thấy là trên hàng ngàn mẫu ruộng lúa này có đầy cỏ lồng vực, nhưng ông Lundberg không bận tâm. Cũng không ai trong số các nông dân khác

đang ngấm ruộng có vẻ bận tâm. Nếu mà ở Nhật Bản, những cánh đồng này sẽ bị coi là thất bại. Người ta sẽ bảo rằng việc có quá nhiều cỏ dại mọc trong ruộng thế này cho thấy phương pháp làm nông tự nhiên có sai sót. Lúc đó tôi bỗng nhận ra ông Lundberg đã trở nên cởi mở trong suy nghĩ thật sự.

Bị ấn tượng với chuyện ông Lundberg có thể bình tâm nhìn tất cả đám cỏ dại này trong bảy năm liền, tôi đồng thời nhìn ra rằng sức sống được cải thiện của đất trồng chính là ngọn nguồn thành công của ông. Bất chấp sự hiện diện của cỏ, các cánh đồng đã sản sinh ra 16 đến 18 gia (4 tạ 8 tới 5 tạ) thóc trên một nghìn mét vuông, là năng suất trung bình của các ruộng lúa thông thường ở Nhật. Và ông đã làm được như vậy, sử dụng những thiết bị thu hoạch cỡ lớn, trong khi các nông dân ở Nhật có lợi thế là tập trung nhiều công sức hơn cho các cánh đồng nhỏ của mình.

Lần trước tôi tới thăm, ông đang làm nông theo kiểu hữu cơ, trồng lúa trên mỗi thửa ruộng, khoảng hai hoặc ba năm một vụ. Các đám ruộng sau khi trồng lúa sẽ được bỏ không trong một năm rồi sẽ được trồng lúa mì mùa hè hoặc lúa mạch mùa đông trong năm thứ hai. Sau khi nói chuyện với tôi và áp dụng phương pháp làm nông tự nhiên, năm nào ông cũng trồng được lúa gạo trên tất cả các thửa ruộng. Thêm nữa, vì đây là gạo được trồng tự nhiên, ông bán được

với giá cao hơn nhiều so với loại gạo lứt thông thường. Chẳng có gì ngạc nhiên khi ông thành công đến thế.

Ông Lundberg cũng đã rất thông minh trong việc bán gạo, kết hợp gạo lứt đỏ với gạo đen và các giống hạt dài thành đủ kiểu pha trộn khác nhau. Ông cũng thể hiện quyết tâm chắc nịch là sẽ không đầu hàng các công ty dầu lửa hay các nhà tư bản đứng đằng sau các công ty ấy, cho dù có phải gặp những khó khăn nào.

Khi tôi thấy nông dân hăng hái trồng ra những giống lúa mới ở gần Chico thuộc trung tâm bang California này, tôi tin chắc rằng việc làm nông tự nhiên sẽ nhanh chóng lan rộng và sẽ đóng góp lớn vào việc đưa gạo lứt toàn phần trở thành một phần chế độ ăn thường ngày của người Mỹ.

Từ làm nông hữu cơ tới làm nông tự nhiên

Trong tương lai, nông nghiệp mang tính công nghiệp ở Mỹ chắc sẽ tăng trưởng, thậm chí còn lớn mạnh hơn do có sự tăng cường đầu tư tư bản vào ngành này. Cùng lúc đó, những người có khuynh hướng sử dụng các phương pháp tự nhiên chắc hẳn cũng sẽ tiến triển từ làm nông hữu cơ sang làm nông tự nhiên.

Tuy nhiên, vấn đề là sự khác biệt giữa làm nông hữu cơ và làm nông tự nhiên nhìn chung vẫn chưa được hiểu rõ. Làm

nông chính thống và làm nông hữu cơ thực ra không khác nhau mấy trong cách tiếp cận của mình. Tôi xem cả hai cách đó đều là các hình thái của nông nghiệp theo kiểu khoa học, với nông nghiệp hiện đại dùng hóa chất là cánh tay phải còn việc làm nông hữu cơ là cánh tay trái⁴⁴.

Cho đến giờ theo như tôi thấy, cách duy nhất là đi theo con đường trở về với tự nhiên. Tôi tin rằng nếu làm thế, chúng ta sẽ thiết lập được những kỹ thuật phù hợp hơn rất nhiều so với công nghệ hiện nay. Mặc dù cách suy nghĩ này vẫn còn mang nhiều cái tên và các hình thái khác nhau, nhưng nó đều dựa trên cách tiếp cận tự nhiên mà tôi đã mô tả trong cuốn *Cuộc cách mạng một-cộng-rơ-m* và cuốn *Cách thức làm nông tự nhiên*.

Chuyện chuyển đổi dần dần từ làm nông hữu cơ sang con đường làm nông tự nhiên, phi khoa học thì tốt thôi. Cũng tốt thôi khi hướng tầm mắt của mình vào cách làm nông mà tự nó nuôi được nó một cách bền vững, kể cả khi người ta vẫn thích sống trên một nông trại có thiết kế cố định. Nhưng những nỗ lực này không nên đặt trọng tâm vào các quy tắc và kỹ thuật. Cái cốt lõi vẫn phải là một thế giới quan thực tiễn và vững vàng. Một khi cái triết lý ấy được thấu

44 Ông Fukuoka thấy không có mấy khác biệt giữa nông nghiệp hiện đại theo kiểu công nghiệp và cách làm nông hữu cơ bởi lẽ chúng đều bắt đầu bằng việc nêu ra cùng một câu hỏi: “Làm thế nào tôi có thể bắt tự nhiên sản xuất một cách hiệu quả nhất cho lợi ích của con người?” Người nông dân công nghiệp tin rằng sử dụng hóa chất là cách hiệu quả nhất, trong khi người nông dân hữu cơ tin rằng, về lâu về dài, sẽ hiệu quả hơn khi sử dụng các nguyên liệu hữu cơ. Thêm nữa, cả hai hệ thống này đều dựa trên việc cày xới đất, là điều mà ông Fukuoka không làm.

triệt, các kỹ thuật thích hợp sẽ trở nên sáng rõ như ban ngày. Tất nhiên, kỹ thuật áp dụng sẽ là khác nhau cho các tình huống và điều kiện khác nhau, nhưng cái triết lý bên dưới sẽ không đổi. Đây là cách trực tiếp nhất để tạo ra một nền nông nghiệp mới, hơn cả việc chỉ đảm bảo có mỗi bền vững không thôi. Nó không những cung cấp đầy đủ cho các nhu cầu của chúng ta, mà còn chữa lành cho trái đất và tâm hồn con người nữa.

Tôi đã nhấn mạnh điểm này khi tới thăm các sinh viên khoa Nông nghiệp Đại học California ở Davis. Khoa Nông nghiệp của trường đại học này đóng vai trò dẫn đầu trong sự phát triển nền nông nghiệp theo kiểu khoa học ở nước Mỹ. Tôi được biết rằng họ có tiếng là một trung tâm nghiên cứu sâu sắc của ngành thực phẩm.

Nhưng ngay cả ở đó, mọi chuyện có vẻ cũng đang thay đổi. Những ngày này, hóa ra là sinh viên đang kéo cả khoa đi theo hướng hữu cơ và những phương cách bền vững hơn trong việc nuôi trồng thực phẩm. Các sinh viên, với tư cách là một nhóm, đang quản lý một trang trại sử dụng các phương pháp làm nông hữu cơ và tự nhiên, thế nên tôi đã quyết định đi tới đó, xem họ đang làm gì, và nói chuyện cùng họ.

Thật thú vị khi thấy các sinh viên này đang trồng nhiều loại cây mùa vụ giống thuần chủng cùng với các loại cây

thuốc và cây phủ đất. Dầu vậy, tôi vẫn nghĩ việc sử dụng các loại cây phân xanh của họ chẳng hạn như cỏ ba lá và cỏ linh lăng - các loài cây căn bản dùng để cải thiện đất - là không đủ. Họ đang đặt trọng tâm ưu tiên vào việc trồng những loại cây mùa vụ sản lượng cao và trì hoãn những nỗ lực cải thiện đất. Tôi có một cảm giác rằng họ vẫn không chắc về sự khác nhau giữa làm nông hữu cơ và làm nông tự nhiên. Tôi đã nói với họ, nếu tiếp tục làm theo kiểu này thì họ sẽ không đem lại tác động gì lớn lao cho thế giới cả.

Người đứng đầu của nhóm, một thanh niên có xuất thân từ Ethiopia, đặt câu hỏi đầu tiên, và rồi sau đó một loạt các câu hỏi khác được tới tấp đặt ra cho tôi. Đây là một số câu hỏi của họ:

“Các khóa về nông học có vẻ như là vô dụng. Giao tiếp với tự nhiên thông qua sách vở chẳng phải là điều bất khả thi hay sao?”

“Khi đất đai càng ngày càng trở về gần với trạng thái thật của tự nhiên, phương pháp làm nông tự nhiên sẽ không mất đi giá trị đối với con người chứ?”

“Ông nói về việc trở thành một với tự nhiên, nhưng làm thế nào chúng ta đạt được điều đó? Qua quan sát tự nhiên à?”

“Ông có nghĩ việc trồng các giống cây cổ là lối tắt quay trở về với tự nhiên không?”

“Ông nói rằng chúng ta không nên dựa vào tri thức hay hành động của con người. Như thế thì việc trồng các giống bí ngô cải tiến sẽ vi phạm tinh thần làm nông tự nhiên à?”

“Ông nói rằng chúng ta phải trò chuyện với cây trồng. Như vậy có nghĩa là bọn bí ngô có thể biết buồn và chúng ta có thể giúp chúng vui lên sao?”

Nhiều chủ đề mới lạ và những câu hỏi khó nhằn đã được đưa ra. Những đáp án thú vị và độc đáo cũng nảy ra từ trong nhóm. Khi các sinh viên bắt đầu phấn khích nói lớn tiếng, một đám đông khán giả đã tụ tập lại quanh chúng tôi.

Tôi nói rằng vũ trụ quan triết học và các cách nhìn của tôn giáo về cơ bản là một. Cách nhìn của xã hội và cách nhìn của sự sống cũng là một. Nếu ta hiểu tánh linh của một bông hoa thì ta sẽ hiểu vạn vật. Ta hiểu rằng tôn giáo, triết học và khoa học là một, và cùng lúc đó, chúng chẳng là gì cả.

Sẽ thật là phi lý khi nói, “Tôi là một người có tôn giáo. Tôi hiểu tinh thần của Thượng đế nhưng không hiểu tinh thần của một cây bí ngô”. Hay, “Tôi kiếm sống bằng nghề dạy triết học, thế nên tôi chẳng thấy cần và cũng không muốn trở thành nông dân và đi trồng cây”.

Không hiểu được việc biết mọi thứ qua trực giác là như thế nào, người ta đã đi kiếm tìm tri thức và trở nên lạc lối. Bởi lẽ người ta không thực sự hiểu nước tự nhiên là gì, nên họ tin rằng nước lấy từ vòi và nước ở trong một con sông là như nhau.

Những câu trả lời của tôi thì như sau:

“Các khóa học của các bạn không thú vị vì các bạn ngồi nghe giáo sư giảng về tự nhiên bên trong những lớp học được chiếu sáng bằng đèn huỳnh quang. Mọi người đều cảm thấy thoải mái khi nói chuyện với nhau như chúng ta lúc này, dưới nắng hoặc trong bóng mát của một cái cây, đúng không?”

“Hãy đi hỏi cây bí ngô liệu nó vui hay là buồn. Nhưng thay vì hỏi cây bí ngô, ta nên hỏi chính bản thân mình.

“Khi người ta cố trồng cây bằng tri thức của con người, họ sẽ chẳng hơn gì một người nông dân thuần túy. Nếu họ có thể nhìn vào mọi thứ với một tâm trí rộng rang như một đứa trẻ, thì khi ấy qua cây trồng và lao động của chính mình, họ sẽ có thể nhìn thấu toàn bộ vũ trụ.

“Khi người ta được giải phóng khỏi cái ý tưởng rằng họ là những người đã tạo ra mọi thứ, và chịu từ bỏ kiến thức của loài người, tự nhiên sẽ quay trở về hình tướng thực của nó. Sự tái sinh của tự nhiên không đơn giản chỉ là sự quay về

với cái sơ khai, mà nó là sự quay trở về với cái phi thời gian. Phương pháp làm nông tự nhiên của tôi nhắm vào việc giải phóng trái tim con người. Đây là những gì dễ hiểu nhất mà tôi có thể phát biểu được”. Khi tôi kết luận bằng những lời ấy, một cô gái trong nhóm buột miệng, “Nó thật quá dễ hiểu đến nỗi tôi chẳng hiểu được bất cứ điều gì ông nói cả”, mọi người phá lên cười.

Khi tôi nói tiếp, “Dùng một từ để nói thì mọi thứ đều hoàn toàn vô dụng, trong thực tế thì tôi quên mất điều mình vừa mới nói với các bạn rồi”, thì một sinh viên khác chọc tôi, nói, “Một ‘từ’ đó của ông cũng là vô dụng thôi”. Câu trêu chọc đó đem lại một tràng cười khác, và tôi nhớ lúc đó đã nghĩ đây là một trong những cuộc thảo luận thú vị nhất mà tôi từng có. Cuối cùng, tôi bảo họ là tôi muốn họ giữ bí mật cuộc trò chuyện của chúng tôi, không cho các giáo sư trong trường biết. Các sinh viên một lần nữa lại cười rộ.

Lúc buổi nói chuyện kết thúc, có hai vị trông ngại ngùng bước lên chỗ tôi. Sau khi chúng tôi bắt tay nhau, tôi nhìn vào những tấm danh thiếp mà họ trao cho mình. Họ là các giáo sư dạy ở trường này; một là trưởng Khoa Nông nghiệp. Họ nói với tôi rằng họ thấy ấn tượng với những gì tôi đã nói và hứa là sẽ sử dụng chúng thật tốt trong việc hướng dẫn cho các sinh viên trong tương lai.

Hai hội nghị quốc tế

Hội nghị quốc tế về Canh tác bền vững được tổ chức vào tháng tám năm 1986 trong một khuôn viên yên tĩnh dày đặc những cây lớn tại Học viện Evergreen ở thủ phủ Olympia, bang Washington. Kiến trúc của sảnh chính nơi các cuộc hội họp lớn diễn ra thì cực kỳ độc đáo, là một chuỗi liên tiếp các bậc hội trường. Hơn bảy trăm người tới tham dự hội nghị.

Diễn văn khai mạc được đọc bởi một trong những giáo sư của trường - một thổ dân Mỹ. Ông đội một chiếc mũ lông chim, còn bộ lễ phục oai hùng của ông trông thật ngoạn mục. Tôi rất ấn tượng với bài diễn văn của ông, trong đó ông trích dẫn những huyền thoại của người da đỏ Mỹ cổ xưa liên quan tới mối quan hệ giữa tộc người của ông với tự nhiên. Nó nhắc cho tôi nhớ rằng mình thực sự đang ở Mỹ.

Trong ngày đầu tiên, có các bài diễn văn mang tính giới thiệu được phát biểu bởi nhiều người đến từ nhiều nước khác nhau. Sự kiện chính thức thì bao gồm các bài nói của Bill Mollison, người đồng sáng lập ra phương thức canh tác bền vững (permaculture), đến từ nước Úc; Wes Jackson, người sáng lập ra Học viện Đất đai ở Salina, Kansas; và tôi.

Canh tác bền vững của Mollison là một hệ thống không cày xới, sử dụng các loài thực vật và cây lâu năm để tạo nên

các trang trại trù phú cùng các cộng đồng dân cư có khả năng phục hồi nhanh, được thiết kế theo cảnh quan tự nhiên. Các trang trại được thiết kế để tự duy trì chính chúng một cách vô hạn định mà không cần phải đưa các nguyên vật liệu từ bên ngoài vào. Nó dựa trên nông nghiệp hữu cơ và có vẻ là có khá nhiều người ở Úc, ở Mỹ và khắp nơi trên thế giới đi theo.

Jackson thì nhắm tới việc phát triển các phương pháp làm nông sử dụng càng ít nhiên liệu hóa thạch càng tốt. Nếu chúng ta không hạn chế việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch, ông tin rằng sẽ không có tương lai nào cho nông nghiệp cả. Ông đang làm việc để phát triển các loại cỏ bản địa lâu năm thành cây lương thực và qua đó sẽ loại trừ được nhu cầu phải cày đất. Có vẻ Jackson, trong khi về căn bản chấp nhận cách tiếp cận khoa học, cũng đang tìm kiếm những khởi đầu mới cho một nền nông nghiệp mới.

Tôi được giới thiệu bởi người điều phối hội nghị là “một người cổ vũ cho cách làm nông tự nhiên, là thứ được thành lập trên triết lý cái Vô (*Mu*) và là người phủ nhận giá trị của khoa học”.

Ý tưởng ở đây là tìm một nền tảng chung từ ba quan điểm riêng biệt và thiết lập một con đường mới, tốt hơn cho nền nông nghiệp trong tương lai. Vào ngày tiếp theo, ba chúng tôi tiến hành một cuộc hội thảo. Chúng tôi được xếp ngồi

cùng nhau trên sân khấu, cuộc thảo luận diễn ra với định dạng hỏi-và-trả-lời, theo phong cách tranh luận.

Các câu hỏi đã được đưa ra cho chúng tôi từ ngày hôm trước, và cuộc hội thảo đang diễn biến một cách trơn tru theo chương trình, cho tới khi không ai ngờ tới bỗng biến thành một vở hài tếu khiến cho tất cả mọi người cười rầm rầm. Mollison nói thứ tiếng Anh với giọng Úc nặng, thế nên Jackson chọc ông, nói rằng ông ấy không hiểu được bất cứ từ nào mà Mollison nói. Buồn cười hơn nữa là tôi có ba người thông dịch viên, và mỗi khi tôi nói gì đó là họ phải dịch ba lần khác nhau. Ai đó trong đám khán giả nói đùa họ không hiểu Fukuoka thực ra là đang nói gì nữa. Khán giả nhận ra là thật khó mà thâm nhập được mấu chốt của ngôn ngữ và cách diễn đạt của người phương Đông. Mọi người vừa bối rối vừa thấy tò mò hấp dẫn, sự trao đổi qua lại giữa những câu hỏi lạ lùng và những câu trả lời thậm chí còn lạ lùng hơn đã tiếp tục diễn ra trong những tràng cười.

Cuối cùng, tôi vẽ bức tranh con lừa của Don Quixote. Trên lưng của nó là một Bill mù và một Wes điếc, cả hai đang cưỡi lừa ngược, còn tôi thì đang treo mình một cách vô vọng trên cái đuôi đang quật vun vút của nó. Ba chàng Don Quixote, hy vọng quay trở về được với tự nhiên, đang cố ngăn cho con lừa khỏi lao đầu một cách điên cuồng về phía bờ vực thảm họa, nhưng xem chừng vô vọng. Ai đó lên

tiếng hỏi chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo, thế nên tôi vẽ thêm ngài tổng thống Reagan đang ngồi ở khúc trên của lưng lừa, treo lưng lửng một củ cà rốt trước mũi nó. Khi tôi đặt câu hỏi, “Củ cà rốt đó được cho là cái gì?” ai đó đã trả lời một cách chính xác, “Tiền”.⁴⁵

Hội nghị tiếp theo mà tôi tham dự diễn ra sau đó một tuần, tại Đại học California ở Santa Cruz. Khuôn viên trường đại học này được xây dựng trên một khu đất rộng theo ý niệm mới. Khi bước vào cổng, ta sẽ thấy mình ở giữa đám rừng sồi, thích và tùng gỗ đỏ. Để bảo tồn khu rừng, các tòa nhà được xây dựng sao cho trông chúng có vẻ như ẩn hiện giữa đám cây, và khoảng cách giữa các tòa nhà thường là quá xa để đi bộ. Hầu hết các sinh viên đều dùng xe đạp.

Bài nói của tôi nằm ở cuối cùng của lịch trình thế nên tôi có rất nhiều thời gian. Khán phòng chật kín chỗ. Một nửa số người ở đó là những người ủng hộ phong trào tự nhiên đến từ khắp nơi trên thế giới, trong khi một nửa kia là các nhà khoa học có mối quan hệ với trường đại học. Tôi được bảo là có khả năng nhiều người trong số họ ủng hộ cách làm nông theo kiểu khoa học. Bầu không khí đầy căng thẳng.

Tôi đã đưa kèm những câu chuyện đùa vào trong bài nói của mình, và tôi nghĩ khán giả thích thú nghe tôi nói. Nhưng khi người thông dịch bắt đầu đọc câu phát biểu cuối của tôi,

45 Bức vẽ này được sao chép lại, in ở đầu của chương này.

là câu mang tính phủ định giá trị của khoa học, khán phòng đột nhiên rơi vào im lặng. Tôi không biết điều gì đã xảy ra và thấy khá là quan ngại. Người điều phối sau đó đã kêu gọi mọi người đưa ra nhận xét. Hai người giơ tay được mời phát biểu.

Người đầu tiên tới từ Ấn Độ. Ông ta nói rằng những ý tưởng của tôi giống với của Gandhi, và rằng các sách vở thời Ấn cổ xác nhận rằng nền nông nghiệp không cày xới đã được thực hành ở đó từ lâu lắm rồi. Ông ta kết luận bằng việc lên tiếng tán thành các phương pháp và ý tưởng làm nông của tôi.

Người đàn ông đứng lên tiếp theo là một giáo sư dạy cả tôn giáo lẫn triết học. Ông đã không đồng ý với tôi ngày hôm trước trong một buổi hội nghị chuyên đề. Ông phê phán triết học của Socrates trong khi tôi lại bảo vệ nhà tư tưởng người Hy Lạp đó, nói rằng dù cho tôi bác bỏ mọi triết gia Tây phương tính từ Descartes trở đi, nhưng tôi không thể nào phủ nhận được sự thật dù trong chỉ một âm tiết mà Socrates đã nói ra. Chúng tôi đã không đi đến được kết luận nào và đồng ý sẽ nói lại về vấn đề này ngày hôm sau.

Tất nhiên, tôi dự kiến là ông ấy sẽ phản bác lại luận điểm của tôi, nhưng thay vào đó, ông ấy lại quay mặt về phía khán giả và làm một bài diễn văn dài tới năm phút. “Ông Fukuoka đây đã giải thích, theo dòng chảy của triết học

phương Tây, việc các vị như Descartes, Locke, Kant, Hegel và những người khác đã thiết lập nền tảng cho khoa học hiện đại như thế nào. Hơn thế nữa, ông ấy phủ định các nguyên lý cơ bản được thiết lập bởi các triết gia này, và đã thành công trong việc bảo vệ luận điểm của mình. Tôi khá ngạc nhiên về điều này. Chúng ta không thể không công nhận rằng nền nông nghiệp theo khoa học hiện đại đã dựa trên những nguyên lý có lỗi hổng. Tôi hoan nghênh triết lý và các phương pháp làm nông của ông Fukuoka với tư cách là một hướng tiếp cận mới, sẽ giúp tạo dựng nên một tương lai tốt đẹp hơn cho thế giới này”.

Khi bài diễn văn của ông kết thúc, người ta vỗ tay rào rào như sấm dậy. Tôi chìm trong cảm xúc, nghĩ rằng đúng là có một mục đích cho chuyến đi tới nước Mỹ này của tôi thật. Tôi cảm thấy như thể một gánh nặng đã được nhấc khỏi đôi vai mình.

Những cây tuyết tùng Nhật Bản ở Trung tâm Thiên

Sau khi tới thăm một vài nơi ở khu Bờ Đông, và trước khi bắt đầu lên đường về nước, tôi đã dừng lại ở nông trại Green Gulch của Trung tâm Thiên nằm bên ngoài San Francisco, một nơi tôi đã từng tới thăm bảy năm về trước.

Nông trại được bao quanh bởi những ngọn đồi trọc, trông giống như vùng đất xa-van của sa mạc, nhưng xét tới việc có một cánh rừng gỗ đỏ ở khu công viên quốc gia gần đấy, thì nhiều khả năng nơi này vào thời cổ đại đã từng là rừng.

Người hướng dẫn viên lần tôi tới thăm hồi trước là Harry Roberts⁴⁶. Ông Roberts là một thổ dân Mỹ, hồi đó đang giúp các học viên làm nông. Thật không may là lần này ông không còn ở đấy nữa. Trong lần tới thăm trước của tôi, ông Roberts và tôi đã cùng nhau băng rừng Muir, qua những cây tùng gỗ đỏ. Chúng tôi đã trông thấy những cái cây khổng lồ cao tới 60 đến 80 mét cùng với những cây dương xỉ hình kiếm và những cây việt quất mọc trùm trên một bề mặt rộng lớn. Tôi đã bảo ông rằng hệ sinh thái có sự pha trộn giữa những cây lớn và những cây tầng thấp như thế này rất giống với những khu rừng nguyên sinh ở Nhật. Chúng tôi đồng ý với nhau rằng thực tế này đã cho chúng tôi một manh mối để tái sinh thảm thực vật trong những vùng rừng California. Khi chia tay, tôi đã bảo với ông, “Ông là vệ thần của những cánh rừng nước Mỹ. Ông là một người khổng lồ cả về thể xác lẫn tinh thần”. Ông trả lời, “Thân hình của ông nhỏ bé

⁴⁶ Sinh vào năm 1906, Harry Roberts là một thành viên của bộ lạc Yurok. Ông đi học ở Vùng vịnh San Francisco nhưng vào các mùa hè lại về sống cùng với những người Yurok trên con sông Klamath ở Bắc California. Ông Roberts được rèn luyện trong hai mươi năm để thành “nhân vật cấp cao” của bộ lạc, người được tin tưởng gánh vác dòng truyền thừa cho dân tộc mình. Trong suốt cuộc đời nhiều sự kiện của mình, ông đã làm thợ rèn, đầu bếp, chăn bò, chuyên gia làm vườn, nhà tự nhiên học, cố vấn tâm linh và nhiều thứ khác nữa. Vào những năm 1950, ông đã trồng những cây thủy sam *Metasequoia* đầu tiên ở California. Những cây này có thể tìm thấy tại công viên Cổng Vàng ở San Francisco, trong Vườn thực vật học California ở Berkeley, ở các công viên và sân chơi trên khắp vùng Bắc California.

đấy, nhưng đối với tôi ông là một người khổng lồ của phương Đông”, và tất cả mọi người được một trận cười ra trò.

Những cây tùng gỗ đỏ nhanh chóng mọc lên to lớn, nhưng bộ rễ của chúng thì ăn nông, nên dễ bị đổ, trừ phi được nâng đỡ bởi hệ thống rễ của những cây bên cạnh. Bây giờ điều này lại càng đặc biệt đúng khi mà trong khu vực có cây tùng gỗ đỏ, rất nhiều đất mặt đã bị xói mòn. Trái ngược lại, loài thông liễu (*Cryptomeria*) ở đảo Yaku và Yanase, hay còn gọi là tuyết tùng Nhật Bản, họ hàng với tùng gỗ đỏ, lại đâm rễ sâu, có thể xuyên qua lớp đất ở bên dưới lớp đất mặt. Tôi hứa sẽ gửi cho ông hạt giống của các chủng loại đó. Sau khi trở về Nhật Bản tôi đã gửi cho ông một vốc đầy hạt giống, để đáp lại ông đã gửi cho tôi một cái cốc làm từ tùng gỗ đỏ.

Tôi có nghe rằng ông đã cẩn thận đem trồng những hạt giống thông liễu ấy, và khi tới thăm Trung tâm Thiền lần này, lúc các học viên tới chào tôi, điều đầu tiên là họ cho tôi xem một tấm hình chụp ông Roberts.

Tấm hình cho thấy vị trưởng lão đáng kính này được bao quanh bởi các học trò của mình trong giờ phút cuối cùng của cuộc đời. Ông tự ngồi lên và đang trồng những hạt giống vào trong một cái hộp nông dùng để ươm cây. Họ kể tôi nghe rằng ông đã nói, “Những hạt giống này là linh hồn

của ông Fukuoka. Hãy gieo chúng một cách cẩn thận, và khi những cây con đã mọc lên, hãy trồng chúng ở ba thung lũng đằng kia”. Không lâu sau khi đưa ra những lời dặn dò ấy, ông ra đi.

Khi tôi nghĩ về việc thế nào mà ông ấy, với cơ thể to lớn giống với hình ảnh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nằm tựa khi nhập Niết Bàn, lại quan tâm nhiều đến thế về những hạt giống tôi đã gửi tới, và vẫn luôn bận lòng sâu sắc tới việc tái phủ xanh những khu rừng và sa mạc đến vậy, một cảm giác nghèn nghẹn dâng lên trong cổ họng tôi, và tôi không thể nào nói lên lời.

Mười người hay hai mươi người gì đấy đưa tôi đi thăm nơi mà ông đã bảo họ trồng những cây con xuống. Nhiều cây thông liễu con đang mọc lên ở đó; một vài trong số chúng đã cao tới gần hai mét. Những cái cọc sắt được cắm xuống đất quanh mỗi cây, và hàng rào dây thép được chằng bao quanh chúng. Họ nói rằng việc này có tác dụng bảo vệ cây khỏi bị hươu nai và các động vật hoang dã khác phá. Tôi nhận ra là những thanh niên này đã phải trải qua nhiều chuyện rắc rối đến thế nào.

Một ai đó nói, “Thầy chúng tôi hẳn sẽ rất vui khi ông tới thăm nơi này. Ông ấy đang yên nghỉ trên sườn đồi phía đằng kia”. Khi nhìn băng qua thung lũng theo hướng mà họ đang chỉ, tôi có thể thấy một vị trí đất diện tích khoảng hai mét

vuông, nơi một số tảng đá được xếp lên nhau một cách sơ sài. Nó cũng tương tự như những nơi đặt mộ mà tôi đã trông thấy ở vùng sa mạc của Somalia.

Một người nói, “Thầy của chúng tôi hẳn là đang lên tiếng gọi ông đấy, bảo rằng, ‘Chúng ta hãy cùng nhau trồng những hạt mầm trên sa mạc nhé’”.

Tôi đùa đùa trả lời, “Trông có vẻ như đấy là một nơi nằm thoải mái. Có lẽ cũng không tệ chút nào khi được nằm xuống đó cùng với ông ấy nhỉ”. Nhưng ngay khi nói thế, tôi bật khóc không gì cản được.

Phải, đúng thế. Người đàn ông đang nằm đó từng là một người gieo hạt trên sa mạc. Khi tôi nghĩ tới chuyện, có thể ông là người duy nhất tôi từng gặp hiểu được tôi như thế nào, người có thể sống chết cùng tôi ra sao, tôi đã đứng chôn chân ở đó, chẳng màng gì đến dòng lệ đang tuôn rơi xuống má.

Tôi không hiểu sao mình lại khóc như thế. Thậm chí tôi đã không nhỏ lệ khi chính mẹ mình và cha mình mất đi. Đây là lần thứ hai tôi khóc trong vòng năm mươi năm trời. Đầu tiên là vào lần tới thăm trước đây, khi tôi nói chuyện tại một trại hè được tổ chức giữa cánh rừng tuyết vời ở French Meadows, Sierra Nevada. Lúc đó tôi đang nhớ lại mùa xuân năm tôi hai mươi lăm tuổi - lúc trải qua sự kiện

biến đổi tâm thức ấy của mình, và vừa mới hỏi nhóm người ở trại hè, “Bản tính thực là gì?” Đột nhiên tôi nói không lên lời, dòng lệ từ mắt tôi chảy xuống. Tôi đã phải ngừng bài nói của mình nhiều phút liền. Tình huống lần này thì hoàn toàn khác hẳn so với lúc đó, nhưng tôi có cảm giác rằng chúng cùng là những giọt lệ ấy.

Ông Roberts không còn ở đó. Cả thể xác lẫn linh hồn của ông không còn ở trong thế gian này nữa. Chính bởi tôi biết linh hồn của ông thậm chí không còn trôi nổi ở cõi nào khác, nên tôi mới có thể khóc được. Tôi cảm nhận rằng những giọt nước mắt này chảy ra từ một nơi vượt trên sự sống và cái chết, và rằng, trong thực tế, lúc ấy tôi đang được tắm trong những giọt lệ ngất ngây.

Những người ở Trung tâm Thiền hản là cũng có cùng một cảm giác. Họ để tôi một mình trong khi tôi ngẩng lên nhìn bầu trời California xanh thẳm. Thế rồi cuối cùng, chúng tôi bắt đầu vui vẻ chuyện trò trở lại, hướng trở về Trung tâm Thiền.



PHỤ LỤC A

Tạo Lập Một Trang Trại Tự Nhiên Ở Các Vùng Ôn Đới Và Cận Nhiệt Đới

KHI BẮT ĐẦU MỘT NÔNG TRẠI TỰ NHIÊN, câu hỏi đầu tiên ta có thể đưa ra là nó nên được đặt ở đâu và làm thế nào ta chọn được vị trí trong đó để sinh sống.

Ta có thể chui vào một khu rừng trên núi và sống trong sự cô lập tuyệt vời, nếu thích kiểu như thế, nhưng thường thì sẽ tốt hơn nếu tạo lập một nông trại ở vùng chân núi thôi. Trong một khu vực hơi cao hơn một chút so với đáy thung lũng thì khí hậu sẽ đẹp hơn; như thế cũng ít có khả năng bị ngập lụt. Sẽ dễ kiếm được củi đốt, trồng được rau và tìm thấy những vật liệu khác cần thiết để thỏa mãn các nhu cầu về thức ăn, quần áo mặc và chỗ trú ngụ. Nếu có một con sông gần bên, cây trồng sẽ dễ sinh trưởng phát triển hơn, và ta có thể kiến tạo một cuộc sống vừa ý cho bản thân mình.

Bất kể mảnh đất ấy như thế nào, ta đều có thể trồng cây nếu chịu bỏ công, nhưng sẽ dễ dàng hơn nếu chỗ đó đất màu mỡ và có thiên nhiên hào phóng. Sẽ là lý tưởng nếu tìm được nơi có những cây lớn mọc ken dày trên những ngọn đồi, lớp đất mặt đủ sâu có màu đen hoặc nâu sậm, và sẵn nước sạch để dùng. Nông trại tự nhiên không nên chỉ bao gồm những cánh đồng mà còn phải có cả những ngọn đồi và những cánh rừng bao quanh nữa. Một môi trường tốt và một cảnh trí đẹp là những yếu tố tuyệt vời cho cuộc sống đáng sống, cả về mặt vật chất lẫn tinh thần.

Những cánh rừng phòng hộ tự nhiên

Nền tảng để đạt tới thành công là phát triển một lớp đất mặt đủ sâu và màu mỡ. Sau đây là một số phương pháp để đạt được điều này.

1. Đem chôn những loại vật chất hữu cơ thô xuống đất là một cách, chẳng hạn như thân và cành cây mục, nhưng việc này đòi hỏi phải bỏ ra rất nhiều công. Nhìn chung thì, tốt hơn hết cứ để cho cây cối làm việc ấy cho ta.

2. Hãy trồng cây gỗ, cây bụi, cỏ và các loại cây họ đậu có bộ rễ lan rộng. Những bộ rễ này sẽ làm mềm đất và mang dưỡng chất từ những tầng đất thấp hơn lên lại bề mặt, cải thiện nó một cách dần dần.

3. Khiến cho nước mưa chảy qua đất trang trại từ những khu đồi núi dốc có trồng cây gỗ ở phía trên trang trại. Nước này sẽ mang theo dưỡng chất từ lớp giàu mùn của bề mặt đất rừng. Điều thiết yếu là phải duy trì một nguồn cung cấp liên tục các vật chất hữu cơ được tạo thành từ chính nông trại. Nguồn này hình thành nên nền tảng của sự màu mỡ cho toàn bộ hệ thống.

Ta có thể cải thiện những cánh rừng phòng hộ ở những khu đồi núi dốc phía trên nông trại, nhưng nếu chưa có sẵn những đồi cây thì rừng cây mới hay các bụi tre phải được kiến tạo. Khi tạo lập hoặc cải thiện rừng phòng hộ, ta phải trồng hỗn hợp các loại cây gỗ, cây bụi và cây phủ đất - chúng có ích cho nhiều mục đích khác nhau. Lấy ví dụ, chúng có thể hữu dụng trong việc làm nguồn nhiên liệu đốt và vật liệu xây dựng, làm môi trường sống cho chim muông và côn trùng, sản xuất ra thực phẩm cho thú nuôi trong trang trại, cho thú hoang và cho con người. Cũng sẽ rất tốt nếu bao gồm cả những loài cây có ích trong việc dùng làm thuốc chữa bệnh, dẫn dụ côn trùng và cải tạo lớp đất mặt. Thường thì một loại cây sẽ đảm trách được nhiều chức năng trong số này. Ý tưởng ở đây là để cho tất cả các yếu tố có mặt trong trang trại làm việc cùng với nhau như một thể thống nhất.

Gây rừng phòng hộ

Lớp đất mặt ở trên đỉnh đồi hay trên chóp núi thường mỏng và khô, để lại đồi trọc ở trên đỉnh. Ở những nơi như thế này, trước tiên chúng ta phải trồng những loại cây bò lan như rau diếp đắng yếu (*Ixeris debilis*) và sắn dây (*Pueraria lobata*)⁴⁷ để chặn đứng sự xói mòn đất, rồi sau đó trồng hoặc gieo hạt giống các loại thông và bách Sawara (*Chamaecyparis pisifera*), biến nó thành một cánh rừng thường xanh. Ban đầu thì những loại cỏ mọc nhanh chẳng hạn như cỏ lau eulalia (*Miscanthus sinensis*) và cỏ tranh (*Imperata cylindrica*), các loại dương xỉ chẳng hạn như dương xỉ điều hâu (*Pteridium aquilinum*) và dương xỉ bò trườn (*Diplopterygium spp.*), với các loại cây bụi chẳng hạn như cỏ ba lá mọc thành bụi (*Lespedeza spp.*), cây linh (*Eurya japonica*), cùng những cây bách, sẽ mọc ken dày. Dần dần, khi lớp đất mặt được cải thiện, những cây này sẽ được thế chỗ bởi một loạt những loài cây khác. Cuối cùng, những cây hỗn loài khác sẽ bắt đầu mọc lên đây đó từ những hạt giống mà bản thân cây cối lưu trữ, hay nhờ vào muông thú, chim chóc và gió mang tới.

47 Sắn dây là loại dây leo sinh trưởng nhanh, mọc tự nhiên ở Nhật Bản và miền Nam Trung Quốc. Nó rất hữu dụng trong việc hồi phục lại đất nghèo hoặc đã bị tổn hại; củ, lá và hoa của nó được sử dụng rộng rãi trong ẩm thực châu Á. Kể từ khi được đưa vào nước Mỹ, nó đã mọc lan tràn ở nhiều khu vực, đặc biệt là ở vùng Đông Nam. Ở Nhật thì không như thế. Các loại thực vật được đề cập ở trong mục này là đại diện cho các loại mà ông Fukuoka dùng cho nhiều mục đích khác nhau trong khi phát triển nông trại tự nhiên của mình ở Nhật Bản. Các loài cây khác cùng chức năng nhưng phù hợp hơn với điều kiện địa phương nên được dùng để thay thế một cách tương ứng.

Trên sườn đồi núi, sẽ thật tốt khi trồng những loại cây thường xanh chẳng hạn như bách hinoki (*Chamaecyparis obtusa*) và long não, cùng với hỗn hợp những cây khác chẳng hạn như tầm ma Tàu (*Celtis sinensis*), cây du zelkova Nhật (*Zelkova serrata*), cây hồng (*Paulownia tomentosa*), anh đào, thích, và khuynh diệp (bạch đàn). Dưới chân đồi núi và đáy thung lũng thì thường lớp đất mặt màu mỡ hơn và sâu hơn, thế nên ta có thể trồng những loại cây như óc chó và bạch quả giữa đám cây thường xanh chẳng hạn như tuyết tùng Nhật (*Cryptomeria japonica*) và sồi.

Những rừng tre nhỏ cũng hữu ích trong việc làm rừng phòng hộ⁴⁸. Từ măng, cây tre mọc tới hết cỡ chiều cao chỉ trong một năm. Tốc độ tăng trưởng sinh khối của nó lớn hơn nhiều so với những cây lấy gỗ thông thường, thế nên nó khá là có giá trị như một nguồn vật liệu hữu cơ thô khi đem chôn xuống.

Măng của loài tre Moso (*Phyllostachys edulis*) và của các loài tre khác đều ăn được. Khi khô đi, các giống tre trở nên nhẹ và dễ mang vác. Tre phân hủy chậm khi đem chôn, thế nên nó rất hữu hiệu trong việc giữ nước và không khí ở trong đất. Chất hữu cơ sản sinh ra từ quá trình phân hủy tre rất tuyệt vời trong việc cải tạo cấu trúc đất.

48 Tre là loại cây thảo sinh trưởng nhanh, thích nghi rộng, có thể dễ dàng trồng và chăm sóc một cách bền vững. Nó có vô số công dụng như làm quần áo mặc, làm giấy, đồ gia dụng, làm củ đun, vật liệu xây dựng và làm thức ăn. Chủ yếu có hai loại tre: tre bụi và tre chạy. Cần để ý trồng đúng loại tre, vì đôi khi các loại tre chạy sẽ trở nên khó kiểm soát.

Cây chắn gió

Cây trồng để chắn gió có giá trị không chỉ trong việc tránh những hư hại gây ra bởi gió mà còn giúp duy trì độ màu mỡ của đất, lọc nước thải và nhìn chung thì giúp cải tạo môi trường cho mọi sinh vật. Các chủng loại mọc nhanh là tuyết tùng Nhật, bách hinoki, keo và long não. Cây hoa trà, cây ngô đồng (*Firmiana simplex*), cây dâu tây thân gỗ (*Arbutus ubedo*) và cây hồi (*Illicium verum*) cho dù mọc chậm thì vẫn có quá chừng ích lợi. Tùy thuộc vào điều kiện, ta cũng có thể sử dụng những loại cây chẳng hạn như sồi thường xanh, giang núi (*Ternstroemia japonica*), và nhựa ruồi.

Tạo lập vườn cây ăn trái

Để tạo lập một vườn cây ăn trái tự nhiên, hãy dùng cùng một cách tiếp cận như khi ta trồng cây ở trong rừng. Hãy cắt tỉa cây theo từng giai đoạn, không lấy gì từ chỗ đất đó cả - điều đó có nghĩa là những thân cây lớn, cành, lá - tất cả đều được để đó cho tự mục. Những thứ cắt tỉa xuống này có thể xếp dọc theo các đường đồng mức, để ứng biến làm thành các thềm bằng phẳng.

Ý tưởng ở đây là tạo lập một vườn cây ăn trái hỗn giao mà không phải phát quang đất, chỉ tỉa thưa nó thôi. Ngày nay, người ta thường dùng xe ủi đất để phát quang đất rừng làm

vườn cây ăn trái. Những bề mặt dốc gồ ghề được san phẳng và làm đường để dễ dàng quản lý bằng cơ giới hóa.

Việc sử dụng cơ giới để làm đường đi trong vườn khiến cho việc áp dụng phân bón và các hóa chất nông nghiệp khác dễ dàng hơn, nhưng những việc đó là không cần thiết trong phương pháp tự nhiên. Công việc nặng nhọc duy nhất là thu hái trái cây, và việc này được thực hiện bằng tay. Tôi tin rằng thực ra sẽ có nhiều khả năng thành công hơn nếu ta chỉ có ít tiền khi bắt đầu lập vườn. Theo lối đó, ta sẽ không có dịp đưa máy móc cũng như tiền vốn vào.

Lá và cành của những cây bị tỉa thưa và bỏ lại trên mặt đất ấy, cùng với rễ cây trong đất sẽ từ từ mục ra, trở thành nguồn phân bón hữu cơ lâu dài. Chúng sẽ cung cấp dưỡng chất cho những cây ăn trái còn non trong khoảng thời gian cần thiết cho tới khi chúng lớn lên tới kích cỡ của những cây gỗ đã bị tỉa thưa đi.

Thêm vào đó, những vật chất hữu cơ này cung cấp một môi trường thuận lợi cho lớp thực vật phủ đất sinh trưởng. Lớp phủ đất giúp kiềm chế cỏ dại, tránh xói mòn lớp đất mặt, kích thích các vi sinh vật trong đất, cải thiện cấu trúc và sức sống nói chung của đất.

Cũng giống như những cây gỗ được trồng trong một khu rừng, cây ăn trái tốt nhất nên được trồng dọc theo các

đường đồng mức. Nếu có thể thì ta nên đào các hố, thêm vật chất hữu cơ thô xuống dưới rồi trồng cây trên ụ đất đắp nổi ở phía trên đó. Những cái cây được trồng và sinh trưởng theo lối tự nhiên sẽ sống lâu hơn và chống chịu sâu bệnh tốt hơn so với những cây sinh trưởng trong điều kiện bón thêm phân và các hóa chất nông nghiệp khác.

Một trong những vấn đề của việc sử dụng xe ủi đất để tạo lập vườn là khi san phẳng đất, ta cũng cạo đi mất lớp đất bề mặt. Lớp đất bề mặt có chứa phần lớn những vật chất hữu cơ đã được tích tụ qua nhiều năm. Một trang trại được phát quang bằng xe ủi đất và để đó không đụng chạm tới trong mười năm sẽ khô đi và mất đi lớp đất mặt do bị xói mòn; giá trị kinh tế của nó sẽ bị suy giảm đáng kể. Một vấn đề khác với việc phát quang theo kiểu truyền thống này là những cái cây bị hạ xuống và đốt sạch. Chỉ ra tay một lần thôi mà độ phì nhiêu của đất đã bị suy giảm trong hàng thập kỷ liền.

Trong khoảng ba tấc đất mặt sẽ có đủ dưỡng chất để duy trì một vườn cây ăn trái mười năm liền mà không cần bón thêm phân. Nếu ta có được lớp đất màu mỡ dày tới ba bộ (chừng một mét) thì vườn cây sẽ có thể duy trì trong gần ba mươi năm. Nếu ta có thể giữ và duy trì được độ phì của lớp đất rừng tự nhiên bằng cách sử dụng một tổ hợp những loài cây kiến thiết đất, bao gồm những cây cố định đạm, chẳng

hạn như cỏ ba lá hoa trắng, cây họ đậu, và đậu tằm, thì việc canh tác phi phân bón là khả dĩ một cách vô hạn định.

Tạo các “cánh đồng” ở trong vườn cây ăn trái

Thông thường, một “cánh đồng” có nghĩa là một nơi dành riêng hoàn toàn cho việc trồng cây mùa vụ, nhưng mà khoảng trống giữa các cây ăn trái trong vườn cũng có thể được xem là một cánh đồng. Tuy nhiên, hệ thống canh tác và các phương thức canh tác có sự khác nhau rất lớn tùy thuộc vào việc kiểu đất nào chiếm ưu thế - kiểu đất vườn hay kiểu đất ruộng bằng phẳng truyền thống. Tạo lập một cánh đồng, nơi cây ăn trái là cây thu hoạch chính còn ngũ cốc và rau củ được trồng xen giữa thì gần giống y như việc tạo lập một vườn cây ăn trái trong làm nông tự nhiên. Không cần thiết phải phát quang đất, và cũng không cần phải chuẩn bị đất kỹ hay chôn các vật chất hữu cơ thô làm gì.

Trong giai đoạn đầu tiên tạo lập ruộng trong vườn, chúng ta cần kiểm soát cỏ dại và đưa đất mặt về độ chín muồi. Sẽ rất tốt nếu bắt đầu bằng việc gieo hạt những cây mùa vụ giữa đám cây phân xanh và kiêu mạch trong suốt mùa hè đầu tiên, còn cải củ và cải mù tạt trong suốt mùa đông đầu tiên. Trong năm tiếp theo, ta có thể trồng những loại cây

thân leo quấn mọc mạnh mẽ, có khả năng sinh sôi nảy nở tốt mà không cần tới phân bón, chẳng hạn như đậu đỏ và đậu đũa vào mùa hè, đậu tằm lông vào mùa đông. Tuy nhiên, những loại cây leo này có thể che mất các cây rau và cây ăn trái còn nhỏ, thế nên phải liên tục canh chừng. Khi cánh đồng trong vườn này tới giai đoạn chín muồi, ta có thể trồng đủ loại cây mùa vụ khác.

Tạo lập một cánh đồng truyền thống

Hầu hết các cây mùa vụ trồng trên ruộng thấp là những cây hàng năm cho thu hoạch chỉ trong vài tháng cho tới nửa năm. Đây là những cây rau củ điển hình được trồng trong vườn. Những loại cây đạt tới chiều cao từ nửa mét tới một mét, như cà chua, cà tím và ớt thì có bộ rễ nông và có chút thất thường do lịch sử lai tạo lâu dài của chúng. Bởi vì khoảng thời gian từ lúc gieo hạt tới khi thu hoạch những loại cây mùa vụ tầm thấp sinh trưởng nhanh, chẳng hạn như cải củ, rau diếp và cải vườn, là ngắn, trong khi nhiều loại cây mùa vụ khác thường được trồng trong một năm, thế nên trong vụ trồng, bề mặt đất nhiều lúc để phơi ra trước các yếu tố thiên nhiên. Chúng ta buộc phải chấp nhận một thực tế là sẽ mất đi một ít đất mặt trên các cánh đồng này do bị mưa rửa trôi, đất sẽ mất đi một chút sinh khí của nó trong suốt thời gian hạn hán và khí hậu lạnh giá. Tuy vậy, những

vấn đề này có thể giảm thiểu được bằng cách giữ cho đất luôn được che phủ bởi lớp phủ bồi và bằng việc trồng một lớp cây phủ đất phát triển liên tục.

Khi tạo lập cánh đồng kiểu này, cái quan trọng nhất cần bận tâm là tránh xói mòn đất. Nếu đất dốc thì nên đắp thành nền để tạo thành bề mặt ngang bằng hoặc gần ngang bằng. Việc này có thể thực hiện được bằng cách đắp các bờ đất hay xây các tường kè bằng đá rồi hình thành ruộng bậc thang. Sự thành công hay thất bại của công trình này tùy thuộc vào sự hiểu biết dạng đất, sao cho các bờ đất được đắp lên sẽ không bị sụp lở. Với các tường kè đá, lý tưởng là dùng những tảng đá đào được từ chính mảnh ruộng hay sườn đồi đó.

Tạo lập những cánh đồng lúa

Tất nhiên, thật dễ để tạo nên những cánh đồng lúa bằng cách phát quang mặt bằng với xe ủi đất, dọn sạch chỗ thực vật rồi san phẳng đất. Việc làm đó cũng khả dĩ trong việc tăng diện tích của các cánh đồng lên, khiến cho việc cơ giới hóa nông nghiệp được thuận tiện hơn.

Tuy nhiên phương pháp này có nhiều khuyết điểm. (1) Lớp đất trên cùng của ruộng lúa có độ sâu không đều nhau, thành ra lúa sẽ sinh trưởng không đều. (2) Bởi lẽ những loại

máy móc lớn, nặng nề đè ép lên đất nên lớp đất mặt này sẽ trở nên rắn chắc. Nước trong đất sẽ tụ lại và trở nên tù đọng. Việc này tạo nên điều kiện kỵ khí, là nguyên nhân khiến bộ rễ bị thối, dẫn đến thiệt hại vì sâu bệnh. (3) Khi một cánh đồng được hình thành nhờ vào việc sử dụng máy móc hạng nặng, những luống đất quanh ruộng sẽ trở nên thô cứng, các vi sinh vật trong đất bị biến đổi hoặc chết đi, và lớp đất mặt sẽ bị hao mòn.

Cây cối là những kẻ bảo vệ đất. Ngay cả với các ruộng lúa nước, việc trồng những cây lớn hay cây nhỏ trên các gò đất trong chính các cánh đồng đó vẫn là một ý tưởng rất hay. Các ruộng lúa ở gần Sukhothai, Thái Lan, có trồng đầy những cây như thế. Những cánh đồng này nằm trong số những ví dụ xuất sắc nhất dùng phương pháp làm nông tự nhiên để trồng lúa ở bất cứ nơi đâu trên thế giới, bởi lẽ chúng kết nối người nông dân với đa dạng các loài thực vật và động vật - bao gồm súc vật kéo, tôm cá và các loài lưỡng cư - thành một tổng thể sống hài hòa với nhau.

Thật không cần thiết phải làm đủ mọi thứ chuyện để trồng lúa trên các cánh đồng ngập nước, do có thể trồng được lúa trên những cánh đồng cạn chỉ được tưới nhờ nước mưa. Tôi đã chứng minh việc này trên những cánh đồng của tôi ở Nhật⁴⁹. Lý do chính khiến cho người ta trồng lúa trên ruộng

49 Chuyện này là khả dĩ trên nông trại của ông Fukuoka một phần bởi vì nông trại của ông nhận được một lượng mưa đáng tin cậy trong suốt mùa vụ trồng lúa. Lúa gạo cũng có thể sinh trưởng tốt trong những vùng

ngập nước là để kiểm soát cỏ dại. Tôi chăm lo vấn đề cỏ dại bằng cách không cày bừa mà rải lớp phủ bồi bằng rơm và trồng cỏ ba lá hoa trắng liên tục trên bề mặt của đất. Theo cách đó tôi nhận được kết quả tốt hơn mà chẳng phải làm gì nhiều, còn đất trồng thì cứ mỗi năm trôi qua lại càng được đắp bồi màu mỡ hơn lên.

đất cao, khô ráo, ít hoặc không hề có nước tưới, nhưng sản lượng thu hoạch sẽ thấp hơn.

PHỤ LỤC B

Làm Các Viên Đất Chứa Hạt Giống Dùng Để Tái Lập Thảm Thực Vật

Mục đích

Ý tưởng chứa hạt giống trong viên đất sét được ra đời và phát triển để có thể gieo trực tiếp lúa gạo, lúa mạch và rau củ, kết hợp với phương pháp không cày xới đất. Từ đó tới giờ nó đã trở thành cách được đưa vào sử dụng rộng rãi, và đặc biệt phù hợp cho việc gieo từ trên không với mục đích nhất loạt tái thiết thảm thực vật cho những vùng sa mạc rộng lớn⁵⁰.

Vật liệu

1. Hạt giống của hơn một trăm loại cây (cây gỗ, cây ăn trái, cây bụi, rau củ, ngũ cốc, các chủng nấm có ích) - 10% tổng khối lượng.

⁵⁰ Nông dân trên khắp thế giới vẫn đã đang bọc hạt giống trong các viên đất sét từ nhiều năm rồi. Ông Fukuoka không phải là người phát minh ra kỹ thuật này; ông chỉ đơn giản làm nó sống lại. Kết quả là, việc gieo hạt trong các viên đất một lần nữa lại được sử dụng một cách hiệu quả trên các nông trại quy mô nhỏ, cho các dự án phục hồi lớn, và ở những khu vực thành thị bởi những người làm vườn kiểu du kích, nhằm gieo trồng trên những chỗ đất đặc biệt khô cứng.

2. Bột đất sét mịn, như loại dùng làm gạch nung hay đồ sứ. Nhìn chung thì thành phần này phải nhiều gấp 5 lần trọng lượng của hạt giống, nhưng lượng hạt giống cần phải được cân nhắc - 50% tổng khối lượng.
3. Nước đắng/nước ót - là phần chất lỏng còn lại sau khi muối ăn đã được tách khỏi nước biển, bằng cách đun sôi và cô đặc nước biển hay từ nước có vị mặn trong tự nhiên (chẳng hạn như thứ nước tìm thấy ở Biển Chết) - 10% đến 15% tổng khối lượng, cùng với hồ bột làm từ rong biển để kết dính chiếm 5% khối lượng tổng cộng.
4. Vôi đã tôi - 10% tổng khối lượng.
5. Thảo dược: rễ cây dây mật, quả và lá tán bột của cây hồi (*Illicium anisatum*), cây hoa chuông Nhật/thạch nam Nhật (*Pieris* spp.), cây sơn Nhật (*Rhus verniciflua*), cây xoan Nhật (*Melia azedarach*) - 10% tổng khối lượng.
6. Nước - 5% đến 10% tổng khối lượng.

Phương pháp gieo hạt từ trên không

Các loại hạt giống cần thiết cho việc tái thiết lập thảm thực vật trên sa mạc sẽ được trộn lẫn với nhau trong các viên đất sét và đem rải một lần từ trên máy bay hoặc vãi bằng tay để phủ cây cho những vùng rộng lớn.

Phương pháp sản xuất viên đất

Khi tiến hành sản xuất các viên đất với số lượng lớn, dùng một thùng trộn bê tông loại thường dùng (đã gỡ bỏ các lưỡi trộn ở trong lòng thùng) thì tiện hơn cả.

1. Cho chủng nấm mục và hạt giống vào trong thùng trộn và trộn thật kỹ để bào tử nấm bám đều (lớp bên trong).
2. Tiếp theo, luân phiên đổ thêm bột đất sét cùng với nước phun sương ở bên trong thùng trộn trong khi nó đang quay, để tạo một lớp bao bọc hạt giống và bào tử nấm (lớp giữa).
3. Rồi khi ta lần lượt thêm và phun nước đấng, dung dịch hồ bột rong biển, bột đất sét và vôi tôi vào thùng trộn trong khi nó đang quay, các viên chứa hạt giống được hình thành thường có kích cỡ đường kính từ nửa phân tới một phân (lớp ngoài).

Các đặc tính của viên đất

1. Các hạt giống được bọc trong các lớp đất sét sẽ có điều kiện thuận lợi để nảy mầm và lớn lên nhờ sự trợ giúp của các chủng nấm có ích.
2. Bằng cách nhào trộn đất sét cùng với nước đấng và hồ bột rong biển, các phân tử của nó được sắp xếp lại, nên các viên đất trở nên ổn định, nhẹ và cứng. Chúng không chỉ chịu

đựng được việc rơi từ trên cao xuống khi tiến hành gieo từ trên máy bay mà còn có thể điều chỉnh độ ẩm và độ khô tùy thuộc vào lượng mưa, co lại và trở nên chắc đặc. Vì thế, chúng hiếm khi vỡ nát, và các hạt giống được bảo vệ khỏi sự phá hoại của chim chóc hoặc thú vật cho tới khi chúng nảy mầm.

3. Nhiều loại côn trùng bị xua đuổi đi nhờ vào vị đắng của thảo dược và nước đắng được trộn vào lớp ngoài cùng của viên đất, thế nên hạt giống thoát khỏi bị xơi tái. Ở những vùng sa mạc và đất xa-van, kỹ thuật này giúp tránh được sự phá hoại của chuột, dê, và nhất là những loại côn trùng khỏe như bọ kiến đỏ. Thậm chí chỉ đơn giản bọc hạt giống trong những viên đất thôi là đã đủ để có thể tránh được những thiệt hại do chim chóc gây ra. Phương pháp mô tả ở đây không chỉ đảm bảo an toàn cho hạt giống nảy mầm trong những khu vực sa mạc không phải dùng tới những thứ chất độc hại, mà còn khiến cho việc rải hạt giống thoải mái trên một diện tích rộng lớn trở nên khả dĩ.

4. Cây cối trên mặt đất tồn tại trong mối liên kết gần gũi với những cây khác, với các loài động vật và vi sinh vật. Không loài nào có thể phát triển và sinh sôi khi chỉ có một mình nó. Đặc biệt là ở trong các khu vực sa mạc, vi sinh vật là yếu tố cần thiết cũng y như sự đa dạng các loài cây vậy.

5. Rễ cây dây mật (được dùng để chống bọ cánh cứng), cây hời (chống dê), hoa chuông Nhật (chống bò), xoan Nhật (chống các loài côn trùng nhỏ), cây sơn, v.v... sẽ bảo vệ cho các hạt giống ở trên sa mạc, trước và sau khi chúng nảy mầm.

Trong một khu vực mà hoàn toàn là sa mạc, sẽ là một ý hay khi trộn cả đất rừng thường hay đất rừng rậm màu mỡ vào cùng với đất sét. Thử đất này là nguồn giàu vi sinh vật trong đất, cùng các hạt giống và bào tử nấm, nên sẽ có giá trị lớn khi trộn thêm vào trong các viên đất.

Nếu các viên đất được rải từ trên máy bay, chúng có thể bị vỡ khi chạm đất, nên sẽ tốt hơn khi phủ bên ngoài chúng bằng hồ bột rong biển, nếu có.

Nhờ thế, ngay cả ở những vùng sa mạc rộng lớn, nơi mà các điều kiện cho sự nảy mầm là kém, việc tái lập thảm thực vật là có thể đạt được, đơn giản chỉ bằng cách gieo hạt mà không cần bận tâm về thời gian hay nơi chốn. Những thành quả đã đạt được ở châu Phi, Hoa Kỳ, Ấn Độ, Hy Lạp và Philippines là minh chứng⁵¹.

51 Ngay cả khi không sử dụng các phụ liệu như ông Fukuoka khuyến nghị ở trong mục này để gieo hạt quy mô rộng trên sa mạc, việc bọc các hạt giống trong đất sét để tạo thành các viên đất không thôi cũng sẽ trợ giúp rất tốt cho sự nảy mầm của hạt ở hầu hết mọi nơi.

PHỤ LỤC C

Sản Xuất Môi Trường Nuôi Cấy Tự Nhiên Toàn Diện

MÔI TRƯỜNG NUÔI CẤY TỰ NHIÊN toàn diện (là loại môi trường nuôi cấy nấm rế thông Matsutake) - dùng cho các viên đất bọc hạt giống - được hình thành từ vi khuẩn và các vi sinh vật họ nấm, đặc biệt là nấm rế cộng sinh (matsutake), nấm sợi (eumycetes), xạ khuẩn (actinomycetes) và bacilli (một loại vi khuẩn).

Môi trường nuôi cấy này được tạo ra bằng cách kết hợp giữa đất hình thành từ lá mục với cám gạo, rồi thêm vào một thứ nước chiết lấy từ việc đun sôi một lượng nhất định củ và/hoặc thân của các loại cây thuộc họ Bìm bìm (*Convolvulaceae*), chẳng hạn như bìm bìm hoa tím, và/hoặc cây thuộc họ Củ nâu (*Dioscoreaceae*), một lượng nhất định các cây thuộc họ Thập tự (*Cruciferae*), chẳng hạn như cải mù tạt, cải bắp, và một lượng nhất định các cây thuộc họ Hành tỏi (*Liliaceae*).

Mặc dù việc phân lập riêng biệt chủng nấm matsutake đã thành công từ lâu, nhưng nghiên cứu trên các mẻ cấy nấm matsutake nhân tạo, đặc biệt là qua một loại nấm nuôi cấy thuần chủng, tiến triển rất chậm. Một nguyên do là dòng nấm sợi này rất khó để nuôi cấy phân lập. Một vấn đề khác là dòng nấm sợi này sinh trưởng cực kỳ chậm, và sẽ khó để thu được số lượng lớn. (Không có loài nấm nào khó nuôi cấy bằng matsutake).

Môi trường nuôi cấy nấm matsutake được mô tả ở đây khắc phục được những nhược điểm trên. Sau khi làm thí nghiệm với nhiều loại môi trường khác nhau, tôi đã có thể thu được một số lượng lớn chủng nấm sợi này một cách khá dễ dàng với môi trường nuôi cấy tự nhiên. Tốc độ tăng trưởng và phát triển của loại nấm sợi matsutake trong môi trường này nhanh hơn xấp xỉ mười lần so với môi trường Hamada, là loại hầu như vẫn thường xuyên được dùng trong quá khứ. Thêm vào đó, môi trường này cho thấy loài nấm sợi matsutake tăng trưởng rất mạnh mẽ và dày đặc.

Môi trường nuôi cấy tự nhiên đã được đề cập ở trên có thể được tạo lập nhờ sử dụng các vật liệu sau:

1. Đất từ lá mục lấy từ rừng thông hoặc từ rừng hỗn giao (20% đến 50% trọng lượng).
2. Cám gạo (20% đến 50% trọng lượng).

3. Thực vật

a. Củ và thân của các chi thuộc họ Bìm bìm (*Convolvulaceae*), chẳng hạn như khoai lang, và các chi thuộc họ Củ nâu (*Dioscoreaceae*), chẳng hạn như khoai mỡ (10% đến 20% trọng lượng).

b. Các loại rau họ Thập tự, chẳng hạn như cải củ và cải mù-tạt (10% đến 20% trọng lượng).

c. Các chi thuộc họ Hành tỏi (*Liliaceae*), chẳng hạn như hành tây, hành hoang (*ramps*) và tỏi hoang (10% đến 20% trọng lượng).

Nghiền nát và trộn đất xốp cùng với cám gạo để tạo thành 20% tổng trọng lượng của môi trường nuôi cấy. Sau đó thêm vào hỗn hợp này một thứ nước pha chế lấy từ quá trình đun sôi các nguyên liệu từ ba nhóm thực vật ở trên, mỗi loại chiếm 20% tổng trọng lượng. Ta có thể làm thành một môi trường loãng, bằng cách đổ thêm 60% đến 80% nước vào, hoặc làm thành một môi trường đặc, bằng việc cho agar vào. Để nuôi cấy nhân tạo loài nấm matsutake sử dụng môi trường này, trước tiên hãy đặt môi trường này vào trong các lọ hoặc túi nhựa, rồi hấp thanh trùng chúng, sau đó cấy các bào tử đó vào và giữ chúng trong phòng sấy tại nhiệt độ duy trì ở mức 16 đến 23 độ C (61 đến 73 độ F). Sau khoảng chừng một tháng, loài nấm sợi này sẽ mọc lan

ra khắp các lọ hay túi đựng. Sau đó, nếu ta chuyển chúng tới một nơi duy trì ở mức 19 độ C (66 độ F) hoặc lạnh hơn, các thể quả của nấm sẽ phát triển sau chừng bốn tháng.

Tại sao loại môi trường tự nhiên này lại hiệu quả? Các nguồn dinh dưỡng cung cấp cho matsutake đòi hỏi rất tinh tế và phức tạp. Ngay cả khi chúng ta trộn nhiều loại hợp chất hóa học khác nhau rồi thêm vitamin cùng hóc-môn vào thì cũng không thể thu được một số lượng lớn loại nấm sợi này một cách dễ dàng, và gần như là không có khả năng thấy được sự phát triển của các thể quả.

Môi trường tự nhiên này thì trái lại, lúc đầu trông thì có vẻ phải chế một cách thật cẩn thận, nhưng nó cho thấy một hiệu ứng mang tính hữu cơ và hiệp lực (trong đó nhiều yếu tố khác nhau làm việc cùng với nhau). Dường như nó làm giàu thêm dưỡng chất giúp cho loài nấm sợi này phát triển và làm tăng sự hình thành các thể quả. Sự nhân giống sinh dưỡng của loài nấm sợi có khả năng xảy ra tới một mức nhất định, chỉ với đất lá mục và cám gạo, nhưng có vẻ như là các vitamin và hóc-môn, đặc biệt là hóc-môn sinh trưởng có trong các nguyên liệu thực vật đưa vào, đã đóng một vai trò lớn trong việc hình thành các thể quả.

Môi trường nuôi cấy tự nhiên này thích hợp không chỉ cho việc nuôi cấy nấm matsutake không thôi, mà còn thích hợp cho việc nuôi cấy các vi sinh vật nói chung.

*“Khi nào đây
Khu vườn Địa đàng ấy
Mới từng bừng trở lại?”*

PAUL DOUMER NÓI VỀ NGƯỜI VIỆT

Paul Doumer là Toàn quyền Đông Dương từ năm 1897 tới năm 1902 và sau này là tổng thống Pháp, từng so sánh người Việt với các dân Miên, Lào, Thái và các dân khác (ở Đông Nam Á). Ông bảo rằng “Phải sang đến tận Nhật Bản người ta mới thấy được một giống dân tương xứng và giống với người Việt. Cả hai giống người Việt và Nhật, theo ông, đều thông minh, chăm chỉ và can đảm.”

Vào thời điểm Doumer phát biểu nhận định trên đây, dân tộc Việt Nam đang ở trong hoàn cảnh thất thế nhục nhã, trong khi dân tộc Nhật Bản đang tột đỉnh vinh quang, vừa đại thắng Nga.

Thế nhưng bây giờ, người Việt Nam liên tục nhắc đến người Nhật Bản như một hình mẫu tiêu biểu về việc “sống”: sống tốt, sống đẹp. Và mỗi khi người Nhật làm một điều gì đó tốt đẹp thì người Việt Nam lại bảo nhau: Ở Việt Nam ấy à, còn lâu nhé!

Đã hơn trăm năm trôi qua kể từ khi Paul Doumer ca ngợi người Việt.

Chúng tôi muốn tin Paul Doumer, và chúng tôi muốn từng bước Hiện Thực điều đó cùng với các bạn, để điều Paul Doumer từng nói về chúng ta sớm thành sự thật.

Chúng tôi mong muốn cuốn sách đến được với thật nhiều người Việt Nam, kể cả những người không có điều kiện mua sách, cũng không có điều kiện truy cập tới mạng internet và máy vi tính, nhất là các nông dân và những người ở vùng sâu vùng xa.

Vì thế, chúng tôi mong các bạn, sau khi đọc bản ebook này, nếu bạn thấy nó hữu ích và bạn có điều kiện tài chính, thì hãy ủng hộ bằng cách mua sách giấy để gửi tặng các đối tượng trên.

Sách có thể mua tại các điểm bán ở link này [Mua sách Cuộc-Cách-Mạng-Một-Cộng-Rơm ở đâu?](#)

Hoặc email về books@xanhshop.com; điện thoại 0909.000.202 để hỏi thông tin.

XanhShop.com

cười lên



Bạn vừa được tặng một món quà!

Như trò chơi "keng" của lòng tốt vậy, bạn vừa "bị" rồi, mau đi "chạm" một người bạn khác thôi.



Đây là cuốn ebook được dành tặng bạn!

Ai đó đã chạm đến bạn bằng một hành động tử tế vô danh.
Giờ là cơ hội để bạn cũng được làm như vậy! Làm điều gì đó tốt đẹp
cho ai khác, gửi mảnh giấy này lại, để gió tiếp tục cuốn lòng tốt đi.

Để có thêm ý tưởng, bạn có thể truy cập www.kindspring.org.

Hương thơm mãi lưu trên bàn tay vừa trao đóa hồng. - Gandhi